

# diễn đàn

Số 127/ 3.2003

ISSN 1164-2378

## F O R U M



Biểu tình ở San Francisco 16.2.2003 (ảnh DBP)

### mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

#### thời sự & những vấn đề

- |                                   |                  |
|-----------------------------------|------------------|
| 1 Nhà nước côn đồ                 | Nguyễn Quang     |
| 6 Tin / Thời sự                   |                  |
| 12 Hầu đồng ở Hà Thành (phóng sự) | Trâm Anh         |
| 14 1963                           | Nguyễn Ngọc Giao |

#### văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- |   |                    |
|---|--------------------|
| 15 Địa đàng ở phương Đông                     | Nguyễn Quang Trọng |
| 18 Kỹ thuật di truyền<br>và bệnh sốt rét      | Nguyễn Đức Hiệp    |
| 23 Tết này nhớ Tết (truyện ngắn)              | Lê Minh Hà         |
| 27 Đọc Đỗ Quỳnh Dao                           | Văn Ngọc           |
| 28 Âu châu tứ bình                            | Vũ Quang           |
| 29 Vương quốc Lưu cầu<br>gửi sứ sang Việt Nam | Vĩnh Sính          |

#### Khủng hoảng Irak

### NHÀ NƯỚC CÔN ĐỒ

NGUYỄN QUANG

Kể như từ tháng 8 năm ngoái, nước Mĩ của ông “ W ” Bush liên tục hét vào tai thế giới bài quân hành của một cuộc chiến tranh được báo trước. Nói theo ngôn ngữ Hollywood thời thượng, đó là một thứ “ Chiến tranh Vùng Vịnh tiếp theo và hết ”, cam đoan là hết. Chỉ kẹt một nỗi, chiến dịch quảng cáo khuyến mãi coi mời hơi bị trực trặc : Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc thì chia rẽ, các chính phủ châu Âu thì xâu xé loạn xạ, trong khi nhân dân thế giới (10 triệu người xuống đường biểu tình ngày 15.2) phản kháng một cuộc phiêu lưu mà họ cảm thấy không bức thiết, thậm chí không cần thiết. Vậy thì cuộc chiến tranh mà Công ti “ W ” đang rao bán là như thế nào ?

#### Những lí do giả tạo

Trong một cuộc phỏng vấn truyền hình, cố vấn thân tín của tổng thống Mĩ, bà Condoleezza Rice (phụ trách An ninh Quốc gia), đã đúc kết luận điểm của Hoa Kỳ bằng vắn vắn một câu : “ Phải tiến hành chiến tranh với Saddam Hussein vì hấn đe dọa an ninh quốc tế và an ninh của nhân dân Irak ”. Ta hãy thử bình giải luận điểm ấy :

*\* Irak dường như còn lưu trữ những vũ khí tàn phá hàng loạt (hạt nhân, hoá học, vi trùng)*

Đúng là chẳng ai phủ nhận rằng trong quá khứ, Hussein đã tìm cách trang bị những vũ khí đó, và nếu có được, y sẽ không ngại ngần đem ra sử dụng. Nhưng không ai không biết rằng năm 1991, Irak đã bị ném bom ác liệt trong 5 tuần lễ liên tiếp ; các chuyên gia về giải giới của LHQ nhận định là từ năm 91 đến năm 98, họ đã “ tiêu huỷ một cách có kiểm chứng ” từ 90 đến 95 % kho vũ khí của Irak ; và trong hai tháng thanh tra khắp mọi nơi (kể cả các dinh tổng thống) phái bộ kiểm soát mới của LHQ, đứng đầu là Hans Blix (chuyên gia về vũ khí hoá học và vi trùng) và El Baradei (chuyên gia về hạt nhân) chỉ tìm ra những chuyện lật vạt. Cố nhiên, không thể loại trừ rằng chế độ Hussein còn có khả năng lừa dối và nguy trang, như một nhà quan sát đã ví von, “ Hussein là con hổ bị nhốt trong chuồng, bao nhiêu nanh vuốt đã bị dũa nhẵn cả rồi ” : những gì còn lại trong kho vũ

(xem tiếp trang 4)

## Bạn đọc và Diễn Đàn

### Đon Dương (tiếp theo và chưa hết)

Theo tin của gia đình Đon Dương ở đây thì “ vụ Đon Dương ” hồi II đã diễn ra như sau : 1/ Bà phát ngôn viên của Bộ ngoại giao đã 3 lần tuyên bố “ Đon Dương vẫn là một công dân tự do ” ; 2/ Ngày 28.1.03, Đon Dương nhận được lời thông báo từ Hà Nội là anh sẽ được cấp hộ chiếu ; 3/ Ngày hôm sau, Đon Dương đến phòng PA18 (phòng “ bảo vệ văn hoá ”, tức là bộ phận chuyên theo dõi và “ xử lí ” giới văn hoá nghệ thuật của công an Thành phố Hồ Chí Minh) thì được ông trưởng phòng tuyên bố sẵn sàng cấp hộ chiếu nếu Đon Dương làm 01 bản tường trình nhận tội “ sai lầm ” và bị Mĩ “ lợi dụng ” ; cũng như lần trước, Đon Dương không chịu “ kiểm điểm ” và ra về, tay không.

Cố nhiên, Đon Dương vẫn được tự do ngồi không (có lệnh miêng không cho Đon Dương đóng phim), và trong khi chờ đợi, gia đình anh “ lợi dụng ” sự giúp đỡ của hai bà chị lớn để sống qua ngày.

Nghe nói ngay từ tháng 10.02, chính quyền trung ương đã quyết định “ vụ Đon Dương ” là việc của “ thành phố ”, nên “ thành phố phải giải quyết ”. Sự việc xảy ra trong hai ngày 28 và 29.1, phải hiểu ra sao ? Phép vua thua lệ làng ? Hay là hai chữ “ tự do ” của bà phát ngôn phải hiểu là “ dzậy mà không phải dzậy ” ?

T.T.L. (San Jose, California)

## sinh hoạt nghệ thuật

### Phim Việt Nam tại Deauville



Festival du Film Asiatique de Deauville  
từ 13 đến 16.3.2003

**MÊ THẢO - Thời vang bóng**

phỏng theo tác phẩm Chùa Đàn của Nguyễn Tuân

đạo diễn : **Việt Linh**

diễn viên : **Dũng Nhi, Đon Dương,**

**Minh Trang, Thuý Nga**

xem chi tiết cụ thể :

[www.DeauvilleAsianFilmFestival.com](http://www.DeauvilleAsianFilmFestival.com)

### Quốc... kỳ quái

Chắc các bạn cũng nghe nói tới vụ quốc kỳ Việt Nam là... cờ vàng ba sọc đỏ, cái cờ của mô ma chế độ Việt Nam cộng hoà đã cáo chung cách đây gần 30 năm rồi.

Ai cũng biết có những người, có lẽ vì oán ghét chính quyền Việt Nam hiện nay, nên vẫn muốn nhìn thấy ở là cờ 3 sọc đỏ một biểu tượng (cho quan niệm của họ về quốc gia, về tự do), chứ họ cũng chẳng nuối tiếc gì anh em ông Diệm ông Nhu, còn ông Thiệu thì càng không nữa. Đó là vấn đề ý kiến chính trị, và ai cũng có quyền có chính kiến của mình, ở đây xin miễn bàn.

Điều kỳ quái là vừa qua, theo đề nghị của một nghị viên, hạ viện bang Virginia (bên cạnh thủ đô liên bang Washington DC của Hoa Kỳ) đã thông qua một dự luật quy định đó là cờ của nước Việt Nam, từ nay ở các công sở, trường học, nơi công cộng ở Virginia, sẽ phải treo cờ vàng ba sọc đỏ. Tất nhiên, dự luật này chỉ trở thành luật của bang khi nó được thượng viện cũng biểu quyết thông qua. Nếu điều này xảy ra thì đây là lần đầu tiên trong lịch sử, cơ quan dân cử của một bang trong liên bang, lại quyết định áp quốc kỳ cho một quốc gia khác (có quan hệ ngoại giao với liên bang), và lại chọn lá cờ của một chế độ đã bị chôn vùi từ khuya.

Tại sao lại có chuyện kỳ quái như vậy ? Sự thật khá đơn giản : không hiểu ông dân biểu Hull kia có nghe ông cố vấn gốc Việt nào hiến kế không, nhưng chắc chắn đưa ra đề nghị này, ông Hull hi vọng kiếm được một số phiếu của cử tri người Mĩ gốc Việt. Đa số đồng sự của ông ở hạ viện Virginia chắc cũng vì tính toán cao thượng ấy mà bỏ phiếu tán thành. Nhưng ở thượng viện, người ta cũng phải đếm xỉa một chút đến pháp lí, đến hiến pháp. Quốc hội của tiểu bang có quyền quyết định một vấn đề liên quan tới quan hệ ngoại giao của liên bang không ? Chưa chi dự luật này đã bị chính quyền Việt Nam phản đối, và Bộ ngoại giao Mĩ đã vội vàng một mặt viết thư an tâm Bộ ngoại giao Việt Nam, mặt khác yêu cầu thượng viện Virginia dẹp cái chuyện khôi hài này đi. Nếu thượng viện Virginia không coi hiến pháp và Bộ ngoại giao Mĩ ra gì thì có thêm một sức ép nữa : Phòng thương mại Virginia, thay mặt giới kinh doanh, mạnh mẽ phản đối vì họ sợ rằng sẽ không thể nào làm ăn buôn bán với Việt Nam. Đụng đến tự do kinh doanh còn nghiêm trọng hơn là vi phạm nhân quyền. Chưa hết, các hội đoàn giáo dục Mĩ cũng lên tiếng phản đối : học

### DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

## Quốc... kỳ quái

Chắc các bạn cũng nghe nói tới vụ quốc kỳ Việt Nam là... cờ vàng ba sọc đỏ, cái cờ của mô ma chế độ Việt Nam cộng hoà đã cáo chung cách đây gần 30 năm rồi.

Ai cũng biết có những người, có lẽ vì oán ghét chính quyền Việt Nam hiện nay, nên vẫn muốn nhìn thấy ở là cờ 3 sọc đỏ một biểu tượng (cho quan niệm của họ về quốc gia, về tự do), chứ họ cũng chẳng nuôi tiếc gì anh em ông Diệm ông Nhu, còn ông Thiệu thì càng không nữa. Đó là vấn đề ý kiến chính trị, và ai cũng có quyền có chính kiến của mình, ở đây xin miễn bàn.

Điều kỳ quái là vừa qua, theo đề nghị của một nghị viên, hạ viện bang Virginia (bên cạnh thủ đô liên bang Washington DC của Hoa Kỳ) đã thông qua một dự luật quy định đó là cờ của nước Việt Nam, từ nay ở các công sở, trường học, nơi công cộng ở Virginia, sẽ phải treo cờ vàng ba sọc đỏ. Tất nhiên, dự luật này chỉ trở thành luật của bang khi nó được thượng viện cũng biểu quyết thông qua. Nếu điều này xảy ra thì đây là lần đầu tiên trong lịch sử, cơ quan dân cử của một bang trong liên bang, lại quyết định áp quốc kỳ cho một quốc gia khác (có quan hệ ngoại giao với liên bang), và lại chọn lá cờ của một chế độ đã bị chôn vùi từ khuya.

Tại sao lại có chuyện kỳ quái như vậy ? Sự thật khá đơn giản : không hiểu ông dân biểu Hull kia có nghe ông cố vấn gốc Việt nào hiến kế không, nhưng chắc chắn đưa ra đề nghị này, ông Hull hi vọng kiếm được một số phiếu của cử tri người Mĩ gốc Việt. Đa số đồng sự của ông ở hạ viện Virginia chắc cũng vì tính toán cao thượng ấy mà bỏ phiếu tán thành. Nhưng ở thượng viện, người ta cũng phải đếm xỉa một chút đến pháp lí, đến hiến pháp. Quốc hội của tiểu bang có quyền quyết định một vấn đề liên quan tới quan hệ ngoại giao của liên bang không ? Chưa chi dự luật này đã bị chính quyền Việt Nam phản đối, và Bộ ngoại giao Mĩ đã vội vàng một mặt viết thư an tâm Bộ ngoại giao Việt Nam, mặt khác yêu cầu thượng viện Virginia dẹp cái chuyện khôi hài này đi. Nếu thượng viện Virginia không coi hiến pháp và Bộ ngoại giao Mĩ ra gì thì có thêm một sức ép nữa : Phòng thương mại Virginia, thay mặt giới kinh doanh, mạnh mẽ phản đối vì họ sợ rằng sẽ không thể nào làm ăn buôn bán với Việt Nam. Đụng đến tự do kinh doanh còn nghiêm trọng hơn là vi phạm nhân quyền. Chưa hết, các hội đoàn giáo dục Mĩ cũng lên tiếng phản đối : học

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt :** từ 1 đến 3 dòng : 10 €, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 € (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo :** 1/8 trang : 35 €, 1/4 trang : 60 €, 1/2 trang : 100 € trang, 1 trang : 200 € (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

**Đăng liên tiếp nhiều số báo :** lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

**Chứng từ đăng tải :** sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 € (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số ..... )

Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

*Giá mua 1 năm báo (11 số)*

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.416.14 W PARIS.

**Châu Âu** thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, Numer Banku : 10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

**Úc và các nước khác :** xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)  
FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

## Nhà nước côn đồ (tiếp theo trang 1)

khí của Irak đều là vô dụng, và dưới con mắt dò xét của các máy bay và vệ tinh trinh thám, Hussein không thể nào trang bị trở lại được nữa. Và lại, nếu Mĩ có những thiết bị thám sát điện tử “ tức thời ” (như trong phim ảnh Hollywood) như họ vẫn khoe khoang, thì tại sao họ không thông báo cho đoàn thanh tra những nơi cất giấu vũ khí của Saddam, mà lại bắt anh chàng Colin Powell tội nghiệp kia phải trình diễn một buổi chiếu hình đen trắng tối tệ đến cả Hollywood cũng thấy khó tin ? Mĩa mai hơn nữa, báo chí cho biết trong những tài liệu mà ông Powell mang ra trình bày trước LHQ, có cả những tài liệu quá đắt (từ trước năm 1993), còn trong hồ sơ “ chưa từng công bố ” mà chính phủ Anh chuẩn bị đem ra “ tiết lộ ” ở LHQ, có những đoạn sao chép nguyên xi (kể cả những lỗi ngữ pháp) từ một luận án đại học cùng thời kì mười năm về trước ! “ W ” còn lớn tiếng nói rằng đánh tên bạo chúa Bagdad là việc cấp bách hơn là đánh tên bạo chúa Bình Nhưỡng, trong khi Kim Trung Nhất (Kim Jong-il) đang trực xuất đoàn thanh tra của Cục Năng lượng Nguyên tử và cao giọng khoe mình có bom, đe dọa “ hạt nhân hoá ” bán đảo Triều Tiên nếu Mĩ can thiệp... Miệng lưỡi kiểu đó của “ W ”, dân chân bò của bang Texas nghe cũng khó lọt tai.

### \* Sự can thiệp quân sự sẽ giải phóng nhân dân Irak và mang lại dân chủ cho đất nước này

Lời kêu gọi “ can thiệp là một nghĩa vụ ” dựa trên các tiền lệ Bosnia, Kosovo và Đông Timor. Tính thuyết phục của nó sẽ cao nếu đó là lời kêu gọi của LHQ hay của một liên minh quốc tế, chứ không phải của riêng một mình nước Mĩ. Dẫu chỉ là của các nước đồng minh Tây phương, nó sẽ còn khả năng thuyết phục nếu như năm 1991, quân đội đồng minh không giữa chừng “ ngừng lại, đằng sau quay ” vì những lí do địa - chính trị sơ đẳng (sợ tạo ra cho Iran thuộc phái Chiite Hồi giáo một vị trí bá quyền), để mặc cho Vệ binh Cộng hoà (của Hussein) đập tan cuộc nổi dậy ở Bassorah của người phái Chiite. Ngay cả trong trường hợp đó là hành động của một mình nước Mĩ, nó cũng còn tính thuyết phục nếu như nước Mĩ đã không tẩu chạy diễn đàn về “ tai hoạ nhân đạo ” hậu quả của một cuộc chiến tranh ở Irak ( nửa triệu người chết hoặc phải chạy tị nạn) do Bộ ngoại giao Thụy Sĩ tổ chức. Đúng là Saddam bị lật đổ thì cả thế giới đều hoan nghênh, đầu tiên có lẽ là nhân dân Irak. Song có lẽ nhân dân Irak cũng không thể quên vì ai mà từ mười năm nay họ bị cấm vận ngặt nghèo (chỉ cần đơn cử một hậu quả : tỉ lệ tử vong của trẻ em lên tới 23 %). Nhưng thôi, ta cứ giả tưởng nghe theo lôgic của Hoa Kỳ, cái lôgic theo đó, người ta có thể “ ném dân chủ như ném bom bi ” (lời của Rony Brauman, nguyên chủ tịch tổ chức Y sĩ không biên giới MSF). Nếu thế thì tại sao lại chỉ “ ném dân chủ ” ở Irak thôi ? Còn các nước khác cũng trong khối “ Trục của cái Ác ” (xin miễn kể tên), tại sao George W lại nương tay ? Lấy cái quan niệm “ dân chủ ” cao bồi Texas này làm thước đo, tại sao không chiếm đóng luôn cả Koweit và Arabia Saudi, mà mọi người đều biết là hai nước tài trợ cho chủ nghĩa khủng bố Hồi giáo ? (Hay là hai nước này đã... bị chiếm đóng rồi !) Tại sao không ném bom luôn thể Mecca để giải phóng người Hồi giáo đang chìm đắm trong chế độ ngu dân của giáo phái Wahhabi ? Tại sao không cấm vận Israel, quốc gia duy

nhất trong khu vực Trung Đông, vừa có trong tay những vũ khí giết người hàng loạt (bom nguyên tử và cả tên lửa phóng bom) vừa đang gây hấn láng giềng (thí dụ : những lời đe dọa của Israel trong cuộc tranh chấp với Lebanon về nguồn nước) vừa đang chà đạp quyền con người ở Palestin (Toà án Tối cao Israel đã hợp pháp hoá việc tra tấn) vừa ngồi xồm lên mọi quyết nghị của LHQ từ 35 năm nay ?

### Những lí do thâm kín

Có ai triển khai cả một đạo quân 150 000 vì những lí do không đầu vào đầu. Vậy nếu những lí do mà Công ti “ W ” đưa ra không có cái nào đứng vững, thì hẳn phải có những lí do thực sự mà họ muốn giấu kín. Trước tiên, cần gạt ngang câu chuyện cừ thù ân oán giữa hai giòng họ Bush và Saddam, một thứ bi kịch Shakespeare rẻ tiền. Ân oán có thể có đấy, nhưng nó ở cấp độ phi lí tính : ở đây chỉ xin bình luận ở bình diện lí tính. Trên bình diện này, có thể nhận dạng một hàng số, một cục diện mới, và cả một sự do dự.

### Hàng số : dầu mỏ.

Người biểu tình bình thường (hồ khẩu hiệu : *No blood for oil ! Không đổ máu vì dầu mỏ !*) không cần ai giải thích cũng nghĩ thấy mùi dầu trong chính sách Hoa Kỳ. Nhưng với tập đoàn đang cầm quyền ở Nhà Trắng, phải nói mùi dầu xông lên nồng nặc. Chế độ tập đoàn trị (*oligarchie*) này có thể gọi là *oiligarchie* được vì gia đình Bush câu kết chặt chẽ với tập đoàn công nghiệp dầu mỏ Texas : tập đoàn này đã đóng vai trò quan trọng trong sự thắng cử của Bush cha và Bush con. Vừa đặt chân vào Nhà Trắng, George W. Bush đã thành lập ngay một “ Ủy ban vì một chính sách mới về năng lượng ”, đứng đầu là phó tổng thống Dick Cheney, người của tập đoàn dầu mỏ. Theo Cheikh Yamani (nguyên chủ tịch OPEP, tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ), uỷ ban này có nhiệm vụ giảm bớt sự lệ thuộc về năng lượng của Mĩ đối với Trung Đông, một khu vực mà tình trạng ổn định đang bị đe dọa, Mĩ không còn tin cậy vào đồng minh truyền thống (mà không tin cũng phải). Thay thế Arabia Saudi đương nhiên chỉ có Irak (trữ lượng dầu mỏ tương đương với trữ lượng của Arabia Saudi), lại có thuận lợi hơn : dầu mỏ Irak có thể đưa thẳng ra Địa Trung Hải thông qua Thổ Nhĩ Kỳ (đường ống Yumurtakik), và có thể, trong tương lai, thông qua Israel (đường ống Haifa). Thiết lập được ở Bagdad một chế độ dễ bảo, Tây phương có thể giành quyết định giá cả dầu hoả trong tay OPEP : giá một thùng dầu hiện nay là 30 USD, nếu tăng sản lượng dầu mỏ của Irak lên gấp 4 (đó là điều khả thi) có thể giảm giá dầu xuống một nửa, kinh tế Tây phương sẽ được tiếp sức mạnh mẽ, còn Arabia Saudi sẽ bị khánh tận.

Luận điểm này có chỗ mạnh là giản dị, nhưng chỗ yếu của nó là... quá giản đơn. Trước hết, nhờ sự đa dạng hoá các vùng khai thác (Bắc Hải, Biển Caspienne, Nga, Phi Châu), các nước phương Tây không còn lệ thuộc nhiều vào Trung Đông (và so với châu Âu, Mĩ còn lệ thuộc ít hơn nữa). Sau nữa, chúng tôi cho rằng sự tuyệt giao giữa Mĩ và Arabia Saudi còn là một giả định có tính chất tư biện : có thể tưởng tượng cặp bài trùng Washington-Riyad, mấy chục năm nay quen ngồi mát ăn bát vàng, bỗng nhiên mang bát vàng ra chơi xóc đĩa ? Bởi vì chiến tranh Irak, muốn đạt mục tiêu, phải nhanh gọn, nếu không sẽ gây ra náo loạn về dầu mỏ, với viễn cảnh kịch bản đại hoạ là

các giếng dầu Trung Đông bị phá huỷ, giá dầu nhảy vọt lên 100 USD/thùng... và kinh tế sẽ lâm vào suy thoái trên toàn cầu. Cuối cùng là câu hỏi : Tại sao lại làm chiến tranh vào đúng lúc này ? Nếu Mĩ muốn nắm trọn các mỏ dầu ở Irak, họ có thể làm ngay từ năm 1991, mà đỡ tốn kém hơn nhiều. Tóm lại, giải thích bằng dầu mỏ không phải là không có cơ sở, song sẽ rơi vào xu hướng “ địa chính trị ” sơ đẳng nếu cho rằng dầu mỏ là động cơ duy nhất.

### Cục diện mới : thời kì sau 11.9

Làn sóng chấn động do cuộc khủng bố ngày 11.9 ở New York gây ra vẫn chưa hết tác dụng. Ai chưa sang Mĩ trong thời gian gần đây chưa thấy được sự chấn thương sâu sắc tới mức nào. Mọi chính sách Hoa Kỳ từ nay xoay quanh cái trục duy nhất là “ chiến tranh chống khủng bố quốc tế ”, được sự ủng hộ mạnh mẽ của công luận, của các media và mọi giới chính quyền. Tất nhiên, không một nhà quan sát bình tĩnh nào có thể chấp nhận mà không tranh luận cái quan niệm “ mì ăn liền ” đó, song làm sao đòi hỏi điều này ở ông John bà Smith bình thường, trình độ văn hoá chính trị vốn đã thấp lè tè, nay lại bị

biến cố 11.9 biến thành “ nuts ” (cả thộn). Nói một cách xinich, Ben Laden đã tặng cho George W món quà quý báu nhất mà một chính khách có thể mơ ước : một “ tổng thống được bầu bằng xổ số ”, lặn ngụp trong những khó khăn kinh tế và những vụ bê bối về tài chính, hôm trước hôm sau bỗng trở thành “ tổng tư lệnh ” của một quốc gia đoàn kết đồng tâm nhất trí, được trao toàn quyền để tiến hành chiến tranh chống khủng bố. Phải thừa nhận là tập đoàn tân bảo thủ ở Nhà Trắng đã khôn khéo biết nắm thời cơ, biến một ý tưởng còn phôi thai thành cả một chủ thuyết : **chủ nghĩa đơn phương** của một nước Hoa Kỳ không còn đối trọng từ ngày bức tường Berlin đổ sụp. Hầu như tất cả các thành viên của ê kíp Bush đều là những phần tử “ điều hậu ”. Trong đàn “ điều hậu ” ấy, nếu phải đơn cử những lí thuyết gia, thì có thể kể hai “ điều hậu lí thuyết gia ” (xuất thân từ giới đại học) : Richard Perle, quân sư của W, được gọi là “ ông hoàng của Bóng Tối ”, và Paul Wolfowitz, thứ trưởng quốc phòng, được mệnh danh là... Velociraptor (con khủng long chạy rất tả trong phim Jurassic Park). Tiên đề của chủ thuyết này là một khẳng định không thể chối cãi : từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc với sự sụp đổ của Liên Xô, nước Mĩ với sức mạnh kinh tế và thế lực quân sự của mình, trên thực tế đã trở thành sen đầm quốc tế, và mỗi lần nổ ra một cuộc tranh chấp cục bộ trong bối cảnh một thế giới đa cực hỗn mang, các nước khác lại khẩn khoản yêu cầu Mĩ can thiệp. Thế thì đại gì mà không chính thức hoá vai trò thực tế đó, và nhân tiện đòi được trả đầy đủ lợi nhuận : thế giới phải thừa nhận vai trò lãnh đạo của Mĩ. Nghĩa là vai trò lãnh đạo ấy, Mĩ không chia sẻ với nước nào khác, Mĩ không có đối tác ngang hàng với mình, các mục tiêu của Mĩ do Mĩ quyết định trên cơ sở lợi ích tối thượng của Mĩ, ai muốn làm đồng minh với Mĩ thì chỉ việc theo đuổi những mục tiêu đó (xem những tuyên bố của D. Rumsfeld về “ châu Âu già nua ”). Định đề ẩn ngồn tiếp theo là : quyền lợi tối thượng của Mĩ là chính



đáng, bởi vì Mĩ là “ quốc gia có định mệnh ”, một “ cường quốc độ lượng ” không mong muốn gì hơn là chia sẻ những giá trị của mình : dân chủ, tự do cá nhân, tự do kinh doanh... Hệ quả không nói ra, nhưng rất chắc chắn, là “ chủ nghĩa ngoại lệ ” theo đó nước Mĩ đứng ngoài, đứng trên trật tự hiện có của thế giới, đứng trên các định chế quốc tế làm nền tảng cho trật tự đó. Điều này giải thích tại sao, từ ngày W. lên làm tổng thống, nước Mĩ đã bác bỏ mọi hiệp ước, mọi định thư có thể ít nhiều hạn chế “ chủ quyền chủ soái ” của Mĩ : hiệp định ABM về tên lửa liên lục địa, định thư Tokyo về hiệu ứng nhà kính, hiệp định về mìn chống cá nhân, định thư về vũ khí sinh học, định thư Durban về được phẩm theo công thức, và nhất là hiệp định thành lập Tòa án Hình sự Quốc tế mà quan niệm chủ đạo mâu thuẫn với khái niệm ngoại lệ... Còn một định chế đang nằm trong đường ngắm của Mĩ, đó là LHQ. Vẫn còn muốn biến LHQ thành công cụ của mình, Mĩ càng ngày càng bức dọc vì ở Đại hội đồng thì các nước “ nhược tiểu ” chiếm đa số, còn ở Hội đồng Bảo an thì mấy “ cường quốc hạng nhì ” có quyền phủ quyết.

Phần lớn các định chế quốc tế hiện có ngày nay đều được thành lập ngay sau Đại chiến Thế giới lần thứ nhì : lúc đó, mọi người đều thấy muốn tránh quân sự hoá các quan hệ quốc tế thì giải pháp duy nhất là pháp lý. Nhưng sang đến đầu thế kỉ 21 này, siêu cường duy nhất là nước Mĩ lại thấy lợi thế của việc quân sự hoá. Từ đó dẫn tới hệ luận : ngăn đe mọi nước khác

(dù bạn hay thù) không được đe dọa, thậm chí cạnh tranh với quyền lực của Mĩ. Nói thế có cường điệu không ? Thưa không : R. Perle đã viết điều ấy trên giấy trắng mực đen và nó đã được ghi vào văn kiện chính thức về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, mang chữ kí của George W. Qua đó ta mới thấy sự nhất quán trong các nỗ lực của Washington nhằm pha loãng, thậm chí gây rối trong cuộc xây dựng Liên hiệp Châu Âu (việc mở rộng Liên hiệp châu Âu cho các nước Đông Âu được báo chí Mĩ chào mừng như một thắng lợi), nhằm phá hoại mọi chính sách phòng thủ chung của châu Âu (xem vụ bức thư của 8 nguyên thủ Châu Âu ủng hộ Bush). Và hệ luận đó dẫn tới khái niệm “ chiến tranh phòng ngừa ” mà Irak được chọn làm vật thử nghiệm đầu tiên.

Thế thì chiến tranh Irak nhất định sẽ bùng nổ sao ? Việc Mĩ đưa ra hết yêu sách này đến đòi hỏi khác tạo ra cảm tưởng mọi sự đã được quyết định rồi. Như trong câu chuyện ngụ ngôn Cừ non và Chó sói của La Fontaine : *Chiên kia, nếu không phải mày, thì là anh em nhà mày – Tôi không có anh em – Thì là đứa nào đại loại như mày...* Chú “ chiên ” Saddam biết làm gì, ngoài chuyện cạo nhẵn bộ ria, để bác “ sói ” W không ăn thịt ? Thôi, hãy nói chuyện nghiêm chỉnh. Hoa Kỳ đã huy động biết bao quân sĩ, thiết bị, vũ khí, khua chiêng rống trống bao nhiêu hồi, lẽ nào lại không ra tay ? Thành vấn đề uy tín cường quốc rồi. Kịch bản mà Nhà trắng chuẩn bị, mọi người dễ đoán ra cả 3 hồi :

- Hồi 1 : nhân cuộc can thiệp danh chính ngôn thuận ở

Afghanistan, thừa thắng xông lên, “ khuyến mãi ” cuộc chiến tranh “ phòng ngừa ” chống Irak,

- Hồi 2 : tung chiến dịch tuyên truyền ô ạt trước cuộc bầu cử tháng 11.2002 chống Saddam, nhằm làm cho dư luận Mỹ quên đi những khó khăn kinh tế và những vụ bê bối tài chính của Đảng Cộng hoà.

- Hồi 3 : tranh thủ sự tán thành của cộng đồng quốc tế, thành lập liên minh (như năm 1991), tiến công Irak.

Kịch bản đã triển khai suôn sẻ : Đảng Cộng hoà đã thắng đậm trong cuộc bầu cử “ giữa nhiệm kỳ ”, và đối với dư luận Mỹ, Ben Laden đã nhường chỗ cho Saddam lên ngôi “ kẻ thù số một ”. Nhưng sang đến hồi 3 thì trục trặc : mấy đồng minh châu Âu lừng kình giở chứng, Hội đồng Bảo an thì âm ừ lẩn tránh. Khi chúng tôi viết dòng này, câu hỏi cốt lõi đặt ra là : liệu Mỹ (hay Mĩ-Anh) có dám đơn phương lao mình vào cuộc phiêu lưu hay không ? Đường như có gợn lên một chút do dự vì xét về mọi mặt, cuộc phiêu lưu này có những nguy cơ không nhỏ :

- Về mặt quân sự, Arabia Saudi (và cho đến nay, cả Thổ Nhĩ Kỳ) không cho mượn đường mượn đất, Mĩ sẽ buộc phải tiến công từ Koweit, nghĩa là từ một chiến tuyến nhỏ hẹp, hẻo lánh, đối phương lại chờ đợi trước. Mưu kế quân sự như vậy là hạ sách cực kì. Giả sử là Mĩ cậy thế mạnh, bất chấp rủi ro đi nữa, nhưng nếu Saddam không chịu đầu hàng mà cố thủ Bagdad, thì Mĩ làm sao tránh được việc gây ra những “ tổn thất bên cạnh ”, làm sao tránh được giao chiến trong thành phố, đồng nghĩa với tổn thất và sa lầy. Rồi mùa hè sẽ tới...

- về mặt chính trị : không được LHQ chuẩn y, đi ngược lại công luận toàn thế giới, nếu không giành được thắng lợi chớp nhoáng, thì Mĩ sẽ phải đương đầu với một loạt mối nguy khác. Mối nguy đầu tiên là dư luận Mỹ sẽ đổi chiều (khi những chiếc quan tài đầu tiên được chở về nước). Mối nguy thứ nhì là những cuộc ám sát khủng bố có khả năng mở ra một “ mặt trận sau lưng ”, làm cho dư luận nhớ ra rằng vấn đề Al Qaeda vẫn chưa giải quyết. Nguy cơ nữa là trước sự bất lực của chính quyền các nước Ả Rập khoanh tay ngồi nhìn một “ nước anh em ” bị tàn phá, quân chúng Ả Rập phần nộ nổi dậy. Chỉ cần một trong những chế độ đang lung lay kia (và thường là rất thối nát) bị đổ nhào, có trời biết hiệu ứng domino sẽ dẫn tới đâu ! Trong khi đó, Bush phải chuẩn bị tranh cử tổng thống kì tới...

- về mặt kinh tế, ở trên đã nói tới kịch bản “ đại hoạ ” là các giếng dầu bị phá huỷ. Cho dù điều này không xảy ra thì tổn phí cuộc chiến tranh cũng sẽ lên tới từ 500 đến 1500 tỉ đô la, tức là từ 1 tới 3 năm hao hụt cán cân ngân sách hiện nay của Hoa Kỳ. Mà lần này, khác cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh, toàn bộ gánh nặng này sẽ đổ lên đầu cử tri Mĩ. Rồi cuộc tái thiết Irak, cộng đồng quốc tế không chuẩn y chiến tranh, thì ai sẽ trả tiền ?

Có lẽ người Mĩ đang nhận ra rằng leo lên lưng cọp dễ hơn là nhảy xuống. Còn nếu chiến tranh Irak bùng nổ, đó sẽ là một sai lầm khổng lồ : đó là hành động bạo lực của kẻ mạnh nhắm vào kẻ yếu, nó sẽ kích động tâm lí cực đoan - và chủ nghĩa khủng bố - làm sụp đổ toà nhà pháp lí quốc tế mà nhân loại đã dày công xây dựng từ giữa thế kỉ 20 đến giờ.

19.02.2003  
Nguyễn Quang

# TIN TỨC

## ADB dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2003 là 6,7%

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng năm 2003 của Việt Nam là 6,7%, cao hơn mức dự báo của ADB trong tháng 10-2002 (6,4%) và hơn mức tăng trưởng thực tế của năm 2002 (6,3%). Dự báo trên được nêu trong báo cáo kiểm soát kinh tế châu Á (AEM của ADB công bố ngày 10.2.2003). AEM nhận định nhu cầu phát triển mạnh mẽ từ trong nước, tăng trưởng trong đầu tư vào khu vực tư nhân và chính sách tài chính được mở rộng là nguyên nhân của mức tăng trưởng cao này tại Việt Nam.

Theo báo cáo này, kinh tế khu vực Đông Á (bao gồm mười nước ASEAN và Trung Quốc, Hàn Quốc) đã cơ bản phục hồi trong năm 2002 sau đợt suy thoái năm 2001, tuy nhiên dự báo mức tăng trưởng tổng quát năm 2003 chỉ dừng ở mức khiêm tốn 5,6% (so với mức dự báo vào thời điểm tháng 10-2002 là 5,9%). Trong thời điểm hiện tại, kinh tế khu vực tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tại Iraq, thể hiện cụ thể ở việc sụt giảm kinh doanh và lòng tin người tiêu dùng, và việc giá dầu tăng đột biến. Một cuộc chiến kéo dài gây ảnh hưởng đến ngành dầu mỏ Trung Đông sẽ có ảnh hưởng tiêu cực nặng nề cho viễn cảnh kinh tế Đông Á. (theo báo Tuổi trẻ)

## Quan hệ kinh tế Việt Nam - Iraq

Trong buổi gặp gỡ các nhà báo nước ngoài tại Hà Nội ngày 12.2, phó thủ tướng Vũ Khoan cho biết cuộc chiến tranh nếu nổ ra ở Iraq sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế VN. Theo ông Khoan, Iraq là một trong những thị trường quan trọng của hàng hoá VN. VN xuất sang Iraq gạo, trà, dầu nấu ăn..., trị giá khoảng 500 triệu USD. Ông cũng khẳng định lại là VN tin ở vai trò của Liên hiệp quốc trong việc giải quyết vấn đề Iraq trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và bảo vệ hoà bình.

Nhiều công ty VN chuyên xuất khẩu hàng sang Iraq, như Vocarimex, Vinamilk... đang sống trong những ngày căng thẳng, không biết ngày mai sẽ ra sao. Công ty Vocarimex cho biết, hàng chục ngàn tấn dầu ăn dành cho thị trường này không thể mang bán ở VN vì khẩu vị khác nhau. Những nhà nhập cảng của Iraq giục họ cứ tiếp tục đưa hàng sang, nhưng không ai dám đưa những chuyến hàng lớn, chỉ đưa từng đợt nhỏ vì sợ hiểm nguy mất hàng. (DPA 12.2, The Saigon Times Daily 13.2.2003)

## ASEAN giảm vị thế trong thương mại với Việt Nam

Theo nhận định của Cơ quan khuyến khích thương mại Pháp tại Việt Nam, tỷ trọng kinh ngạch xuất khẩu hàng hóa giữa các

nước ASEAN với Việt Nam ngày càng giảm so với các nước và khu vực như Mỹ, EU.

Trong vòng 6 năm qua, giá trị xuất khẩu giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN đã tăng gấp đôi. Tuy nhiên, nếu năm 1998 kim ngạch xuất nhập khẩu sang ASEAN chiếm 1/4 tổng kim ngạch thì đến năm 2002, chỉ còn chiếm 15,5 %. Singapore từng là bạn hàng quan trọng nhất của Việt Nam đến nay đã tụt xuống hàng thứ 5, sau Nhật, Trung Quốc, Mỹ và Australia. Về nhập khẩu, năm 2002 Singapore phải nhường vị trí là nhà cung cấp hàng đầu của Việt Nam cho Đài Loan.

Bộ Thương mại cho biết, nguyên nhân của sự thay đổi trên là do Việt Nam đã ký được những thỏa thuận quan trọng với nhiều thị trường mới về các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, điển hình là dệt may (Mỹ, EU), da giày (EU, Bắc Mỹ)... Tuy nhiên, nhìn chung các doanh nghiệp trong nước ngày càng ít quan tâm tới thị trường ASEAN, mà dần chuyển hướng sang Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Chỉ riêng 4 thành viên này đã chiếm 50 % tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2002.

(Theo Nông Nghiệp Việt Nam)

### **Đất đai : luật mới vào cuối năm nay ?**

Sau 10 năm thi hành, luật đất đai năm 1993 sẽ được thay thế bằng một đạo luật mới. Hội nghị của ban chấp hành trung ương đảng cộng sản tháng giêng vừa qua đã thống nhất một số quan điểm nhằm xây dựng luật đất đai mới cho phù hợp với bối cảnh kinh tế — xã hội hiện nay của Việt Nam. Bộ trưởng tài nguyên và môi trường, ông Mai Ái Trúc, cho biết “ *những vấn đề cần phải đổi mới rất rộng* ” và quan điểm là tiếp tục khẳng định đất đai thuộc “ *sở hữu toàn dân* ” đồng thời đất đai được xác định là “ *hàng hoá đặc biệt* ”.

Theo ông Trúc, khẳng định chế độ sở hữu đất đai của toàn dân là một ‘ *vấn đề nguyên tắc* ’ bởi vì đất đai là lãnh thổ, là tài sản chung của quốc gia. Không có bất cứ quốc gia nào trên thế giới mà sử dụng đất không bị hạn chế bởi những lợi ích chung’. Tất cả vấn đề là xác lập vai trò của nhà nước vừa là người đại diện chủ sở hữu chung, vừa là người thay mặt toàn dân quản lý thống nhất đất đai. Muốn như vậy cần khẳng định cùng lúc rằng “ *đất đai phải có chủ sử dụng cụ thể* ”, tức là nhà nước sẽ phải “ *mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất thực hiện các quyền của mình phù hợp với cơ chế thị trường. Như thế mới có thể tạo động lực nâng cao hiệu quả sử dụng đất* ”. Chẳng hạn, khi chuyển mục đích sử dụng đất, cần bảo đảm hài hoà lợi ích của nhà nước, của nhà đầu tư và của người sử dụng. Thực tiễn hiện nay không những không công bằng mà còn dẫn đến nhiều tiêu cực.

Đồng thời, xác định đất đai là hàng hoá đặc biệt có nghĩa là xây dựng ‘ *hành lang pháp lý cho thị trường bất động sản có điều kiện phát triển nhanh và lành mạnh, khắc phục tình trạng hoạt động mua bán ngầm* ’. Theo ông Trúc, nhà nước, “ *tôi đây, sẽ xoá bỏ bao cấp về giá trong giao đất, cho thuê đất đối với những đối tượng mà nhà nước giao quyền sử dụng đất* ”.

Luật đất đai ban hành năm 1993, mặc dù đã sửa hai lần (1998 và 2001), nhưng nhìn chung chỉ mới quan tâm chủ yếu đến đất nông nghiệp. Đạo luật mới sẽ phải toàn diện đề cập

chế độ quản lý và sử dụng các loại đất, bao gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất làm nhà ở, đất xây dựng công trình công cộng của làng xã, đất sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp và cả đất chưa sử dụng. Theo dự kiến của chính phủ, dự luật đất đai sẽ đưa ra thảo luận tại kỳ họp quốc hội giữa năm, sau đó nhà nước sẽ lấy ý kiến của dân để hoàn chỉnh bản dự thảo, trước khi trình quốc hội thông qua trong kỳ họp cuối năm nay. [Tuổi Trẻ 23.1.03]

### **Vụ án Năm Cam ra toà**

Vụ án Năm Cam (xem ĐĐ từ số 117) sẽ được đưa ra xử sơ thẩm vào ngày 25/2, tại toà án nhân dân TP HCM. Dự kiến phiên tòa xét xử liên tục 55 ngày, không kể ngày nghỉ, nhưng có thể làm việc cả thứ bảy. Theo tin từ toà án, ngày khai mạc và buổi tuyên án sẽ được truyền hình trực tiếp.

Cho tới ngày 19.2, có 195 phóng viên đã đăng ký dự phiên tòa trong đó có 22 người của 18 hãng thông tấn nước ngoài. Số luật sư đăng ký tham gia bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho bị cáo và các bị hại, người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan lên tới 79 người.

Trương Văn Cam tức Năm Cam và 154 bị can khác bị truy tố về 24 tội danh. Trong đó Năm Cam bị 7 tội danh : giết người, cố ý gây thương tích, tổ chức đánh bạc, đánh bạc, đưa hối lộ, che giấu tội phạm và tổ chức đưa người khác trốn đi nước ngoài trái phép. Phan Thị Trúc (Trúc “ *Mẫu Hậu* ”, vợ Năm Cam) 3 tội : đưa hối lộ, cho vay nặng lãi, và che giấu tội phạm. Dương Ngọc Hiệp (Hiệp “ *Phò Mã* ”, con rể Năm Cam) 5 tội : đưa hối lộ, che giấu tội phạm, tổ chức đưa người khác trốn đi nước ngoài trái phép, không tố giác tội phạm, và cưỡng đoạt tài sản... Về phía cán bộ nhà nước bị ra toà, có 21 bị can, trong đó 13 là công an, 3 cán bộ kiểm sát, 5 người thuộc cơ quan hành chính. 17 bị can là đảng viên, trong đó 10 người đã bị khai trừ Đảng, 6 bị đình chỉ sinh hoạt.

Những nhân vật từng có chức quyền cao cấp nhất bị đưa ra toà có các ông Phạm Sĩ Chiến (nguyên phó viện trưởng VKSND Tối cao, bị truy tố về tội nhận hối lộ), Bùi Quốc Huy (nguyên giám đốc Công an TP HCM, tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng), Trần Mai Hạnh (nguyên phó chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, 2 tội nhận hối lộ và cố ý làm lộ bí mật công tác).

Hai ông Bùi Đức Huy và Trần Mai Hạnh nguyên là uỷ viên ban chấp hành trung ương ĐCSVN khoá đương nhiệm. Tháng 8/2002, ông Huy đã bị cách chức thứ trưởng bộ Công an, giáng cấp từ trung tướng xuống thiếu tướng. Đến ngày 13.2, ông bị thêm quyết định kỷ luật tước danh hiệu Công an nhân dân, và mất luôn cấp hàm thiếu tướng.

Ngoài ra, ông Trương Tấn Sang, đương kim uỷ viên bộ chính trị, vừa bị trung ương “ *kiến trách* ” vì không làm tròn trách nhiệm bí thư thành uỷ TP HCM trong thời kỳ Năm Cam lộng hành (xem ĐĐ số trước). Với quyết định đó, coi như trung ương đảng đã “ *giải quyết* ” trường hợp ông Sang, ngăn trước việc một số bị can có thể muốn nêu tên ông ra để được nhẹ bớt tội (vì đã có người trách nhiệm cao hơn đồng ý — ít nhất là gián tiếp — với các hành động của mình).

Ngược lại, ông Lê Thanh Đạo, nguyên viện trưởng

VKSND Tối cao, bị triệu tập tới phiên tòa với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để làm rõ lời khai của Trần Văn Thuyết (Thuyết “Buồn Vua”, cố vấn của Năm Cam) rằng đã đưa cho ông 5.000 USD để chạy cho Năm Cam được ra khỏi trại cải tạo trước thời hạn. Theo lời khai của Thuyết, nhiều túi quà cùng phong bì ngoại tệ dày đã được chuyển tới ông Đạo thông qua thư ký riêng là ông Cường. Tuy nhiên, ông Cường đã chết vì tai nạn giao thông...

Tổng cộng, tòa đã quyết định triệu tập 211 người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan ra tòa. Trong đó có ông Triệu Quốc Kế, nguyên là cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra bộ Công an.

Luật sư Phan Trung Hoài, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh Trung cũng kiến nghị tòa triệu tập hai nguyên phó giám đốc Công an TP HCM là ông Thân Thành Huyện và ông Võ Văn Mãng. Nguyễn Mạnh Trung nguyên là phó phòng Cảnh sát điều tra Công an TP HCM, cấp dưới trực tiếp của đại tá Võ Văn Mãng, lúc đó là phó giám đốc phụ trách cảnh sát điều tra. Trung bị truy tố tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, trong đó có “trách nhiệm” phải chịu sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp trên, gồm cả ông Mãng và ông Huyện.

(tổng hợp tin báo chí trong nước cho tới 21.2.2003)

### Cho phép thành lập hãng phim tư nhân...

Trong chủ trương “xã hội hoá” hoạt động văn hoá, bộ văn hoá - thông tin Việt Nam vừa ra quyết định cho phép thành lập hãng phim tư nhân. Kịch bản phim của các hãng này sẽ không phải qua khâu kiểm duyệt của bộ văn hoá như đối với kịch bản của các hãng phim nhà nước. Bộ văn hoá chỉ kiểm duyệt ở khâu cuối cùng, sau khi phim đã hoàn thành và trước khi được tung ra chiếu trên thị trường.

Cục trưởng điện ảnh, ông Nguyễn Phúc Thành, cho biết trước đây các tư nhân muốn làm phim phải thông qua một hãng phim của nhà nước : “ họ không được phép đứng ra sản xuất mà chỉ được góp vốn với hãng phim”. Nhận định rằng “ tư

nhân làm phim vì mục đích kiếm lãi ”, ông nói “ điều cấm kỵ trong sản xuất phim đã có ghi trong nghị định số 48 ”, cho nên nhà nước chỉ cần duyệt thành phẩm để cấp giấy phép phát hành. Điều kiện đăng ký thành lập hãng sản xuất phim tư nhân tương đối đơn giản : giám đốc hãng phải là công dân Việt Nam, có trụ sở và có trình độ đại học nói chung hoặc có kinh nghiệm hoạt động năm năm trong ngành điện ảnh.

Các quan chức của cục điện ảnh hy vọng quyết định mới của bộ văn hoá sẽ góp phần thúc đẩy công nghiệp điện ảnh trong nước, hiện đang ở trong một tình trạng khá ẻo lả về kinh tế và lạc hậu về kỹ thuật. Tuy nhiên không ai có thể nói trước rằng tư nhân sẽ đầu tư sản xuất nhiều phim Việt Nam khi mà khán giả thiếu vắng như hiện nay. Người xem trong nước đang bị cuốn hút vào các bộ phim nhiều tập của nước ngoài chiếu trên truyền hình ; còn thị hiếu của những người đến rạp chiếu bóng thì thiên về phim giải trí thuộc thể loại hàng động, cho nên ngay cả những phim nước ngoài nổi tiếng như *Người Mỹ trầm lặng* cũng không thu lãi ở Việt Nam.

Được hỏi về chủ trương thành lập hãng phim tư nhân, đạo diễn Việt Linh cho rằng : “ Quyết định này đáng ra phải có sớm hơn, bởi ba cái lợi : nhà nước bớt việc mà vẫn yên tâm với khâu kiểm duyệt cuối cùng ; xã hội có thêm nhiều sản phẩm đa dạng ; những người làm điện ảnh có cơ sở tự đánh giá. Cái lợi nào cũng kèm theo bất lợi, vấn đề là phải đặt lên bàn cân để chọn lựa ”. Ông Hai Nhất, người từng nổi tiếng với dòng phim “mì ăn liền” những năm đầu thập niên 90, không tỏ ra mấy hồ hởi : “ Để làm phim bây giờ đâu có khó, chỉ cần làm đơn xin sản xuất phim nhất thời, hợp tác với hãng phim hay với đài truyền hình nào đó, thành lập một hãng phim làm gì cho rênh rang. Nguyên việc nuôi biên kịch, đạo diễn, thu ký, rồi trả các loại thuế, tiền ký quỹ đã đủ mệt rồi, nói chi tới làm phim. Trong khi những chức năng có khả năng sinh lời như nhập phim, làm dịch vụ quảng cáo, hợp tác làm phim với nước ngoài thì không thấy văn bản của bộ qui định rõ ”.

#### Độc báo trong nước

### Điện ảnh 2003 : Việt Nam chỉ sản xuất hai phim truyện ?

Vừa mới đầu năm 2003, các hãng sản xuất phim [của nhà nước] bị một cú ‘nốc ao’ khi Cục điện ảnh kiên quyết từ chối đưa vào kế hoạch sản xuất năm nay 10 trong 12 kịch bản [phim truyện nhựa] trình duyệt. Hai kịch bản còn lại mới chỉ được chấp nhận một, với điều kiện phải chỉnh sửa. Các hãng quen với việc Cục điện ảnh “ phân bổ đầu phim ”, [...] đầu tư dựa trên các kịch bản mà từng hãng đưa lên, và nếu không có vấn đề gì “ cấm kỵ ” thì hầu như đều được thông qua. Các hãng cũng đồng thời quen với việc chờ đợi nhà nước rót xuống hàng năm khoảng 1,5 tỉ đồng cho mỗi phim. Và phim làm ra cứ chiếu ra mắt vài buổi rồi xếp vào kho, hoặc may mắn thì được đem chiếu lại vào các dịp kỷ niệm, các tuần lễ giao lưu văn hoá. Một số liệu của năm 2000 từ Fafilm [phát hành phim Việt Nam] cho biết trung bình mỗi phim Việt Nam chiếu ở Hà Nội chỉ có khoảng 300 lượt người xem. [...]

Trong khi có một nghịch lý đáng đặt ra. Năm 2003 là

năm nhà nước có số tiền đầu tư trực tiếp cho việc làm phim cao nhất từ trước đến nay : 16,5 tỉ đồng (không tính đầu tư cơ bản cho máy móc, trường quay, nâng cấp rạp...). [...] Bà Nguyễn Thị Hồng Ngát – cục phó Cục điện ảnh – thẳng thắn : “ Các kịch bản bị trả lại chỉ có lỗi duy nhất là... không hay. Không thể dựng thành những bộ phim hấp dẫn, bắt khán giả phải bỏ tiền ra mua vé được. Hội đồng duyệt kịch bản quốc gia bây giờ không chỉ xem kịch bản có vấn đề cấm kỵ gì không, mà chủ yếu xét xem phim này nếu được làm, mang ra chiếu có thu hồi được vốn, thậm chí có lãi không ”. Vậy còn tiền thừa ? Theo bà Hồng Ngát, “ không có kịch bản ưng ý thì tiền trả lại cho ngân sách. Không thể cố làm những phim biết chắc không ai xem ”. [...]

Vàng, nghĩa là nếu không có gì thay đổi đột ngột thì năm nay rất có thể chỉ có hai phim truyện nhựa Việt Nam được sản xuất. Nhưng ít mà có nhiều người xem vẫn còn hơn nhiều mà cất vào kho. Nhà nước không tiếc tiền đầu tư cho văn hoá nhưng sản phẩm văn hoá ấy phải được công chúng chấp nhận.

Thu Hà (Tuổi Trẻ 18.1.03)



Có người lo ngại rằng, với các hãng phim tư nhân, sẽ bùng ra hàng loạt phim câu khách, giết gân để chạy theo lợi nhuận. Ông Hai Nhất khẳng định : “ *Chỉ làm phim giải trí mới có thể thu hồi vốn. Bỏ ra mấy tỉ cho một phim mà có vài người tới rạp thì không ai dám làm. Vừa rồi, phim Gái nhảy của Lê Hoàng kéo được khán giả là vì đề tài mới lạ, nhưng rồi nếu mọi người ô ạt làm tiếp theo kiểu này thì sẽ nhảm chán* ”. Trong bối cảnh đó, chắc hẳn số người đứng ra thành lập hãng phim không nhiều. Đạo diễn Việt Linh nói : “ *Tôi không chờ đợi những con số, bởi nó không thể hiện sự thăng hoa của một chủ trương. Hoa nhiều nhưng không phải tất cả đều thành quả. Dù vậy, tôi tin ít nhất sẽ có một hãng ăn nên làm ra, nếu họ có lòng say mê đối với nghệ thuật điện ảnh đích thực* ”. [Vnexpress 11 và 17.2.03]

## **Cổ phần hoá các nhà xuất bản khoa học kỹ thuật**

Năm 2002, Việt Nam đã xuất bản 217, 5 triệu bản sách, tức 2,7 bản sách/người/năm. Nhằm đạt mục tiêu 4 bản sách/người vào năm 2005, do đảng cộng sản đề ra trong đại hội năm 2001, nhà nước trông chờ vào tác dụng của chủ trương ‘xã hội hoá’, tức tư nhân hoá, hoạt động xuất bản. Theo ông Nguyễn Kiểm, phó cục xuất bản thuộc bộ văn hoá - thông tin, ‘vấn đề quan trọng nhất là xem xét lại quan hệ sở hữu trong hoạt động xuất bản’. Trong lĩnh vực in ấn, ông cho biết nhà nước đã cổ phần hoá khá nhiều, và kế hoạch của cục đang trình cho chính phủ phê duyệt đề xuất cổ phần hoá tất cả các doanh nghiệp in của nhà nước, chỉ trừ một số ít cơ sở như cơ quan in tiền, nhà in báo Nhân Dân hay xí nghiệp in thuộc ngành an ninh và quốc phòng.

Lĩnh vực của các nhà xuất bản có phần tế nhị hơn, cho nên kế hoạch của cục là trước mắt cho cổ phần hoá các nhà xuất bản khoa học kỹ thuật chuyên ngành. Ông Kiểm cũng cho biết là, ngay đối với các nhà xuất bản hiện nay, cục xuất bản đã không duyệt bản thảo các sách : ‘trách nhiệm pháp lý thuộc về giám đốc và tổng biên tập nhà xuất bản, cục chỉ định hướng và duyệt cơ cấu đề tài cho kế hoạch hàng năm’. [Tuổi Trẻ 24.1.03]

## **Quan hệ Thương mại Việt - Mỹ : cá basa và hàng dệt may**

Vì một trận bão tuyết, phái đoàn thương mại Mỹ đã đến VN chậm một ngày, và cuộc đàm phán với VN về hàng dệt, may đã chỉ bắt đầu vào chiều ngày 20.2, chưa có kết quả khi số báo này lên khuôn. Theo một quan chức của bộ Thương mại VN, đây mới chỉ là cuộc trao đổi ban đầu, hai bên chưa bàn bạc cụ thể về việc ký kết một hiệp định song phương về vấn đề này. Quan tâm hàng đầu đối với các nhà sản xuất VN là đe dọa của phía Mỹ đặt ra một hạn ngạch (quota) cho loại hàng này, dưới sức ép của các nhà sản xuất Mỹ. Ngày 12.2, trong buổi tiếp các nhà báo nước ngoài tại Hà Nội nhân dịp Tết, chính phó thủ tướng Vũ Khoan đã lên tiếng phê phán Mỹ thiết lập những rào cản trái với hiệp định thương mại mà hai bên đã ký kết từ hơn một năm nay. Ông Khoan tỏ ý hy vọng rằng qua cuộc đàm phán về ngành dệt may, phái đoàn Mỹ sẽ hiểu rõ hơn thị trường VN, và bỏ ý định về hạn ngạch.

Sau dầu mỏ, dệt may là ngành xuất khẩu thứ hai của VN, với kim ngạch xuất khẩu đạt 2,7 tỉ USD trong năm qua, trong đó 800 triệu trên thị trường Mỹ. Theo ông Mai Hoàng Ân, tổng giám đốc Tổng công ty dệt may Việt Nam, sẽ không có sự điều chỉnh nào trong kế hoạch sản xuất 2003 của toàn ngành (đạt 3,1 tỉ USD tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, phần đầu đạt 1,5 tỉ USD trên thị trường Mỹ). Trong tháng 1, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đạt 250 triệu USD, tăng gần 70% so với cùng kỳ năm trước.

Để đạt mục tiêu đó, ngoài việc tổ chức tư vấn và vận động đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Mỹ, Hiệp hội Dệt may Việt Nam có những chương trình xúc tiến thương mại như xây dựng thương hiệu kết hợp giới thiệu ngành dệt may tại các hội chợ lớn như Las Vegas (Mỹ), Frankfurt (Đức), Osaka (Nhật) và Hong Kong ; khảo sát thị trường mới châu Phi và Trung, Nam Mỹ ; xây dựng trung tâm giao dịch nguyên phụ liệu dệt may và da giày tại TP HCM ; đào tạo chuyên gia tiếp thị và xây dựng trung tâm tư vấn hỗ trợ dịch vụ và xuất khẩu đầu tư...

Tuy vậy, sự lo ngại của các nhà sản xuất VN không phải không có cơ sở : tiền lệ là phán quyết mới đây (ngày 28.1) của bộ Thương mại Mỹ (DOC) cho rằng “ *các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng sang Mỹ bán phá giá* ”. Phán quyết này, nếu thành hiệu lực, sẽ dẫn tới việc cá basa của VN xuất sang Mỹ sẽ phải chịu mức thuế nhập khẩu lên tới 37,94 %-63,88 %. Sự việc chưa ngã ngũ, vì Hiệp hội thủy sản VN (VASEP) đã quyết định sẽ tiếp tục theo vụ kiện. Do đó, tới đây phía Mỹ sẽ cử một phái đoàn sang VN để tiếp tục khảo sát tình hình nuôi trồng và chế biến cá basa, tìm hiểu quá trình sản xuất khép kín của các doanh nghiệp VN để áp dụng phương pháp tính toán bộ. Và tháng 6 tới mới có quyết định cuối cùng về vụ kiện này. Trước mắt, công ty xuất nhập khẩu cá tỉnh An Giang (Agifish), đã quyết định tạm hoãn xuất khẩu loại phi lê cá basa sang thị trường Mỹ, đổi sang các nước khác như Hồng Kông, Singapore, Úc và châu Âu. Mặt khác, VASEP cũng đã thoả thuận với các thành viên của mình định giá mua cá không dưới 9500 đồng/kg.

(theo VnExpress 28.1, 11, 21.2 và Reuters 12, 14.2.2003)

## **Giám đốc sở Công nghiệp TP HCM săn thú hiếm**

Sáng ngày 28.1, kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô bắt giữ một nhóm đi săn với hai con bò tót đang để trong xe. Chiều 28.1, hồ sơ vụ việc được chuyển sang Công an huyện để tiếp tục điều tra. Tang vật gửi kèm gồm ô tô tải nhẹ chuyên dụng, hai đầu bò tót, 4 khẩu súng, 253 viên đạn, 4 cục thuốc nổ... cùng giấy phép sử dụng súng, giấy chứng nhận mang vũ khí. Cả 7 thợ săn gồm ông Võ Thành Long, giám đốc sở Công nghiệp TP HCM, Phạm Việt Dũng (sĩ quan đồn biên phòng 805 Bình Phước), Nguyễn Văn Hùng (luật sư, giám đốc công ty Đại Hùng, Đăk Lăk), và 4 người cùng đi, đều thừa nhận chính họ bắn chết hai con bò tót đang để trong xe. Ông Long vừa là người tham gia săn bắn, vừa là chủ xe tang vật, chủ 3 khẩu súng quân dụng hiện đại theo giấy cấp phép của Quân khu 7.

Đây là hai con bò tót (bos gaurus) thuộc bộ móng guốc chẵn, đã được xếp loại thú hiếm, có tên trong sách đỏ Việt

Nam và thế giới. Theo ông Nguyễn Bá Thu, cục trưởng Cục Kiểm lâm, “ Đây là vụ án vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã và quý hiếm. Do đó chúng tôi đề nghị phải trừng trị nghiêm minh theo pháp luật ”. Ông cho biết đã báo cáo bộ trưởng bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn Lê Huy Ngọ về vụ này để xin ý kiến chỉ đạo. Thế nhưng, theo báo Lao Động ngày 21.2, hơn nửa tháng sau vụ án vẫn chưa được khởi tố.

Mặc dầu bị bắt quả tang phạm tội, ông Võ Thành Long mới chỉ bị Ủy ban nhân dân TP HCM đình chỉ công tác trong thời gian 3 tháng để “kiểm điểm và làm rõ sự liên quan” trong vụ săn bắn trái phép động vật hoang dã này.

### **TP HCM : cầu Nguyễn Hữu Cảnh sạt lún nghiêm trọng**

Theo Lao Động 20.2.2003, hiện nay, độ chênh lệch của đỉnh bệ lan can giữa đường dẫn và cầu dẫn lên đến 23cm, đà giằng bị vỡ nứt, một phía gờ lan can bị nghiêng và xuất hiện nhiều vết nứt. Cây cầu này cũng từng bị sạt lún năm 2002.

Từ cuối tháng 1, xe tải dưới 10 tấn được phép lưu thông trên đường Nguyễn Hữu Cảnh nên cầu bị lún nhanh hơn. Đơn vị thi công khắc phục nhiều lần bằng cách đổ thêm một lớp bê tông lên trên phần bị lún, nhằm giảm độ chênh lệch cao thấp. Một số vết nứt cũ được tô trét lại, nhưng phần gạch xây của tường chắn phân đường dẫn lại xuất hiện thêm nhiều vết nứt mới.

Trong khi đó, ông Quách Văn Điệp, phó ban quản lý dự án Công ty thanh niên xung phong - đơn vị chủ đầu tư - lại nói: “ Tôi cũng không rõ lún bao nhiêu. Các số liệu này do đơn vị tư vấn thiết kế. Hiện tượng lún cầu là bình thường và không ảnh hưởng đến tình trạng an toàn của cầu. Công ty sẽ tiếp tục theo dõi cho đến khi nào độ lún ổn định thì mới xử lý ”.

Tuyến đường Nguyễn Hữu Cảnh này cũng đã được cả nước biết tiếng mùa hè vừa qua trong vụ hầm chui Văn Thánh 2 trên tuyến bị lún, nứt nghiêm trọng – chỉ sau nửa năm khai trương – từ 2,5 m xuống còn 1,5-1,2 m và kéo theo sự lún nứt của 16 hộ xung quanh : kết quả của những tham ô của cải, vật tư xây dựng tràn lan trên hầu hết các công trình xây dựng cơ bản hiện nay (xem tin về vụ tham ô ở sở giáo dục Cà Mau dưới đây).

Cầu vượt Nguyễn Hữu Cảnh, công trình cầu vượt lớn nhất TP HCM với kinh phí gần 30 tỷ đồng. Ngay sau khi thông xe từ cuối tháng 4/2002, cầu đã có hiện tượng lún. Độ chênh lệch của đỉnh bệ lan can tại vị trí tiếp giáp đo được ở phía quận 1 khoảng 10-12 cm, phía Bình Thạnh là 8-10 cm. Ngoài ra, còn có một đà giằng bị nứt vỡ, một phía gờ lan can bị nghiêng và nhiều vết nứt xung quanh khu vực cầu.

### **Tham ô hơn 3,4 tỷ đồng tại sở Giáo dục và đào tạo Cà Mau**

Ngày 17.2, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau đã khởi tố vụ cố ý làm trái, lập chứng từ thanh toán khống... gây thất thoát nhiều tỷ đồng tại Sở giáo dục và đào tạo tỉnh, trong thời gian ông Nguyễn Việt Hồng làm giám đốc.

Theo kết quả điều tra, năm 1997-2000, ông Hồng cùng một số cán bộ dưới quyền đã chi sử dụng vốn sai mục đích,

chế độ quy định, gây lãng phí và thất thoát trên 3,4 tỷ đồng. Trong đó thanh toán khống gần 284 triệu đồng.

Ngoài ra, cơ quan cảnh sát điều tra đang tiếp tục làm rõ tiêu cực tại các công trình xây dựng (trị giá hơn 12,4 tỷ đồng) không đảm bảo chất lượng, song vẫn được Sở giáo dục và đào tạo Cà Mau nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Theo thanh tra Nhà nước tỉnh Cà Mau, 4 trong 7 trường học mới xây dựng từ năm 1997 đến nay chất lượng kém tới mức cần phá bỏ để đảm bảo an toàn cho học sinh. Một chuyên gia xây dựng của trường Đại học Cần Thơ tham gia thẩm định cho biết, mọi quy tắc an toàn với công trình nơi có hàng trăm em nhỏ học tập, bị bỏ qua. Như sàn bê tông của trường Khánh Bình chỉ đổ dày 5 cm, trong khi tối thiểu phải là 10 cm. Ông nói : “ Khi kiểm định, chúng tôi không dám khoan vào lớp bê tông mỏng vì có nguy cơ sập bất cứ lúc nào ”.

Tới đây cơ quan thanh tra sẽ tiếp tục xem xét các trường sở khác trong tổng số 90 công trình mới xây từ năm 1997 đến nay. Đây là những hạng mục được đầu tư bằng vốn của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á.

(theo Thanh Niên 18.2, Tuổi Trẻ 20.2)

### **Các doanh nghiệp lắp ráp xe máy từ chối nộp thuế**

Ngày 19.2, đại diện 29 doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe máy trong nước đã chính thức lên tiếng phản đối cách tính thuế nhập khẩu linh kiện năm 2001 mà Tổng cục Thuế (TCT) vừa công bố vào tháng 1.2003 vừa qua. Tất cả các doanh nghiệp này đều từ chối ký vào biên bản quyết toán thuế, đồng nghĩa với việc từ chối nộp thuế.

Các doanh nghiệp này cũng đã thuê luật sư Nguyễn Chiến (Đoàn luật sư Hà Nội) để chuẩn bị khởi kiện trong trường hợp không được giải quyết.

Nội dung các doanh nghiệp khiếu kiện là: Tổng cục Thuế dựa vào Thông báo số 99 của Văn phòng Chính phủ, trong đó có kết luận của Thủ tướng về vấn đề thực hiện chính sách nội địa hóa xe hai bánh gắn máy để đưa ra yêu cầu truy thu thuế là sai với thủ tục ban hành văn bản. Cụ thể, Văn phòng chính phủ không phải là cơ quan quản lý ngành. Hơn nữa, quyết định truy thu thuế của Chính phủ phải được ban hành dưới hình thức Chỉ thị của Thủ tướng nhưng trên thực tế Chính phủ mới chỉ có 2 công văn mang tính chất chỉ đạo, định hướng.

Ngoài ra, các công ty trên cũng cho rằng theo pháp luật hiện hành thì Luật Thuế không hồi tố để truy thu. Ngày 7/12/2001, Bộ Công nghiệp có công văn 5366 công bố 17 doanh nghiệp này phải tạm ngừng nhập khẩu linh kiện xe máy. Công văn có hiệu lực sau 15 ngày nhưng quyết định truy thu thuế 60% lại áp dụng từ 1/10/2001, tức là ngược trở về trước 3 tháng. Thời điểm này các doanh nghiệp đang được nhập khẩu với thuế suất từ 15-30%...

Tổng cục Hải quan đã ra thông báo từ ngày 1.3 sẽ cưỡng chế khi làm thủ tục nhập khẩu đối với các lô hàng của những doanh nghiệp nợ thuế, phải truy thu, nhưng không chấp hành. Hiện số thuế nhập khẩu linh kiện xe máy cần phải truy thu là trên 700 tỷ đồng.

(theo VnExpress 20.2, Lao Động 21.2.2003)

## Di sản thế giới Mỹ Sơn đang xuống cấp nghiêm trọng

Sự chậm trễ trong công tác bảo quản làm cho di sản không ngớt kêu cứu.

Không một đền tháp nào của khu di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam) còn nguyên vẹn. 30 công trình có tường cao 1 m trở lên đều bị cỏ dại mọc um tùm che kín, tường gạch mủn ra, nứt nẻ. Hầu hết các mái đền đều có thể sập xuống bất cứ lúc nào.

Chỉ những đền tháp nhóm A, B, C, D có tình trạng kỹ thuật khá hơn nhờ sự trợ giúp của các chuyên gia Ba Lan sau hơn 10 năm tu bổ (1982-1993), còn nhóm G, E, F thì đang bị hư hại nghiêm trọng. Việc tu bổ di tích hiện chỉ ở mức gia cố cấp thiết một số nền móng chứ chưa có kế hoạch tổng thể. Hơn nữa, quanh khu vực này còn khá nhiều bom mìn gây trở ngại cho công việc phát quang.

Theo các chuyên gia, quá trình xử lý di tích phải tiến hành hết sức thận trọng, nghiên cứu kỹ về vật liệu xây dựng. Giới khoa học cũng cho rằng công tác phục chế rất khó tiến hành, do những yếu tố liên quan đến Mỹ Sơn vẫn còn là bí ẩn chưa lý giải hết, cả về kiến trúc, kết cấu và nghệ thuật tạo hình. Những vướng mắc trong việc tu bổ cụm danh thắng này còn nảy sinh do thiết kế quy hoạch không rõ ràng. Việc đánh kỹ tự đền tháp, tôn tạo đường dẫn, hệ thống xử lý rác thải... cho đến biện pháp bảo quản đền tháp trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt đều chưa được đề cập đến.

Cách đây 4 năm, một bản thiết kế quy hoạch đã được hoàn thành, nhưng không được chấp thuận với lý do: quy mô nhỏ so với tầm di sản thế giới. Đến nay, Mỹ Sơn vẫn chưa có thiết kế quy hoạch mới.

Trong khi đó, ông Nguyễn Công Hường, Trưởng ban Quản lý di tích Mỹ Sơn, nhận định tất cả những gì còn lại của di sản quý giá này rất khó phục chế, chỉ có thể làm công tác bảo vệ, chống xuống cấp và giữ nguyên hiện trạng.

(Theo Thanh Niên 7.12.2002)

## TIN NGẮN

\* Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002 cho thấy : khi so sánh thu nhập của 10% các hộ giàu nhất với thu nhập của 10% các hộ nghèo nhất thì mức chênh lệch là gấp 12,5 lần.

\* Kết quả thanh tra của bộ tài chính năm 2002 cho thấy : ở 41 tỉnh thành (tức 2/3), các cơ quan nhà nước đã mua sắm xe ô-tô vượt định mức (trong đó hai vị lãnh đạo tỉnh mua những xe Mercedes với giá 78 000 USD) ; 15 trên tổng số 33 bộ và ngành cũng có những vi phạm tương tự ; trong khi các địa phương và ngành nói trên còn thừa hơn 500 chiếc ô-tô chưa được sử dụng đúng qui định. Song, bộ tài chính đã từ chối công khai hoá tên của các cơ quan đó.

\* Những thống kê năm 2002 cho biết tổng đầu tư của Việt Nam đã đạt 120 nghìn tỉ đồng : vốn đầu tư trong nước chiếm 66,7%, vốn đầu tư nước ngoài là 33,3% ; và trong vốn đầu tư nội địa, nguồn vốn của nhà nước chiếm 56,8%, nguồn vốn phi nhà nước là 43,2%.

\* Cho đến đầu năm 2003, các doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư vào 88 đề án ở nước ngoài với tổng số vốn đăng ký là 184,2 triệu USD. Riêng năm 2002, 11 dự án đầu ra nước ngoài có tổng số vốn là 138,6 triệu USD), trong đó có hai đề án lớn là khai thác dầu khí ở Trung Đông (120 triệu USD) và xây dựng nhà ở Nga (12 triệu USD).

\* Theo những thống kê năm 2002, 10 tỉnh thành có năng lực công nghiệp lớn nhất nước là : Thành phố Hồ Chí Minh (giá trị sản xuất công nghiệp : 71 nghìn tỉ đồng), Bà Rịa — Vũng Tàu (29 nghìn tỉ đồng, Hà Nội (23 nghìn tỉ đồng) ; sáu đó là Đồng Nai, Bình Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Cần Thơ, Vĩnh Phúc, Thanh Hoá.

\* Chính phủ Việt Nam cho biết sẽ thực hiện cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu đối với khu vực tự do thương mại AFTA vào đầu tháng 7 thay vì từ đầu năm 2003 như lịch trình đã công bố. Lý do là bộ tài chính chưa chuẩn bị xong cơ chế thực hiện danh mục thuế quan mới (6500 loại hàng).

\* Kể từ năm 2003, các doanh nghiệp Việt Nam mỗi năm có thể xuất khẩu thêm sản phẩm trị giá 250-300 triệu USD vào thị trường EU, đặc biệt là các chủng loại áo sơ mi, jacket. Theo dự đoán của bộ Thương mại, việc tăng hạn ngạch này sẽ góp phần đưa kim ngạch buôn bán giữa EU và Việt Nam tăng thêm 700 triệu USD trong năm nay. Để đổi lại, Việt Nam sẽ phải mở cửa thêm một số lĩnh vực cho các nhà đầu tư EU.

\* Một linh mục công dân Anh gốc Việt, ông Peter Đào Đức Điềm, 63 tuổi, đã bị đâm chết tại Huế ngày 25.1, trong khi ông đang ở đây để thăm viếng gia đình nhân dịp Tết. Một người Anh gốc Việt khác cùng đi với ông Điềm, đã bị công an giữ lại để điều tra. Ông Điềm đã rời VN sang Anh từ 25 năm trước, và làm việc trong giáo phận Birmingham (Luân Đôn).

\* Ngày 12.2, GD Viện Tim TP.Hồ Chí Minh - ông Nguyễn Ngọc Chiêu cho biết, hiện có trên 5.000 bệnh nhân đã có chỉ định nhưng vẫn phải chờ mổ vì Viện Tim quá tải. Trong số này có 3.612 người (tỉ lệ 65,6 %) có khả năng thanh toán chi phí và 1.894 người (34,4 %) không có khả năng đóng phí (có 88 trường hợp đã nhận được trợ giúp xã hội). Viện Tim hiện có 325 nhân viên, trong đó 64 bác sĩ. Viện đã phẫu thuật cho 10 948 trường hợp với tỉ lệ tử vong chung là 2,3% (một tỉ lệ rất thấp so với các nước trong khu vực và thế giới).

\* Công ty truyền hình cáp Hội An đã chính thức đi vào hoạt động từ 6/12/02 và ký hợp đồng lắp đặt cáp truyền hình cho toàn bộ hơn 2.500 hộ dân. Phố cổ Hội An sẽ tháo dỡ toàn bộ ăng ten trời sử dụng cho truyền hình, trả lại sự cổ kính, rêu phong cho các mái nhà. Kinh phí lắp đặt lần đầu hiện nay cho tất cả các hộ và cơ quan sử dụng truyền hình cáp tại Hội An là 600.000 đồng/một thuê bao và chi phí hàng tháng để duy trì là 25.000 đồng, rẻ hơn 1/3 so với Đà Nẵng đang thực hiện.

\* Theo báo Tuổi Trẻ 6.2, kết quả của một cuộc thanh tra trên 57 tỉnh thành cho thấy có tới 356 262 vi phạm luật đất đai liên quan tới 83 763 ha đất. Không tới 14 % những vụ vi phạm nói trên được xử lý. Những con số này chưa kể tới những quyết định sử dụng đất đai không đúng luật của chính quyền các cấp, kể cả các đơn vị quân đội. Đứng đầu các tỉnh thành về số vụ vi phạm là thành phố HCM (hơn 10 000 vụ), rồi tới Vĩnh Long, Long An, Hà Tây...

Phóng sự

# Hầu đồng ở Hà thành

Trâm Anh



Bệ đá tại Mỹ Sơn, viện bảo tàng Chăm, Đà Nẵng

*Hà Nội cuối năm ngọt ngào và vội vã.*

*Những gương mặt dù non tơ thư sinh hay nhăn nheo phụ lão cũng đều hối hả, cuộn cuộn chảy cùng với hàng hóa, xe cộ, căng mình bươn chải để kết thúc vòng quay 365 ngày mưu sinh, vật lộn. Nhưng từ đâu đó một ông già áo lụa, nhai trầu, đeo bị nheo mắt bảo tôi: “Mày có “căn” cao lắm, “ra phủ” đi con ạ!”. Ông nói rồi chìm vào dòng đời đầy bụi tực. Tôi đi tìm cái “căn” ấy và giật mình kinh ngạc: giữa đô thị cuồng quay khùng khiếp này có một thế giới cực kỳ sinh động, nhưng huyền bí, ảo mờ như khói nhang phảng phất, quán quỳên lấy đời thường. Thế giới đồng cốt đang vào mùa “tiệc” hầu bóng. Cũng hối hả, tất bật với những cuộc mưu sinh cho thế giới tâm linh và cả cho cõi trần tục, kim tiền...*

Gã trai galăng và sành điệu tên Vinh này là viên chức một ngành bảo vệ pháp luật. Đi xe phân khối lớn, tiêu tiền ngoại, uống rượu Tây, biết sát phạt làm vui nhưng hần cũng đã tốt nghiệp đại học ở Úc, thường xem phim kinh điển, hát nhạc quốc tế và là một cán bộ trẻ có năng lực. Tóm lại, Vinh rất đời, thậm chí “hơi bị” văn minh thời thượng...

Bất ngờ hẹn tôi cuối tuần đến nhà, không quần jean, giày khủng bố mà quần tây áo sơ mi, tóc cắt gọn rất đứng đắn. Vinh bảo: “*Hôm nay tôi lên điện hầu đồng. Mời ông đến dự!*”.

## Vấn hầu “lên bóng”

Dừng xe trước căn nhà mặt phố Hàng Quạt, Vinh đẩy nhe cánh cửa khép hờ bên gác, vẫy tôi theo. Căn nhà rộng, nhiều cây, rất đông người [...]. Đây là điện thờ của ông Thanh, một chủ nhang người mở điện) có dinh cơ (điện) đồ sộ và thanh thế nhất Hà Nội và cũng có thể là nhất nước hiện nay. Điện chia làm ba tòa, có nhiều tầng. Tầng nào cũng rất nhiều tượng sơn đỏ. Hai con rồng kết bằng vải ngũ sắc, miệng phun lửa điện tử, uốn lượn ôm cả trần nhà. Xung quanh rất nhiều hương nhang thật và hương nhang chạy điện. Bên chân những bức tượng lớn là voi, ngựa, rắn, thuyền bè, tiên âm phủ, vàng... cúng nhiều hình nhân hàng mã nhưng to gần như thật. Phủ khắp tường điện là một bức tranh khổng lồ mô tả chốn thần linh. Trước điện là một tấm thảm nền đỏ, riềm nga sắc lông lánh rộng chừng 3m2 để người hầu tế lễ.

Tiếng trống, phách, đàn nhị, thập lục, chuông, mõ... và tiếng hát âm ỉ phát ra từ bốn chiếc loa lớn do “dàn nhạc sống”

gọi là đoàn cung văn biểu diễn. Họ gồm ba đàn ông gầy đét, môi thâm đen cùng một phụ nữ đầu vấn khăn nhung, rục rờ son phấn, đang thay nhau hát vào hai chiếc micrô dựng ngang tầm mặt. Họ ngồi khoanh chân, mặt vô cảm nhưng hát cuồng nhiệt và bền bỉ. Con nhang (những người theo thế giới đồng cốt) ngồi vây quanh điện với đủ mọi bộ dạng, lứa tuổi. Những ông to béo, comlê dính đặc lẫn tay thanh niên tóc nhuộm đỏ và vài gương mặt cô hồn như bọn tội phạm, cùng thành kính, nghiêm cần bên những bà già nhai trầu và mấy cô mắt xanh, môi đỏ...

Đồng hồ chỉ 2 giờ, lạnh lạnh tiếng vang từ quả chuông là đuôi quả bom cát ra. Một người mặc bộ đồ lụa trắng toát lông lánh, tóc chải bóng mượt, mắt môi xanh đỏ tay đeo gang, chân đi tất cũng trắng muốt tha thướt đi ra. Quả thật, dù có giàu tưởng tượng đến mấy tôi cũng không ngờ đây là Vinh, một tay chơi có hạng và chưa từng thiếu một món hưởng thụ nào của cõi trần.

Vinh ngồi khoanh tròn trước điện, mặt hơi ngửa, hếch mũi nhìn rất khoan thai, tự mãn, ánh mắt lạc thần như nhìn vào khoảng không vô tận. Bốn người hầu dâng quì bốn góc thăm làm nhiệm vụ chăm lo khăn áo mũ giày... cho Vinh. Đó là một gã phì nộn, ảo nhàu nát, hờ nút, lòi cả tầng mỡ núng nính. Đầu hần cất trọc lỏm chỏm, mặt to như cái đĩa, đỏ gay và miệng ngoe ngoét nước trầu đỏ. Tay thứ hai bé như nắm chắt, dúm dó trong bộ quần áo thun dính sát người. Nước da nhợt, hần nhụi bọc lấy cái cơ thể mà bộ phận nào cũng nhọt, dài và sắc. Hần thoãn thoãn duỗi những móng tay cong vút, đỏ choét vượt lại xấp áo óng ánh toàn gấm lụa hàng chục màu khác nhau xếp ngay ngắn bên cạnh một chiếc gối bọc nhung thêu thùa rồng phượng. Gã béo khệnh khạng ôm ra một đống những kiếm, đao, chùy, côn... bằng đồng, thép và gỗ sơn đỏ. Phía sau chúng là một bà lờ đờ như ngái ngủ đặt lên điện mâm lễ vật đầy ngón những bánh kẹo, hoa quả, nước khoáng, nước ngọt, bia lon, chè, cà phê, bò khô, ô mai, rượu trắng và thuốc lá... Bà kia lạnh chanh như chủ hàng cá đem ra một khay đựng đầy vòng đeo cổ, đeo tay, trâm, khuyên... và các loại chổi, son phấn...

Tiếng trống phách đổ dồn, giọng hát hầu ẻo uọt dồn chặt gian phòng. Hương nhang nghi ngút cháy. Các con nhang thì nhau vái, lẩm râm khấn khứa. Vinh khoác áo choàng đỏ tươi thêu hình rồng sau lưng. [...] (lúc này đã phải gọi là cô, vì căn (cái gốc ở cõi âm) của Vinh là do một công chúa đời Trần - một trong những người mà thế giới đồng cốt thờ - nắm giữ). Hai bà già giúp cô thắt đai, kéo cho phẳng áo, gã béo thì đưa hương nhang và đón đỡ khi cô bỏ ra. Trong vòng 20 phút, Vinh đã thành một mệnh quan triều đình. Mũ áo cân đai oai vệ, trùm khăn đỏ kín mặt. Con hầu, đầy tớ, văn võ bá quan (là bốn hầu dâng và đoàn cung văn) rậm rạp hầu hạ. Tiếng cung văn đang rên rĩ bất ngờ cao vóng, đổ dài. Mõ, trống, chuông... khua dồn dập. Cô đang ngồi lác lư như say sồng, bất ngờ hát tung khăn trùm đầu. Hầu dâng vươn người đỡ rất điệu nghệ. Cô lại vỗ gối đánh bộp rơi đứng vụt dậy, đón vũ khí từ tay hầu dâng chống nạnh múa tiến lui, phải trái, dẻo không kém nghệ sĩ thực thụ. Mặt cô hồng rục, mắt long lanh nhìn thẳng và không trọng tâm, mũi hếch, miệng hé như cười, trông khác hẳn... người trần. Bỏ vũ khí, cô kẹp tám nén nhang rừng rục cháy vào kẽ ngón tay múa tiếp. Múa may chừng 10 phút trong tiếng ca riết róng của cung văn ù đặc màng nhĩ thì cô ngồi. Vây là hết một giá hầu trong 12 giá của một vấn hầu.

Đám hầu dâng thỉnh thoảng đưa nước, rượu, thuốc cho cô thưởng thức. Mỗi lần như thế bọn họ lại phải kín đáo lấy quạt

giấy che cho cô dùng và sau lại đưa hai tay đỡ lấy lễ cô ban cũng là những món đồ và ra sức uống, hút.

Sau mỗi vấn hầu, cô lại rút tiền từ ngăn kéo trước mặt từng tờ 50.000, 20.000 đồng kẹp vào kẽ ngón tay ném ra ngoài. Hầu dâng nhật lấy thả vào cái chuông làm bằng đuôi quả bom cho cung vãn. Ấy là cô thường cho cung vãn hát hay, trống phách giòn, lên nhịp... Cũng sau mỗi giá hầu, lại có người đem những mâm đầy lễ vật chia đều cho tất cả mọi con nhang có mặt, gọi là tán lộc (phát lộc). Liên tục những con nhang lê đầu gối đến gần bỏ tiền (từ 100.000 đồng trở lên) vào một chiếc đĩa, cúi đầu dâng lên cô và ghé tai cô xin những ham vọng cụ thể nào đó dưới trần. Cô nhận lời, lục tiền lễ trả con nhang đó một ít rồi quay sang người khác.

Vấn hầu kéo dài năm giờ. Cung vãn không ngừng hát, Vinh uống hết hai chai rượu, hút hết hai bao thuốc và liên tục nhảy múa. Các bà già 70, 80 tuổi ngồi phục cả buổi đều khỏe mạnh và hoạt bát như thường... Đó là một vấn hầu thành công vì không xảy ra rơi khăn, vỡ chén, tắt nhang hương; cung vãn hát trôi chảy và hồn cô Bơ (một công chúa đời Trần) đã nhập vào người hầu...

Các con nhang nói : hầu bóng là làm lễ tế vị thần mà mình mang căn của họ, để xin họ xá tội, giải tai ương, ban phúc lộc. Khi hầu mình được giao lưu trò chuyện với họ, nghe họ dặn dò, chỉ bảo và nhiều khi hồn họ quay về nhập vào mình, nhờ thân xác mình phán bảo những kẻ xung quanh về tội, đức, phúc, họa... Muốn hầu phải có điện. Hà Nội hiện có chừng trên 1.000 điện, đèn, miếu, phủ chuyên dùng cho hầu bóng. Vậy là thành phố này không chỉ người trần đua chen đất đai, hộ khẩu mà các thần thánh cũng cần có rất nhiều những “văn phòng”, “trụ sở” để xuống làm việc với nhân gian.

### Những người mang căn số

Ra khỏi điện, Vinh lại vít ga xe lên bảy tám mươi, bó vĩa ba toa (đánh võng xe qua những khúc quanh), lao đến phòng bia máy lạnh, trán nhả theo cao độ một giai điệu của Madonna bốc lửa... Có nghĩa là hấn lại phạm tục hết mình. Vinh bảo: thế giới này ai cũng có thể là con nhang. Hầu đồng đàn bà bây giờ ít hơn đàn ông, bà già ít hơn giới trẻ và người có văn hóa, chức vi, học vị nhiều hơn những người không có. Các sếp giám đốc cứ trước và sau khi ký hợp đồng hay nhận thầu công trình đều lên điện múa dẻo như thiên nga. Các sếp trong cơ quan hành chính trước và sau bầu cử, thay đổi nhân sự cũng biện (sắm sửa) nhang lễ hàng trăm triệu lên xin hoặc “lại quả” thần thánh chu đáo lắm. Con nhang sùng tín còn là những bà già, chị bán rau, anh bán hàng rong đến ông già về hưu dưỡng lão. Hầu đồng có cả sĩ quan quân đội, công an, cán bộ thuế, hải quan.. Trong vấn hầu tôi thấy người ta xếp rất nhiều chỗ cho trẻ con ngồi xem. Có đứa chưa biết đọc nhưng cũng gập người vái lia lia, mồm lẩm nhẩm liên hồi, hỏi nói gì thì không biết.

Theo các con nhang thì bất cứ là ai, ở đâu, làm gì nếu có căn số cũng đều tìm được đến cửa phủ, đều hóa thành con nhang. Trước khi là con nhang, họ thường có người nhà bạn bè thân thích hay rủ đi xem hầu, chia lộc. Những người chưa hề biết hầu bóng là gì mà vẫn theo thì gọi là bất đồng nổi. Vinh cũng là kẻ bị bất đồng nổi. Năm Vinh 14 tuổi là một học sinh nhút nhát học lực trung bình. Một lần cô giáo gọi lên bảng, Vinh không trả lời câu hỏi mà chằm chằm nhìn cô nói : mộ ba đời nhà cô tháng bảy vừa rồi có ý định sửa nhưng lại thôi, em trai cô đi làm xa bị tai nạn ở chân phải, cô mang căn

ông Hoàng Mười... [ ... ]

Vinh bỏ ăn, bỏ học, sinh hoạt thất thường. Có người bảo đi cúng xin. Thầy nói Vinh bị bất đồng nổi, đáng ra có phúc được hưởng lộc nhưng vì phát tiết bữa bãi, không làm lễ cúng xin nên bị thu phép, không xem bói được nữa. Tuy nhiên để sống yên ổn thì phải ra phủ hầu đồng...

Khi đã là con nhang thì một năm ít nhất phải hầu một lần. Tất cả những lễ trọng, nhất là trong tháng tiệc (tiệc của thân linh) nhất định không được bỏ. Đó là tháng giêng đi chùa Hương, lên Lạng Sơn hầu cô Bắc lệ, quan Giám sát, vào Tam Thanh (Lạng Sơn) hầu Thánh mẫu.; tháng hai lên Tuyên Quang hầu cô Bé Minh Nương, cô Cấm; tháng ba về Phủ Giày (Nam Định) hầu tiệc Mẫu, tháng mười vào Bến Thủy (Nghệ An) hầu ông Hoàng Mười... Khi đã có đồng thì kiêng thịt chó, kiêng tỏi. Cũng từ đó tất cả mọi hay dở, họa phúc ở đời người ta đều cho là tại sự hầu hạ người mang căn của mình đã chu đáo hay chưa.

### Loang lỗ âm dương

Nếu xét đơn thuần là một hình thức sinh hoạt văn hóa thì hầu bóng ở Hà Nội khá hủ lớn, pha tạp. Từ con nhang, chủ điện đến người hầu đều tâm niệm và sùng tín những cô, cậu cách đây hàng mấy trăm năm nhưng trong lễ hầu họ lại mời cô, cậu hút thuốc 555, xì gà; uống bia lon, ăn ô mai... những sản phẩm của thời nay. Trong vấn hầu, người quan trọng thứ hai là hầu dâng, tất cả mọi cử chỉ đều cúi đầu dâng, đỡ rất thành kính nhưng anh ta vẫn đeo điện thoại bên người và thỉnh thoảng cúi xuống gắm điện vừa nói vừa cười rất tự nhiên. Đặc biệt là lời hát của đám cung vãn. Ngoài những lời cổ nói về sự tích, hành trạng, công đức của các vị thánh, thần thì mỗi đoàn đều pha thêm những kiểu nhạc, khúc đoạn lời lẽ khác nhau theo ý thích. Ví dụ đang hát giọng hầu họ xoay sang vọng cổ, ví dặm hay quan họ, thậm chí cả nhạc đỏ. Có đoạn nói về cậu Hoàng nào đó từ già quê hương đi đánh giặc thì cung vãn hát: “trước lúc đi xa cậu muốn nghe một câu hò ví...”. Trong trang trí cũng vậy. Điện thì vẽ tranh Bác Hồ, điện thì vẽ cảnh thủy cung, lẫn không trung. Cảnh nhà chớp hiện đại lẫn cung đình cổ điển... rất bất nháo.

Các con nhang khẳng định 90% những gã đàn ông nếu làm chủ điện, cung vãn hay hầu dâng thì đều hoá thành đồng cô (người có đồng nhưng mang căn cô, chỉ người nam giới mang nữ tính). Họ thường ăn nói éo lá, đi lại ỡng ẹo, không bao giờ yêu người khác giới hay nếu có vợ thì cũng bỏ. Móng chân móng tay để dài, sơn đỏ và đặc biệt rất thích đồ dùng phụ nữ... Đồng cô làm hầu dâng thường chia hai đẳng cấp sang hèn rõ rệt. Cấp sang thì tiền thưởng, tiền lộc rất cao, ai có nhiều tiền mới mời được Có hầu dâng chạy sô mỗi ngày 3-4 vấn hầu. Mỗi vấn mang về 500.000 đến vài triệu đồng sắm nhà hộp, xe @, đeo dây vàng ngọc. Mùa tiệc, ngày giáp tết, đầu năm thì các hầu dâng, cung vãn hạng sang chạy sô hàng mấy trăm kilômet/ngày, hơn cả những ca sĩ nhạc trẻ. Hầu dâng cấp thấp thì làm không đủ ăn. Cái sang hèn không phụ thuộc vào khéo tay, chịu khó, sạch sẽ hay ngoan ngoãn mà do một số người cho rằng hầu dâng đó có căn đẹp hay hợp căn với người kinh doanh...

Đồng cô thường tập trung thành từng nhóm, cặp nhau thành từng đôi sống như tình nhân. Họ chỉ chốc chốc véo nhau ngay trước điện mà không hề ngại. Sở thích là đeo trang sức và đánh bài ăn tiền, chấm hết.

Xem tiếp trang 26

40 năm sau, nhìn lại

1963

Lịch sử Việt Nam hiện đại có những cái mốc quan trọng. 1945, “ chín năm làm một Điện Biên ” 1954, chín năm sau là 1963... Rồi lịch sử như tăng tốc 1968, 1972-73 theo nhiệm kỳ tổng thống Mĩ, trước khi đi trước chặn đầu cuộc bầu cử năm 1976 bằng cái mốc 1975.

Trong những cái mốc lớn ấy, 1963 có một vị trí đặc biệt. Trước hết vì những sự kiện dồn dập, phức tạp đã diễn ra.

Thật vậy, nhắc tới tình hình cách đây 40 năm đúng, chắc chắn mọi người nghĩ ngay tới phong trào đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm, mà biểu hiện nổi bật trong kí ức là phong trào Phật tử, với hình ảnh không thể nào quên : thượng toạ Quảng Đức an toạ ở ngã tư Lê Văn Duyệt - Nguyễn Đình Chiểu (Sài Gòn) trước khi châm lửa tự thiêu. Dư luận thế giới còn bàng hoàng, chưa kịp nhận thức được hết ý nghĩa của hành động siêu phàm ấy, đã kinh ngạc và ghê tởm khi nghe Bà Nhu muốn thay trò “ đóc mía ” bằng trò “ nướng chả ”, để rồi chuyển sang phần nộ trước cuộc đàn áp đẫm máu đêm 20.8. Và tiếp theo là cuộc thay ngựa giữa dòng ngày 1.11 với cái chết thê thảm của hai em Diệm - Nhu, cái chết đã được báo trước trong bức điện mật ngày 24.8 của Nhà Trắng gửi đại sứ Henry Cabot Lodge.

Kích thước Shakespeare của vở bi kịch lịch sử, ba tuần sau, đạt tới cực điểm mới trong cái chết của John F. Kennedy. Tiếp theo, như mọi người đều biết : cuộc “ cách mạng ” tháng 11.63 mau chóng hiện nguyên hình trong cái đèn cù của các cuộc đảo chính liên tiếp ; cuộc “ chiến tranh đặc biệt ” mà Kennedy đã liên tục tăng cường (từ dưới 10 000, số cố vấn quân sự Mĩ ở miền Nam cuối năm 1963 đã lên tới 20 000), tới Johnson, đã leo thang thành “ chiến tranh cục bộ ”...

40 năm đã trôi qua, những đam mê cuồng nộ có thể sâu lắng, nhường chỗ cho cái nhìn tỉnh táo, và những trải nghiệm chủ quan lại có thể làm sống động những hiểu biết khách quan mới. Và những những hiểu biết khách quan đang được tích lũy qua nghiên cứu của các nhà sử học trên thế giới trong thời gian qua, khi họ phỏng vấn các chứng nhân, đối chiếu nhân chứng với các tư liệu mà các kho văn khố quốc gia, cơ quan và cá nhân đang lần lượt được mở ra ở Washington, Paris, Moskva, Warszawa... hoặc hé mở ở Hà Nội, Bắc Kinh...

Đọc qua một số các công trình nghiên cứu được công bố, có thể thấy những sự kiện nhắc lại ở trên là phần nổi, quan trọng, nhưng chỉ là một bộ phận của một chuỗi dài những sự kiện quan trọng dồn dập xảy ra trong năm 1963 ở Việt Nam và liên quan đến Việt Nam.

Xin đơn cử vài thí dụ để minh chứng :

- ngày nay, các tài liệu nội bộ của Mỹ đã xác nhận tầm quan trọng của trận Ấp Bắc : ngày 2.1.1963, tại một ấp nhỏ cách Mỹ Tho 20 km, một đơn vị du kích của Mặt trận dân tộc giải phóng đã đánh bại một lực lượng đông gấp 5 lần của quân đội Việt Nam cộng hoà, với ưu thế tuyệt đối áp đảo về cơ động (trục thăng, xe cơ giới), hỏa lực và vũ khí, với sự chỉ huy thực sự của đại tá John Paul Vann và sự chỉ đạo sâu sát của cả tướng Paul Harkins. Đầu năm 1963, khi trận này xảy ra, hai bên đều

tuyên truyền thắng lợi, hai nhà báo Mỹ sau này trở nên những tên tuổi của báo chí Mỹ (N. Sheehan và D. Halberstam) nêu rõ ngay đây là thất bại nặng nề chính quyền Diệm và của chiến lược “ CI ” (chống nổi dậy) của chính quyền Kennedy, song phải nói lúc đó dư luận vẫn bán tin bán nghi. Ngày nay, rõ ràng trận Ấp Bắc đã mở đầu cho sự phá sản của “ chiến tranh đặc biệt ” và “ quốc sách áp chiến lược ”.

- Nói rộng hơn, các hồ sơ lưu trữ của Nhà trắng và Bộ ngoại giao Mỹ được công bố trong 20 năm qua (sau Hồ sơ Lầu năm góc bị phanh phui năm 1971) cho thấy : lực lượng quân sự của MTDGTP (chủ yếu là lực lượng tại chỗ) năm 63 tăng gấp đôi so với năm 61, rạn nứt bắt đầu hiện ra trong bộ máy chính quyền và quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam, giữa Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm (một dự thảo kế hoạch thay thế Diệm được soạn thảo từ tháng 4.63, trước cuộc đàn áp Phật tử tháng 5 ở Huế), mâu thuẫn gay gắt giữa báo chí Mỹ và bộ máy chính trị - quân sự Mỹ ở Việt Nam.

- Từ tháng 7.62, ông Lê Duẩn, trong một lá “ thư vào Nam ” (gửi ông Nguyễn Văn Linh) đã nhấn mạnh khả năng Mỹ thừa nhận thất bại của “ chiến tranh đặc biệt ” và chấp nhận “ chính phủ liên hiệp ” ; sang năm 1963, De Gaulle đưa ra đề nghị “ trung lập hoá miền Nam Việt Nam ” và bước đầu chuẩn bị lực lượng (ở Pháp cũng như ở Sài Gòn). Tại Sài Gòn, khi đã quá muộn, tập đoàn Diệm-Nhu mới tìm cách liên lạc với Hà Nội (thông qua Maneli, đại sứ Ba Lan ở Uỷ hội Quốc tế), không rõ với thực tâm tìm kiếm một giải pháp “ giữa người Việt với người Việt ” hay chỉ nhằm hù Mỹ.

- Lịch sử đã diễn ra như thế nào, mọi người đều rõ : tại Washington, tuy những tiếng nói đòi “ rút đi trong danh dự ” bắt đầu cất lên ở Quốc hội Mỹ, những hoài nghi do dự đã lộ ra trong nội bộ, nhưng chính quyền Johnson chọn con đường leo thang (mà thực sự Kennedy đã khởi xướng) ; tại Hà Nội, năm 1963 kết thúc bằng Hội nghị Trung ương lần thứ 9 của Đảng Lao động Việt Nam (mà một báo cáo mật của CIA thừa nhận sự độc lập đối với Bắc Kinh và Moskva) : để đương đầu với sức mạnh ghê gớm của Hoa Kỳ, ĐLĐVN về đối ngoại, chọn lựa con đường “ trung tuyến ” giữa Liên Xô và Trung Quốc để tranh thủ sự ủng hộ tối đa của hai nước “ anh em ” đang và sẽ trở thành kẻ thù của nhau, song về đối nội, não trạng và thực tiễn của ĐLĐ hai thập niên sau đó, mang nặng dấu ấn của chủ nghĩa Mao (tuy không bao giờ đạt tới mức “ cách mạng văn hoá ”).

- Những dữ kiện quốc tế và quốc nội, ngày nay nhìn lại, hầu như đã tất yếu quy định tiến trình của cuộc chiến tranh ở Việt Nam từ cuối năm 1963. Nhưng mặt khác, người ta không thể không đặt ra những câu hỏi bắt đầu bằng chữ “ nếu ”. Nếu xu hướng sớm thấy thất bại mạnh hơn ở Nhà Trắng, nếu ý đồ mong muốn “ chính phủ liên hiệp ” của phía Việt Nam có thể được thông báo một cách “ hiển ngôn ” cho phía Mỹ (một điều hơi không tưởng nếu ta nhớ tới cuộc tranh chấp Xô-Trung)...

Không ai có thể viết lại, càng không thể làm lại, lịch sử bằng những chữ nếu. Song xem xét các giả thiết là một cách soi sáng các dữ kiện lịch sử và hiểu rõ quá khứ. Điềm lại những hiểu biết hôm nay về năm bản lề 1963, có lẽ chỉ cần nhấn mạnh một điều : nếu kho lưu trữ ở VN chưa được mở ra cho các nhà nghiên cứu, và ngày nào chưa thực sự có nghiên cứu lịch sử hiện đại ở Việt Nam, thì lịch sử Việt Nam hiện đại vẫn còn là độc quyền của sử gia nước ngoài và “ ký ức quốc gia ” của dân tộc ta còn đắm chìm trong cõi u minh.

NGUYỄN NGỌC GIAO

*Giới thiệu sách*

## **ĐỊA ĐÀNG Ở PHƯƠNG ĐÔNG**

*của Stephen Oppenheimer*

NGUYỄN QUANG TRỌNG

*Địa đàng ở phương Đông* <sup>(1)</sup> là một quyển sách có bề dày đáng kể : 560 trang kiểu chữ nhỏ. Tựa sách khiến người ta nghĩ đến một truyện thần thoại hay tác phẩm nổi tiếng của John Steinbeck. Đọc xong mới biết cuốn sách kết tinh một công trình cứu dài hơi, nghiêm túc, của một nhà khoa học. Và đem lại nhiều phát giác mới mẻ, đặc biệt quan trọng cho các dân tộc Đông Nam Á.

### **Về tác giả, nhà nghiên cứu Oppenheimer**

Stephen Oppenheimer tốt nghiệp bác sĩ tại Đại học Oxford (Anh) năm 1971. Năm sau ông sang vùng Viễn Đông hành nghề bác sĩ nhi khoa tại nhiều bệnh viện trong vùng (Nepal, New Guinea, Malaysia, Hongkong, Brunei), mà độc đáo nhất là “ bác sĩ bay ” (flying-doctor) ở Sarawak (đảo Kalimantan). Ông nghiên cứu về sinh học di truyền bệnh sốt rét ở New Guinea, có kết quả quan trọng công bố trên tờ báo khoa học hàng đầu thế giới (*Nature*, 1997) về đột biến *gene* đã đưa đến *gene* kháng sốt rét... Năm 1997, ông trở về Oxford tham khảo tài liệu thư viện và viết cuốn sách “ 200 000 chữ ” về liên hệ văn hóa kỹ thuật giữa Đông và Tây vào thời tiền sử. Cuốn sách này do một số nhà xuất bản ở Anh, Đức và Ý đặt Oppenheimer viết dựa vào những công trình nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm bản thân của ông, một người Âu đã sống và tìm hiểu vùng Viễn Đông và Tây Nam Thái Bình Dương.

Khi nghiên cứu về di tổ chống sốt rét của các nhóm dân New Guinea, Oppenheimer nhận thấy những bộ lạc nói tiếng khác nhau và có chung các huyền thoại cổ tích truyền khẩu thì có cùng di tổ. Từ đó, ông say mê tìm hiểu sâu về cổ tích, tiền sử, ngôn ngữ, tập quán của toàn thể dân Á châu. Trong nhiều năm, ông bỏ thì giờ đi khắp Đông Nam Á lục địa (kể cả Việt Nam) và các đảo Thái Bình Dương nghiên cứu thêm về nhân học. Ông lặn lội nơi thâm sâu cùng cốc, tìm đến những bộ lạc bán khai còn giữ ngôn ngữ, tập quán hay cổ tích truyền khẩu từ xưa...

Tại Đại Học Hongkong từ 1990 đến 1994, ông nghiên cứu về những đường thiên di đưa người nói tiếng Nam Đảo đi chiếm lĩnh các hải đảo trên một vùng biển rộng lớn, trải từ Madagascar ở bờ tây Ấn Độ dương đến đảo Hawaii và đảo Phục Sinh (Iles de Pâques) phía đông Thái Bình Dương.

Từ những kiến thức đa dạng này, ông có một số ý kiến mới về sự hình thành của hai nhóm dân chính của Đông Nam Á, là dân nói tiếng Nam Á (Austroasian) và dân nói tiếng Nam Đảo (Austronesian). Trở về giảng dạy tại Đại học Oxford sau khi rời Hongkong, ông không ngừng tìm hiểu về hai giống dân Nam Á - Nam Đảo mà ông đã từng chung sống trong hai mươi năm.

### **Địa đàng ở phương Đông**

Tổng hợp các tài liệu và kết quả nghiên cứu của chính mình,

bao gồm nhiều bộ môn như khảo cổ, y khoa, ngôn ngữ, nhân chủng, xã hội học, Oppenheimer đưa ra một thuyết mới về nguồn gốc một số dân tộc và văn minh Á châu. Theo thuyết này, “ cái nôi ” nền văn minh nhân loại (*Homo sapiens sapiens*) nằm ở Đông Nam Á. Nhưng người ta không thể khai quật các di tích khảo cổ vì ngày nay những vùng đất chứa dấu vết nền văn minh này đã nằm sâu dưới biển. Đó là vùng thềm Sunda và thềm Nam Hải (tức Biển Đông hay thềm vịnh Hạ Long ).

Oppenheimer chia cuốn sách làm hai phần. Phần một, rất khoa học, về nguồn gốc của các giống dân Đông Nam Á từ cuối thời cự thạch khí (thời đồ đá cũ). Phần hai gồm các huyền thoại và chuyện truyền khẩu các tộc người sống rải rác khắp Đông Nam Á lục địa và trên hàng hà sa số hải đảo vùng biển Thái Bình rộng lớn.

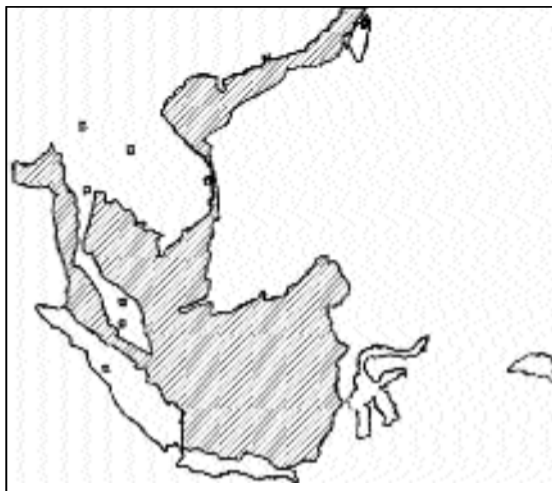
Trong phần thứ nhất : các tựa *Đá*, *Xương*, *Di tổ (gene)* và *Âm (Tiếng)*, gồm các chương từ 1 đến 7 được xếp thành nhóm theo ngành khoa học chuyên môn : Địa chất, Khảo cổ, Di truyền học và Ngôn ngữ học.

Hai chương đầu chứng minh Đại Hồng Thủy có thật vì vết tích địa chất để lại trên nhiều vùng gân biển và sự thiếu vắng di vật chứng minh dấu vết văn hóa nằm giữa các tầng có di tích văn hóa xưa nhất tìm thấy trong các hố khảo cổ. Các hiện tượng gây ra Đại Hồng Thủy vào thời băng giá cuối cùng được phân tích trong chương 1. Vào khoảng 20 000 năm trước đây, nước biển dâng cao 120 m so với mức nước biển cũ, trong vòng hơn 15000 năm, nhưng mực dâng không đều đặn. Cho đến khoảng 8000 năm trước đây, khí hậu nóng lên làm chảy dần lớp băng đá dày đến 1,6 km nằm trên vùng đông bắc Canada Laurentide, nước băng tan ứ đọng trong hồ Baltic, gây sức ép làm bật tung nút chặn thiên nhiên. Nước hồ tuôn ra eo biển Hudson, lôi theo những tảng băng chưa tan. Hiện tượng tương tự đã xảy ra tại nhiều nơi trên vùng lục địa gần cực địa cầu như vùng eo Bering-Alaska, cũng vào khoảng thời gian ấy. Mực nước biển dâng cao bất ngờ (25 m) gây đại hồng thủy. Thêm vào đó, trọng lượng mất đi của những lớp băng tan khiến vỏ trái đất càng thêm sôi động, di chuyển, sinh ra động đất, núi lửa và sóng thần, tăng thêm cường độ Đại Hồng Thủy, gây kinh hoàng cho các nhóm dân sống ven biển.

Trong chương 2, tác giả tổng hợp các tài liệu khảo cổ và nhân học vùng vịnh Á rập và Đông Nam Á (từ nam Nhật Bản, qua Hongkong, xuống đến Tân Guinea) chứng minh rằng khi lục địa Sunda bị chìm ngập, có sự tràn lan ra vùng ngoại vi lục địa Sunda các di vật khảo cổ và ống phun tên (blow pipe) vốn là một phát minh của cổ dân nói tiếng Nam Đảo sống tại bắc Borneo. Riêng cổ dân vùng thềm Nam Hải thì rút lên chỗ đất cao phía lục địa bây giờ và lập một số làng vào thời tân thạch khí (đồ đá mới) trên đảo Hải Nam và cửa Châu Giang ; đồ gốm tô màu hay khắc vạch của họ được tìm thấy tại nhiều nơi dọc biển nam Trung Hoa, cũng như đồ gốm văn thừng sau đó (đồ gốm bên ngoài có in dấu chày bện thừng đập lên gốm lúc còn ướt) đào được khắp vùng có cư dân Bách Việt. Liên hệ văn hoá giữa Đông Á với cổ vương quốc Ur (vùng Lưỡng Hà) được chứng minh qua các hiện vật khảo cổ nằm dưới lớp cát lắng trong hố khảo cổ ở Ur (nghĩa là trước lúc vùng bị nước biển ngập) : đồ gốm khắc vạch, đĩa gốm xoi lỗ, chì lưới bằng đất nung, hạt chuỗi vỏ sò, rìu tứ giác, lưới cày bằng đá, và đá quý, toàn là loại đồ của cổ dân Đông Nam Á. Và nhất là qua một

hình nhân nhỏ bằng đất nung tượng trưng một phụ nữ có những dấu vết mà tác giả cho là dấu xâm mình, một tập tục của dân nói tiếng Nam Đảo.

Trong chương 3, trước khi đưa quan điểm của mình, tác giả trình bày thuyết Bellwood về sự di dân vùng Đông Nam Á vào thời đồ đá và thêm vào đó một số dữ kiện khảo cổ. Ông đã phá tìng điểm một thuyết Bellwood về nguồn gốc người nói tiếng Nam Đảo (từ nam Trung Hoa qua Đài Loan), và nguyên do



Lục địa SUNDA (vùng gạch chéo) trước khi chìm ngập

đưa đến thiên di và hậu quả của thiên di. Trong chương này có tiểu đoạn “ người Chăm đến từ đâu ”, với tiểu tựa viết bằng tiếng Pháp, “ *D’où les Cham ?* ”, trong cuốn sách hoàn toàn bằng Anh ngữ này. Tiểu đoạn ấy nói về tổ tiên gốc Nam Đảo của người Chăm tại Trung Việt. Ông dựa vào kết quả khảo cổ ở Trung Việt để chứng minh sự kiện người Nam Đảo bành trướng từ Đài Loan xuống các đảo Đông Nam Thái Bình Dương vào thiên kỷ II trước Công nguyên của Bellwood/Blust là không đúng. Bởi vì tổ tiên người Chăm không thể đến Sa Huỳnh sớm như thế được. Ngược lại, kết quả khảo cổ tại Tân Guinea chứng minh đã có lưu thông vật liệu (đá lửa đen, và cây trái như trâu cau) cùng với dân Nam Đảo theo đường hàng hải ngay sau khi Sunda bị ngập đi từ Đông Nam Á (bao gồm phần Sunda bị chìm) đến các đảo xa trước khá lâu niên đại Bellwood nêu ra. Và ông kết luận : khi nước biển dâng, người Nam Đảo di tản đến Ấn Độ, Tây Á, châu Đại Dương đem theo các yếu tố văn hoá, kỹ thuật của vùng bị ngập, và chắc chắn đã kích thích cuộc “ cách mạng ” thời đá mới. Theo ông, có thể cư dân Đông Nam Á đã đầu tiên khám phá ra hợp kim đồng thau (cư dân Ban Chiang tại Thái Lan, nơi giàu thiếc, kim loại cần cho hợp kim) và truyền bằng đường hàng hải đến Lương Hà, nơi hiếm thiếc.

Chương 4 bàn về ngôn ngữ (cổ) Á châu, đặc biệt những ngôn ngữ Đông Nam Á. Trong ngôn ngữ học cũng như trong di truyền học, tính đa dạng được xem là biểu hiện sự cổ xưa : một vùng có cư dân (thuộc nhiều nhóm / bộ lạc) nói nhiều dạng khác của cùng một thứ tiếng được xem như là vùng có gốc xưa của thứ tiếng đó. Các bộ lạc thổ dân trên lãnh thổ nhỏ Đài Loan nói nhiều thứ tiếng rất khác nhau nhưng thuộc cùng nhóm (hay nhánh, phylum) tiếng Nam Đảo. Vì thế Đài Loan được xem là nơi xuất phát của cư dân nói tiếng Nam Đảo đi về các đảo nam Thái Bình Dương.

Đa số các nhà ngôn ngữ học xem vùng chân núi Himalaya, nơi hội tụ các sông lớn của Đông Nam Á, là cái nôi các ngôn ngữ Á Đông. Từ đó các ngôn ngữ chính truyền đi bốn phương : đó là các nhóm tiếng Hoa-Tạng, Nam Á, Nam Đảo và Thái- Kadai. Nhưng theo Oppenheimer, ba nhóm tiếng sau (mà nhiều người xem là cùng một gốc, gọi là austric) không lan truyền xuôi theo các giòng sông như Blust chủ trương, mà chúng phát xuất từ một ngôn ngữ gốc austric tại cổ lục địa Sunda, trước khi vùng này bị ngập. Khi trốn lụt, do địa hình của Đông Nam Á lục địa, họ chỉ có thể đi ngược giòng các con sông về phía bắc, nơi không bị ngập.

Tác giả đào sâu trong chương kể tiếp nơi bắt nguồn tiếng Nam Đảo, và hướng lan truyền thành các nhánh khác nhau. Trừ miền Trung Việt Nam và một vài nơi thuộc nam bán đảo Mã Lai, tất cả các dân nói tiếng Nam Đảo đều sống trên hải đảo. Theo tác giả, tiếng Nam Đảo phát xuất từ tây bắc đảo Borneo, nhánh tiếng Tây Nam Đảo phát triển về phía bắc, ngược lên Phi Luật Tân, miền Trung Việt Nam và Đài Loan, và phát triển về hướng tây (tây Indonesia, Mã Lai, Mã Đảo...). Phía nam, nhánh Mã Lai- Polynesian lan xuống tận các đảo đông nam Thái Bình Dương. Đài Loan không thể là nơi xuất phát nhánh Mã Lai- Polynesian, vì không thổ dân Đài Loan nào nói tiếng thuộc nhánh cuối cùng này. Cuối chương, tác giả đặt thuyết về lịch và hướng lan truyền của nhánh Mã Lai- Polynesian như sau : trước “ chuyến tàu tốc hành ” ( tên đặt cho thuyết của Bellwood) đưa người Nam Đảo từ phía bắc xuống các đảo Đông Nam Thái Bình Dương trong khoảng thời gian ngắn (3500 năm trước), đã có “ chuyến tàu chậm ” đưa người nói tiếng Nam Đảo đến các đảo vùng Melanesia. Theo ông, “ chuyến tàu ” này xưa hơn nhiều (vì khởi hành lúc Sunda bị ngập) và đã dừng khá lâu tại mỗi đảo, cho người lên xuống, sống chung chạ với cổ dân bản xứ, trao đổi đồ đạc, kỹ thuật, phong tục, ngôn ngữ và di tổ (lai giống).

Hai chương 6 và 7 phân tích liên hệ gốc gác qua di tổ. Tác giả đưa các kết quả mới của ngành di truyền học vào việc định hướng thiên di các dân tộc nói tiếng Nam Á và Nam Đảo. Di tổ được nghiên cứu nhiều nhất là di tổ mtDNA (trong mitochondries) truyền qua người mẹ ; di tổ này cho biết liên hệ “ mẹ con ” giữa các nhóm dân. Di tổ “ chromosome Y ” cho biết đường đi (và lai giống) của cha. Ông còn thêm vào nghiên cứu riêng về khuyết tật di truyền đưa đến hồng huyết cầu đặc biệt ; gọi là khuyết tật nhưng chính ra nhờ đó mà dân Đông Nam Á, (đa số sống trong vùng ẩm ướt đầm lầy) chống được hậu quả chết người của bệnh sốt rét. Về hệ tộc, người Đông Dương nằm rất gần gốc của dân Đông Nam Á, nhưng theo tác giả, một số sắc dân (như Orang Asli) sống ở cực nam bán đảo Mã Lai, nơi có cả người nói tiếng Nam Á lẫn người nói tiếng Nam Đảo, có gene gốc cho cả hai nhóm này. Tổ tiên của họ có lẽ đã sống đầu đó trên lục địa Sunda, khi bị lụt đã di tản đến cực nam bán đảo Mã Lai, trên rìa cao của lục địa này.

Phần thứ hai sách nghiên cứu các huyền thoại, cổ tích truyền khẩu của các dân tộc Đông Nam Á. Huyền thoại các vùng trải từ Viễn Đông đến Âu Châu, ngang qua rừng núi nam Hi Mã Lạp Sơn, được tác giả so sánh tìm những điểm tương đồng và liên hệ đến đường thiên di cổ dân Đông Nam Á suy ra trong phần một. Tác giả áp dụng lý luận ngữ học (hay di truyền học) sắp xếp theo thứ tự trước sau trong thời gian : vùng



nào có nhiều dạng nhất của một huyền thoại sẽ là vùng gốc. Các huyền thoại được tác giả đề cập đến là huyền thoại chung của nhiều sắc dân sống tại những vùng khác nhau (kể cả những vùng núi non xa biển), như chuyện về Đại Hồng Thủy, về rồng biển, mà theo Oppenheimer đó là cá sấu khổng lồ sống ở cửa biển (\*). Cũng như những huyền thoại về trời (cha) đất (mẹ) và sự nảy sinh vũ trụ, về con vật (như rắn) lột da thành trường sinh bất tử, về cây đời, về hai anh em đánh nhau. Chẳng hạn như tích Kulabob của các bộ lạc trên những hòn đảo nam Thái bình Dương. Oppenheimer xem tích Kulabob của thổ dân tại Tân Guinea là huyền thoại gốc của các huyền thoại tương tự của tất cả dân có liên hệ huyết thống với dân Nam Đảo. Dù tác giả không nói đến, nhưng tích Trầu Cau của dân Việt Nam, theo tôi, cũng là một dạng của tích Kulabob, nói về hai anh em cùng yêu/tranh chấp một cô gái. Oppenheimer sưu tập rất nhiều huyền thoại dưới thiên hình vạn trạng, khó có thể tóm tắt, tôi xin được miễn nêu ra ở đây.

\*\*\*

Các vết tích địa chất học thật sự chứng minh rằng nhiệt độ trái đất tăng dần từ hơn 12000 năm trước, làm tan một phần các băng sơn của thời băng giá khiến mức nước biển dâng cao thành linh cách đây 8000 năm. Từ sự kiện này, Oppenheimer suy ra rằng những người sống trên lục địa Sunda có văn minh cao phải di tản đi khắp nơi, đem nền văn minh ấy truyền đến khắp nơi trên thế giới. Trước đây, tuy biết rằng thêm lục địa Đông Nam Á ngày nay cạn và rộng lớn, trải từ tây Ấn Độ đến nam Việt Nam về phía đông, xuống tận các đảo lớn của Indonesia về phía nam, nhưng không ai dám khẳng định như thế về mặt văn hoá và lịch sử, vì không hội đủ bằng chứng. Oppenheimer dựa vào các tài liệu khảo cổ cũ, thêm vào những số liệu mới về di truyền học, nhiều dữ kiện về ngôn ngữ và nhân chủng phương Đông để chứng minh rằng đã có những dân tộc cổ Đông Á sống trên vùng thêm lục địa Sunda. Những dân tộc này đã biết trồng trọt, đánh cá, đã thuần hoá chó, lợn, có kinh nghiệm đi biển, nên họ di tản để tránh khi nơi họ sống bị biển ngập.

Theo Oppenheimer, khi nước biển dâng, tại vùng bị ngập, một số dân rút lên đất cao, một số khác cất nhà sàn ven bờ, số còn lại dùng thuyền vượt biển tìm đất mới. Trong số thứ ba này, một nhóm di dân đến vùng Lưỡng Hà (Mesopotamia) đóng góp văn minh vào lịch sử Trung Đông, góp phần đẩy vùng này trở thành nơi tiến bộ bậc nhất trên địa cầu vào những thiên kỷ trước Công nguyên. Trường ca Gilgamesh tại đây có nhiều điểm giống huyền thoại chung của hầu hết các dân tộc Đông Nam Á về trận Đại Hồng Thủy. Tích Đại Hồng Thủy cũng như truyện Cain và Abel trong Kinh Cựu Ước Thiên Chúa giáo có thể đã lấy từ hai tích cổ phổ quát tại Đông Nam Á.

Tuy nhiên, đóng góp quan trọng nhất của nhà nghiên cứu này, theo ý tôi, có lẽ là việc phân tích nguồn gốc cùng hướng thiên di những sắc dân Đông Nam Á, đặc biệt là dân nói tiếng Nam Đảo (nhóm tiếng nói phong phú nhất thế giới). Trong số những nhóm nói tiếng Nam Đảo, phải kể đến người Chăm (Chàm) và một số sắc dân sống tại miền Trung Việt Nam. Phân tích này đưa đến thuyết di dân thời tiền sử ngược lại với thuyết về sự bành trướng của sắc dân nói tiếng Nam Đảo của Bellwood (nhà khảo cổ) và của Blust (nhà ngôn ngữ) vốn được

nhiều người chấp nhận nhất.

*Địa đàng ở phương Đông* đem một cái nhìn mới về nguồn gốc xưa và văn minh cao của người Đông Nam Á, đặc biệt của người nói tiếng Nam Đảo sống trên lục địa Sunda trước khi biến thành đáy biển bây giờ. Điểm độc đáo của tác giả là đã kết hợp nhiều bộ môn, cổ điển và hiện đại, khoa học chính xác với khoa học nhân văn.

Dựa trên các dữ kiện đa ngành và với lập luận mạch lạc, tác giả đã đưa ra một thuyết giá trị có tính thuyết phục độc giả, kể cả những độc giả khoa học trong các ngành liên quan đến tiền sử Á Châu. Trước Oppenheimer, nhiều nhà khảo cổ nổi tiếng như Solheim II (Mỹ), Highham (Tân Tây Lan) và Beecham (Hong Kong), khi nói đến sự ra đời sớm của thương mại đường biển, nghề trồng trọt, làm gốm, đúc đồ đồng thau... tại Đông Nam Á cũng đã chứng minh các thuyết của Heine-Geldern và của Movius là không đúng vì các thuyết này cho rằng dân Á Châu thời tiền sử kém cỏi hơn dân Âu châu và Cận Đông nhưng lập luận của họ xem ra không vững chắc có lẽ một phần vì lúc đó họ không đủ dữ kiện bằng Oppenheimer. Việc phân tích, tổng hợp các huyền thoại trong một vùng mà văn hoá không văn tự giữ một vai trò đặc biệt quan trọng là một việc đáng đề cao, dù sự định “tuổi” (thứ tự trước sau) qua truyền thuyết khó thể chính xác như những phương pháp khác.

Nhưng cũng như mọi giả thuyết khác, những khám phá tương lai sẽ cho thấy thuyết này sai hay đúng. Mặt khác, mọi thuyết thường đặt căn bản trên dữ kiện; nếu dữ kiện không đúng, thì giả thuyết khó có thể đúng. Tác giả muốn chứng minh văn minh phương tây (văn minh Lưỡng Hà, Ai Cập vùng đông Địa trung Hải) có nguồn gốc Đông Nam Á nhưng có ba dữ kiện đặt lại vấn đề.

Điểm đầu tiên: theo kết quả khảo cổ, vùng Cận Đông được xem là vùng sớm có người hiện đại H. sapiens sống từ rất lâu (trên 100 000 năm) họ lập nên làng xã gần 10 000 năm nay, và phát minh ra canh nông (lúa mạch, lúa mì), chăn nuôi (dê, cừu, bò...) trong vùng trải từ Thổ Nhĩ Kỳ đến Israel, Iran. Oppenheimer sẽ thuyết phục hơn nếu ông đưa ra những bằng chứng khác. Vị trí “cái nôi của nghề trồng lúa” cũng cần xét lại. Để chứng minh cây lúa đã được cư dân cổ Đông Nam Á trồng từ rất lâu, tác giả dùng kết quả khảo cổ Thái Lan, theo đó lúa được trồng ở nam Thái Lan 9 nghìn năm trước. Kết quả này chưa được xác quyết (ngay theo lời tác giả), và bằng chứng xem ra chưa đủ tính thuyết phục. Các cuộc khai quật khảo cổ gần đây tại nhiều địa điểm nam lưu vực Trường giang bên Tàu cho thấy lúa hoang được thuần hoá và trồng trước thời điểm này rất nhiều (2). Tác giả cũng cho rằng lúa được trồng ở Việt Nam từ năm nghìn năm trước, thế nhưng dấu vết xưa nhất của việc thu hoạch lúa gạo, như dấu gạo cháy thuộc địa điểm Đông Đậu (tiền - Đông Sơn) tìm được tại bắc Việt Nam, cho thấy cư dân tại Việt Nam ăn cơm (gạo) khoảng chỉ hơn ba bốn ngàn năm trước (3) và có thể đó là lúa trồng (liềm đá tìm thấy ở di tích Phùng Nguyên). Điểm cuối cùng về nguồn gốc đồng thau. Niên đại cổ vật đồng thau tại Thái Lan lúc đầu xem như xưa hơn đồ đồng thau Lưỡng Hà, nhưng các nhà khảo cổ ngày nay, khi thẩm định lại, cho là niên đại sau Lưỡng Hà này không đúng (4). Ở tây Á châu (Iran, Thổ Nhĩ Kỳ), người ta đã sử dụng kim loại đồng nguyên chất từ không gian vũ trụ rơi xuống trái đất từ thiên kỷ thứ VII-IX trước tây lịch, và kỹ thuật luyện đồng thau đã được

các vương quốc cổ vùng này ghi lại từ bốn ngàn năm trước.

*Eden in the East* là một kho tài liệu lớn về tiền sử và gốc gác, huyền thoại các dân tộc Đông Nam Á. Nhiều đồ thị, bản đồ đính kèm hướng dẫn, giúp độc giả theo dõi dễ dàng các giả thuyết và lập luận phức tạp. Thuyết của Oppenheimer đề cao văn minh dân Đông Nam Á cổ, nên rất “quyến rũ” các dân tộc Đông Nam Á ngày nay. Đây là một cuốn sách rất quý, đáng đọc. Vấn đề sẽ đặt ra khi các giả thuyết ấy, vì một lí do nào đó, lại được trình bày như một sự thật, khiến độc giả nào không đọc tài liệu gốc sẽ tin tưởng điều đó. Dần dà một sự kiện có thể sai lại được phổ biến như chuyện hiển nhiên “đỉnh đống cột”<sup>5</sup> nhất là khi điều đó góp phần đề cao nguồn gốc, khiến người ta được thoải mái tự ái dân tộc, quên đi thực tại trước mắt.

### Nguyễn Quang Trọng

(\*) Điểm này cũng phù hợp với phân tích của nhiều tác giả Việt Nam khi luận về gốc mô típ rồng của Việt Nam qua cổ vật Đông sơn.

(1) Stephen Oppenheimer, *Eden in the East*. Weidenfeld & Nicholson, London, 1999 (hard cover), ISBN : 0297818163 ; Phoenix house (paperback) ; *L'Eden a Oriente*, Modadori, 2000, Milano.

(2) Tài liệu mới về kết quả khảo cổ về nguồn gốc cây lúa tại lưu vực Trường Giang đưa ra trên mạng internet, như <http://www.carleton.ca/~bgordon/Rice/papers/> ; Ví dụ : Jane Libby, INTERDISCIPLINARY STUDIES BEARING ON THE ORIGIN OF RICE AGRICULTURE, hoặc : Zhang P Q, *Discussion of Chinese domesticated rice - 10 000 year-old rice at Xianrendong, Jiangxi province*, bài báo cáo tại International Symposium on Agricultural Archeology, China, 1998. Điều này không có nghĩa tổ tiên người Hán phát minh ra nghề trồng lúa. Dữ kiện khảo cổ và di truyền cho thấy là cư dân cổ vùng nam Trung Hoa không phải là người Hán mà là người vốn gần với người Việt cổ.

(3) *Khảo cổ học Việt Nam*, I. Thời đồ đá, và II. Thời đại kim khí *Việt Nam*, Hà văn Tấn Ed, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, Hà Nội (1998)

(4) *Dictionnaire de la Préhistoire*, Leroi-Gourhan A. chủ biên, Presse Universitaire de France, Paris, (1994)

(5) Nhân xem Lê Thành Khôi, *Đọc sách Trần Ngọc Thêm*, phân về năm xây Văn Miếu, Diễn Đàn Forum, tháng 12-2003, 16. Tôi xem lại Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (mộc bản khắc năm 1697, Ngô Đức Thọ dịch, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 1993) thấy những điểm vô lí đúng như Lê Thành Khôi đã nêu ra. Ngô Sĩ Liên ghi : “*Tháng 8 (năm 1070), vua (Lý Thánh Tông) làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng Thất Thập Nhị Hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây*”. Xem những trang trước và sau, thấy ngay là Hoàng thái tử lúc đó mới bốn tuổi, mà vua cha là người rất sùng đạo Phật, lẽ nào lại cho lập Văn Miếu thờ Khổng tử và môn đệ, cho con vào học ở đấy thay vì học ở chùa như tiên đế nhà Lý ? Thái tử lên làm vua (Nhân Tông) chỉ thấy chịu ảnh hưởng Phật giáo. Thế mà việc lập Văn Miếu vào thế kỷ 11 vẫn còn được chép lại trong sách sử ngày nay và trong các sách hướng dẫn du lịch ngoại quốc.

Tạ Chí Đại Trường nhận xét như sau về việc các tác giả đi sau lập lại người đi trước (Văn học tháng 1&2, 2003, tr. 53) : “*Sử sách chỉ có một quyển, truyền thuyết chỉ có một dòng, hệ thống diễn giải chỉ có một nếp*” và về khuynh hướng lấy một vài dữ kiện ngành khảo cổ để đẩy xa hơn nữa sự đề cao dân tộc : “*Sử gia khoa học ngày nay lại đem mê tín mới, vẽ trống đồng để chứng minh bốn ngàn năm văn hiến từ Hùng Vương... Nghe như sự tán rộng từ lời sử quan về việc truyền đời “dòng mối tức vạn năm, với trời không cùng (tột)” cộng thêm với mở mùa chủ khảo cổ học mà thôi*”. *Eden in the East* không phải là thánh kinh, và có lẽ khoa học gia Oppenheimer cũng không cần

## Kỹ thuật di truyền và sốt rét Một hy vọng mới ?

Nguyễn Đức Hiệp

thuyết của mình trở thành tín điều.

Về lãnh vực y tế công cộng, một trong những bệnh truyền nhiễm có tác hại to lớn và kéo dài, nhất là ở các nước vùng nhiệt đới, là bệnh sốt rét gây ra bởi ký sinh trùng Plasmodium Falciparum. Hiện nay có hơn 500 triệu người bị nhiễm sốt rét trên thế giới và mỗi năm hơn một triệu trẻ em chết vì bệnh này, đa số ở Phi châu vùng cận Sahara. Đầu tháng 10, 2002, hai tạp chí khoa học **Science** và **Nature** đã công bố toàn bộ bộ gen (genomes) của con muỗi Anopheles Gambiae và của ký sinh trùng P. Falciparum. Toàn bộ bộ gen và các báo cáo cũng được đưa lên mạng internet (\*) để các nhà nghiên cứu trên thế giới trực tiếp dùng. P. Falciparum là loại ký sinh trùng nguy hại nhất trong 4 loại (Falciparum, Vivax, Malariae và Ovale) và muỗi A. Gambia là loại muỗi chủ yếu ở Phi châu mang cả 4 loại ký sinh trùng trên.

Sự kiện này có ý nghĩa gì và trong tương lai bao xa con người mới có thể đạt được giấc mơ chế ngự được bệnh sốt rét qua kỹ thuật di truyền phân tử và các khó khăn nào phải vượt qua ? Bài này hy vọng đáp ứng phần nào yêu cầu tìm hiểu của bạn đọc Diễn Đàn sau những công bố nói trên.

### (1) Chiến dịch mới chống sốt rét

Đã hơn 100 năm từ khi một loại muỗi *Anopheles* được khám phá là một vectơ (vector) mang ký sinh trùng P. Falciparum gây bệnh sốt rét truyền từ người này qua người khác, con người vẫn chưa tận diệt được các loại muỗi gây sốt rét, ngăn chặn được sự truyền nhiễm ở các nước nghèo vùng nhiệt đới, hay trị được ký sinh trùng trong mọi trạng thái của chu kỳ sống của nó trên người bệnh và trên vectơ muỗi. Trong hai thập niên 1950-60, chiến dịch tiêu diệt muỗi và bệnh truyền nhiễm sốt rét, chủ yếu dùng thuốc DDT diệt muỗi (được khám phá từ năm 1940) và thuốc chống sốt rét *Chloroquinine*, đã được thực hiện ở nhiều nơi trên thế giới với sự trợ giúp của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Chiến dịch đã thành công và bệnh sốt rét bị tiêu diệt hay giảm sút một phần ở các nước vùng cận nhiệt đới như miền nam nước Mỹ, nam Âu châu, phần lớn ở Nam Mỹ, Á châu, nhất là Trung Quốc. Nhưng với sự xuất hiện lại của muỗi kháng thuốc DDT và của ký sinh trùng P. Falciparum kháng thuốc Chloroquinine bắt đầu từ Đông Nam Á và Nam Mỹ sau đó lan ra các vùng khác, sự hữu hiệu của giải pháp trên đã giảm đi. Chiến dịch diệt sốt rét đã lần lần bị bãi bỏ, thay vào đó là động tác ngăn chặn kiểm soát cầm chừng mà thôi. Hiện nay trong 4 ký sinh trùng gây bệnh sốt rét, Chloroquine chỉ còn có tác dụng hiệu quả duy nhất với ký sinh trùng P. Ovale.

Một nguyên nhân chủ yếu của sự bãi bỏ chiến dịch diệt sốt rét là do tình hình địa lý chính trị (1). Từ khi một số vùng trên thế giới đã một phần chặn được hay diệt được dịch sốt rét, vấn đề sốt rét không còn là ưu tiên lớn và bị bỏ quên. Nhất là, cùng thời gian đó, ngân sách viện trợ cho các nước phát triển bị giảm đi vì các lý do kinh tế và chính trị. Trong thập niên 1980, ở Phi châu, nhiều quốc gia cũng đã vay và mang nợ nước ngoài rất nhiều, do đó các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF) đã gây sức ép lên các chính phủ vùng này để họ phải giảm chi trong ngân sách quốc gia. Vì thế y tế công cộng ở Phi châu đã suy sụp và bệnh sốt rét đã có cơ hội tiếp tục phát triển, gây thiệt hại lớn lao về nhân mạng và kinh tế cho các nước Phi châu nhiệt đới, nhất là ở khu vực dưới Sahara.

Trước tình trạng thụ động trong nhiều năm và tình trạng khẩn cấp về bệnh sốt rét ở Phi châu, một Chương trình khởi động đa phương về sốt rét (Multilateral Initiative on Malaria, MIM) đã hình thành trong một hội nghị của các cơ quan nghiên cứu và tổ chức phi chính phủ (NGO) nhiều nước, ở Dakar, Senegal, năm 1997. Chương trình được Viện Nghiên cứu Y tế Mỹ (NIH) bảo trợ. Mục đích của chương trình là để phối hợp hoạt động giữa những nhà nghiên cứu và những nhân viên y tế hoạt động trực tiếp tại các địa phương có sốt rét, giữa các nước đã và đang phát triển, và để huấn luyện các khoa học gia Phi châu nghiên cứu điều trị bệnh sốt rét. Năm 1998, dưới sự kêu gọi và đòi hỏi của các nước Phi châu, WHO đã ra chương trình “Đẩy lùi sốt rét” (Roll Back Malaria), với sự hợp tác của WB, Quỹ Liên hiệp quốc vì trẻ em (UNICEF) và Chương trình vì phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP) để đẩy mạnh nghiên cứu và hy vọng sẽ đẩy lùi được bệnh sốt rét với mục tiêu giảm nửa số tử vong cho đến năm 2010. Cũng trong năm 1998, Chương trình tìm thuốc chống sốt rét (Medicines for Malaria Venture, MMV) được thành lập, trụ sở đặt tại Geneva, với mục tiêu thực tiễn là gây quỹ để khám phá và phát triển được ít nhất một loại thuốc mới trị bệnh sốt rét mỗi 5 năm. Hiện nay MMV đang có 7 chương trình nghiên cứu thử nghiệm các loại thuốc mới. Ở Mỹ, năm 1999, Chương trình chế tạo thuốc chủng ngừa sốt rét (Malaria Vaccine Initiative, MVI) được thành lập. Chương trình MMV và MVI đã được sự hỗ trợ tài chính lớn lao từ nhà tỉ phú Bill Gates, chủ tịch công ty Microsoft qua tổ chức “Bill and Melinda Gates Foundation”.

Tóm lại trong mấy năm vừa qua, đã có một sự khởi động liên tiếp ở nhiều nơi trên thế giới với ý chí quyết tâm đầu tư tài nguyên và năng lực trong công cuộc chống và trị bệnh sốt rét, nhất là ở các điểm nóng vùng Phi châu. Kết quả đáng kể đầu tiên của các sự khởi động trên chính là sự giải mã toàn bộ bộ gen của muỗi *A. Gambiae* và ký sinh trùng *P. Falciparum* như đã đề cập ở trên.

## (2) Vài nét về bệnh truyền nhiễm qua vector muỗi

Con muỗi lâu nhất mà ta biết được hiện nay được phát hiện trong một hóa thạch ở Canada với tuổi cách đây độ khoảng 76 đến 79 triệu năm. Hiện nay có hơn 3500 các loài muỗi khác nhau, trong đó có khoảng 60 loại *Anopheles* truyền bệnh sốt rét qua hút máu người.

Loại muỗi *A. Gambiae* và *A. Funesus* ở Phi châu là hai loại muỗi rất hiệu quả trong sự truyền bệnh sốt rét. Cả hai loại muỗi này đều có tuổi thọ cao so với các loại muỗi khác và ký sinh trùng trên muỗi vì thế có thời gian đủ dài để phát triển.

Ở Việt Nam, muỗi *Anopheles* mang hai ký sinh trùng sốt rét, *P. Falciparum* và *P. Vivax*, là các loại muỗi *A. Minimus*, *A. Dirus*, và *A. Sundaicus*. Các loại muỗi này cũng có nhiều ở Đông Nam Á. Ký sinh trùng *P. Vivax* đã xuất hiện giới hạn trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, trong khi *P. Falciparum* ở các nơi khác đa số là các vùng núi và cao nguyên như vùng Tây nguyên, Hoàng Liên sơn, Sơn La, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Thái và Hà Tĩnh. Trong thập niên 1980 đến đầu những năm 1990, nhiều dịch sốt rét đã xảy ra tại các nơi này. Loại ký sinh trùng *P. Falciparum* kháng thuốc hiện nay ở khắp nơi trừ đồng bằng sông Hồng. Loại muỗi *A. Minimus* có mặt ở khắp vùng đất nước trong khi *A. Dirus* chỉ có ở rừng, núi và *A. Sundaicus* thì được giới hạn ở đồng bằng sông Cửu Long và các đồng bằng dọc biển.

Ngoài loài muỗi họ *Anophelinae*, còn có loài muỗi họ *Culicinae*. Loại này gồm có nhiều loại hơn họ *Anophelinae*. Trong họ *Culicinae*, có các loài muỗi mang các bệnh virút như sốt xuất huyết (dengue fever), sốt vàng (yellow fever) do loại muỗi *Aedes aegypti* truyền bệnh, và viêm não (Japanese encephalitis) do loại muỗi *Culex Tritaeniorynchus* mang đến. Những bệnh này cũng đã gây ra dịch truyền nhiễm nguy hại không kém bệnh sốt rét. Ở Việt Nam, sốt xuất huyết vẫn thường xảy ra ngay ở các vùng ngoại ô các thành phố và trẻ em là những bệnh nhân dễ bị nguy hại đến tánh mạng nhất. Ngoài ra còn có các loại muỗi nguy hại nữa là loại hút máu không những ở người mà còn ở các súc vật khác như chim, khỉ, chuột và từ đó mang các bệnh do virút từ thú đến người như bệnh do virút *West Nile*, đã xảy ra ở New York gần đây.

## (3) DDT, ký ninh và thanh hảo

Hiện nay thuốc xịt muỗi DDT vẫn còn được dùng ở một số nơi, hạn chế trong xó nhà chỗ muỗi hay trú ngụ. Vì dùng trong nhà nên không có hại nhiều cho môi trường sinh vật. DDT tuy hiệu quả không còn như xưa, nhưng nó vẫn giảm được tuổi thọ của muỗi kháng thuốc. Lý do chính mà DDT không còn được

### Đích danh thủ phạm tên à-nô-phen

Chỉ đến cuối thế kỷ 19, một y sĩ quân y người Pháp C. Laveran mới khám phá ra được sự hiện diện của các ký sinh trùng trong máu bệnh nhân sốt rét. Laveran cũng đặt ra một giả thuyết là có thể có một loại thực vật hay động vật nào đó như muỗi là nguồn mang bệnh gây ra bởi các ký sinh trùng trên. Sau này một y sĩ quân y khác người Anh tên là R. Ross, sau nhiều năm miệt mài nghiên cứu và bắt các loại muỗi ở Ấn Độ, đã tìm thấy một dạng của ký sinh trùng *P. Falciparum* khi mổ xẻ một con muỗi họ *Anopheles*. Ross sau đó cũng đã chứng minh được rõ ràng trong phòng thí nghiệm là chính muỗi đã truyền bệnh sốt rét qua người và các động vật khác như chim. Ross đã được giải thưởng Nobel về y khoa năm 1902 và Laveran vào năm 1907 cho hai khám phá quan trọng này.

dùng rộng rãi nơi công cộng và đã bị cấm ở nhiều nước là vì DDT là một chất ô nhiễm hữu cơ bền (Persistent Organic Pollutant, POP), không dễ dàng bị huỷ. Qui ước quốc tế về hạn chế, kiểm soát sự sử dụng hay thay thế loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ bền đã được chấp nhận và áp dụng ở nhiều nước trên thế giới. Một biện pháp khác trừ muỗi được dùng nhiều và khá phổ thông ở Phi châu gần đây và hiện nay là dùng mùng có thấm chất diệt muỗi. Chất này gọi là *Pyrethroids*. Nó có tác dụng như thuốc diệt muỗi DDT và đã đạt được 1 số thành công đáng kể trong sự ngăn chặn và giảm đi cường độ của các dịch sốt rét. Trong năm đầu tiên từ khi phương pháp được dùng, số tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 15% đến 25% ở các làng mạc Phi châu (4). Tuy nhiên cũng như DDT, hiệu quả đã bắt đầu giảm do sự tăng kháng thuốc, và do trung bình 6 tháng phải thấm lại mùng với chất diệt muỗi nên có rất nhiều gia đình nghèo đã không tuân theo cách dùng như quy định vì lý do giá cả kinh tế và sự thuận tiện.

Để diệt ký sinh trùng sốt rét, thuốc phổ thông được dùng từ nhiều năm nay là các thuốc có chất hoá học dựa vào hợp chất thiên nhiên như *chloroquinine*, ta vẫn gọi là ký ninh, chế tạo từ vỏ cây *quina-quina* gốc ở Nam Mỹ. Vào khoảng giữa thế kỷ 17, các giáo sĩ dòng Tên đã học được từ người Inca cách dùng vỏ cây *quina-quina* để trị sốt rét. Tới giữa thế kỷ 19, mặc dù các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ cấm xuất khẩu cây *quina-quina* và dược liệu lấy từ cây, người Anh và Hà Lan đã mang lén đi được các hạt cây này, và trồng thành công khắp các đồn điền ở Java (Indonesia).

Thuốc trị ký sinh trùng sốt rét tốt và hiệu nghiệm nhất hiện nay là *Artemisine* lấy từ loại cây *thanh hảo* (*qinghao*) mà các nhà nghiên cứu Trung Quốc đã tìm ra đầu thập niên 1970 và áp dụng thành công trong các thử nghiệm lâm sàng và hiện được dùng rộng rãi. Thanh hảo là một vị thuốc cổ truyền Trung quốc đã được biết cách đây hơn 2000 năm với nhiều công dụng. Ở một ngôi mộ cổ đời Hán khai quật được, các nhà khảo cổ đã tìm thấy được tư liệu nói về sự sử dụng thảo mộc thanh hảo. *Artemisin* có tác dụng diệt nhanh chóng các ký sinh trùng lưu thông trong máu và khi dùng chung lượt với các thuốc chống sốt rét khác cho kết quả rất hiệu nghiệm và làm giảm nhiều đi xác suất tái xuất hiện của các ký sinh trùng kháng thuốc. Ở Việt Nam, từ năm 1984, các nhà y học cũng đã dùng thanh hảo để trích ra các hợp chất *Arthemeter*, *Artemisine* và *Artesunate*, nghiên cứu khả năng trị sốt rét. Sự sử dụng các chất trên cho thấy có những thành công ở các thử nghiệm và ở các áp dụng thực tiễn trên các bệnh nhân bị sốt rét (5)(6). Trước 1975, trong chiến tranh, mặc dù không có phổ biến, nhưng thanh hảo cũng đã được biết và dùng để trị bệnh sốt rét. Phải nói rằng trong các năm 1970 đến 1990, chỉ ở Trung quốc và Việt Nam là có sự nghiên cứu và áp dụng triệt để chất liệu thanh hảo để trị bệnh sốt rét. Ngày nay WHO đã công nhận sự hiệu quả của *Artemisine* có trong thảo dược *thanh hảo* và dùng cho công cuộc trị bệnh sốt rét trên thế giới. *Artemisine* được coi như là phòng tuyến hữu hiệu cuối cùng trong kho vũ khí chống ký sinh trùng sốt rét. Đây là một thành công và là một đóng góp rất lớn của khoa y học truyền thống dân tộc vào y học hiện đại.

Tuy vậy *Artemisine* không có hiệu quả nhiều với các ký sinh

trùng ẩn ở các bộ phận và mạch máu trong cơ thể. Qua một mô hình nghiên cứu toán học và thực nghiệm mới đây cho thấy so với tỉ lệ số ký sinh trùng lưu lượng trong máu và ẩn, thì hiệu quả của *Artemisinin* không còn cao nữa (2). Ngày nay vì ký sinh trùng đa số đã kháng thuốc *Chloroquinine* ở nhiều nơi trên thế giới, nên *Artemisinin* được dùng chung với một số thuốc khác và được sử dụng giới hạn trong các trường hợp có sự quản lý chặt chẽ của các y sĩ để tránh hay giảm thiểu sự xuất hiện các loại ký sinh trùng mới kháng thuốc. Tuy vậy, qua đó đã có một thị trường không hợp pháp buôn bán, nhập lậu thuốc *Artemisinin* cho những bệnh nhân muốn nhanh dứt bệnh.

#### (4) Bộ gen muỗi *A. Gambiae*, ký sinh trùng *P. Falciparum* và triển vọng chống sốt rét

Bộ gen muỗi *A. Gambiae* đã được giải theo thành phần cấu tạo của chuỗi gen, dùng kỹ thuật sinh học di truyền “phá vỡ” (“shotgun”), theo đó các chuỗi DNA của các nhiễm sắc thể (chromosomes) của bộ gen được cắt nhỏ ra thành nhiều đoạn và mỗi đoạn được giải mã độc lập với nhau bằng máy giải gen (sequencer). Phần mềm trên máy tính sau đó sẽ cấu tạo lại toàn bộ chuỗi DNA theo các đoạn bị cắt. Phương pháp này nhanh vì nhờ máy tính và đã được dùng để giải mã bộ gen người, ruồi và lúa gạo trước đây. Chương trình giải mã bộ gen muỗi *A. Gambiae* đã được thực hiện với sự cộng tác giữa công ty Celera Genomics, Trung tâm quốc gia giải mã gen ở Pháp (Genoscope) và Viện nghiên cứu về các bộ gen (The Institute for Genomics Research, TIGR) cùng với một số các phòng thí nghiệm đại học ở Mỹ.

Ngược lại việc áp dụng kỹ thuật này trong cuộc giải mã gen của ký sinh trùng *P. Falciparum* khó khăn hơn, do đó tuy đã bắt đầu từ năm 1996 nhưng mãi đến nay mới được coi như gần hoàn tất với 10 nhiễm sắc thể đã giải xong và 4 sắc thể còn lại ở trong giai đoạn cuối. Thực hiện sự giải mã này là do sự cộng tác của 4 tổ chức: Viện nghiên cứu Wellcome Trust Sanger ở Anh, TIGR (Mỹ), Trung tâm Nghiên cứu Y khoa của Hải quân (Naval Medical Research Center) và Trung tâm kỹ thuật bộ gen Standford (Standford Genome Technology Center) ở Mỹ. Ngân sách cho chương trình được tài trợ từ NIH, bộ Quốc Phòng Mỹ và từ tổ chức tư nhân Wellcome Trust.

Với bộ gen được giải mã, một trong những ứng dụng là xác định các gen nhận mùi (receptor) giúp cho muỗi tìm đến mục tiêu trên người. Mới đây, một nhóm nghiên cứu ở các đại học Vanderbilt, Notre Dame, Illinois và công ty Celera Genomics đã tìm được trên hệ gen của *A. Gambiae* 79 vị trí các gen nhận mùi, trong đó có 5 đã được biết trước đây, 64 gen chỉ thể hiện ở các mô khứu giác và ít nhất 1 gen chỉ có ở muỗi cái đã trưởng thành, điều này cho thấy gen này có liên hệ đến khả năng tìm hơi người để hút máu (7). Trước đây không lâu, nhà nghiên cứu người Hoà Lan, Bart Knols, đã khám phá ra là loại muỗi *A. Gambiae* có khuynh hướng cắn, hút máu người ở chân và gót chân, ngay cả khi toàn thân thể đã được lộ mớ ra. Là một người xuất thân từ tỉnh Limburg, Hoà Lan, ông suy nghiệm ra là mùi hơi từ chân người rất giống mùi của một loại pho mát đặc biệt ở tỉnh ông. Ông thử nghiệm dùng loại pho mát Limburg, và quả nhiên muỗi *A. Gambiae* bay lao vào các pho mát để “hút máu”. Một điểm

chung giữa phó mát Limburg và chân người là vi khuẩn dùng trong sản xuất phó mát là một vi khuẩn rất gần với loại vi khuẩn *Brevibacterium epidermis* thường ẩn giữa các ngón chân ẩm và ấm. Cả hai vi khuẩn biến các chất glycerides ra các sản phẩm các chất béo. Ông Knols đang nghiên cứu xem các chất hoá học nào trong đó đã làm muỗi nhận được mùi.

Dựa vào các nghiên cứu trên, “chiến tranh hoá học” sẽ được cải tiến tinh vi hơn để đối chọi với muỗi. Thí dụ như ta có thể sáng chế các hoá chất dựa vào các gien nhận mùi đã được giải mã để đuổi muỗi bằng cách làm rối loạn các điểm nhận trên khứu giác hoặc dụ muỗi vào các bẫy giết muỗi hay làm muỗi hoàn toàn mất phương hướng.

Tuy nhiên, cần lưu ý là các loại muỗi truyền sốt rét khác *A. gambiae*, như *A. funestus*, tiến hoá độc lập với nhau đã lâu nên có bộ gien khác nhau, và vì thế những kỹ thuật sinh học dùng bộ gien của *A. gambiae* sẽ không áp dụng được với loại *A. funestus*. Sự thành công giải mã một loại muỗi và một loại ký sinh trùng là một sự kiện đáng kể, nhưng đó chỉ là bước đầu cho phép ta sử dụng kỹ thuật di truyền hiện đại để ngăn chặn một bộ phận quan trọng trong sự truyền nhiễm sốt rét.

Song song với triển vọng nghiên cứu dùng bộ gien muỗi *A. Gambiae* là triển vọng dùng bộ gien ký sinh trùng *P. Falciparum* để tìm các điểm yếu của nó, từ đó tạo ra các loại thuốc chống sốt rét và thuốc chủng (vaxcin). Một bộ phận tế bào có thể là điểm yếu của ký sinh trùng đã được khám phá từ năm 1997. Bộ phận này gọi là apicoplast có thể là bộ phận mà thủy tổ ký sinh trùng xưa kia đã nhập từ bộ phận chloroplast (để tổng hợp carbohydrates qua quang hợp) của tế bào thực vật alga. Nơi đây là nơi sản xuất các acid béo cần thiết cho sự sống của ký sinh trùng. Từ bộ gien đã được giải mã, các nhà nghiên cứu đã xác định được là có khoảng 12% protein sản xuất từ các gien đều đến tụ điểm apicoplast. Từ lộ trình sinh hoá này, con người có thể tìm được thuốc ngăn chặn sự hoạt động của các enzym, protein và vô hiệu hoá các phản ứng protein tạo các chất acid béo, làm ký sinh trùng bị tiêu diệt.

Sau khi đã có được mã DNA của bộ gien ký sinh trùng, ta cũng sẽ biết được các lộ trình các phản ứng hoá học (metabolic pathways) để sản xuất các enzyme cần thiết ở nhiều trạng thái khác nhau trong chu kỳ sống của ký sinh trùng sốt rét. Từ đó ta có thể tìm ra, chế tạo được hoá chất ngăn chặn các tiêu điểm trong lộ trình phản ứng hoá học sản xuất enzyme và diệt được ký sinh trùng. Thí dụ như Chloroquine có tác dụng bằng sự hút bám vào các phân tử heme được thải ra từ các phân tử đạm hemoglobin trong hồng huyết cầu sau khi bị tiêu thụ bởi ký sinh trùng. Sự bám vào phân tử heme gây trở ngại và phá vỡ lộ trình phản ứng sinh hoá để giảm độc tố heme của ký sinh trùng và vì thế ký sinh trùng bị diệt. Năm 1999, khi một phần bộ gien của ký sinh trùng được đưa lên mạng, các nhà nghiên cứu ở Đức đã nhận diện được một enzyme trên hệ gien ký sinh trùng có liên hệ đến một lộ trình hoá học tổng hợp acid béo mà một loại thuốc formidomycin đã được dùng để chặn phản ứng này cho một mục đích hoàn toàn khác : trị bệnh nhiễm trùng đường tiểu (11). Formidomycin hiện nay ở giai đoạn thẩm định cuối cùng trong các thử nghiệm lâm sàng để trị bệnh sốt rét.

Nhóm khoa học gia ở TIGR đã tìm thấy khoảng 5 300 các gien ở ký sinh trùng, trong đó 60% có chức năng chưa được biết đến. Trong lãnh vực hệ protein học (proteomics), các nhà nghiên cứu đã bắt đầu dùng phương pháp mới qua quang phổ đo khối lượng (mass spectrometry) để có thể xác định hàng ngàn loại protein cùng lúc, và biết được ở mỗi chu kỳ sống của ký sinh trùng các loại protein nào hoạt động (12). Đây cũng là kiến thức rất cần thiết để phát triển thuốc vaxcin ngừa ký sinh trùng sốt rét...

Triển vọng lớn nhất mà cũng gây nhiều chú ý và tranh luận nhất là dùng kỹ thuật di truyền để tạo ra một giống muỗi mới, từ giống muỗi gây bệnh mà hệ di truyền đã được thay đổi hay được thêm gien mới để chúng không thể gây bệnh. Giống muỗi với hệ gien được thay đổi này (genetic modified vector) được cho ra môi trường thiên nhiên để chúng vượt trội, cạnh tranh tiêu diệt hay làm loãng mật độ giống muỗi mang bệnh qua kết hợp với giống mang bệnh và từ đó các thế hệ sau của muỗi sẽ có gien không mang ký sinh trùng bệnh sốt rét. Đầu năm 2002, một nhóm các nhà nghiên cứu ở đại học Cleveland (Ohio) đã cấy thành công một gien mới vào bộ gien loại muỗi *A. Stephensii* làm nó chống kháng lại được ký sinh trùng sốt rét (8)... Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã đặt chương trình nghiên cứu và áp dụng các giống muỗi với hệ gien di truyền được thay đổi là một trong những ưu tiên lớn nhất để chống sốt rét.

### (5) Vấn đề hiện tại và giải pháp tương lai

Thành công giải mã bộ gien muỗi và ký sinh trùng đã và đang thuyết phục các chính phủ và các tổ chức tư nhân gia tăng thêm ngân sách, tài nguyên cho kỹ thuật sinh học trong công cuộc chống bệnh sốt rét. Tuy vậy cũng có một số nhà nghiên cứu sinh thái học về các bệnh truyền nhiễm ở vùng nhiệt đới vẫn không tin rằng kỹ thuật sinh học sẽ mang lại những lợi ích thực tiễn ngăn chặn, kiểm chế được dịch sốt rét.

Họ cho rằng chương trình mang các giống muỗi với hệ gien đã được thay đổi ra môi trường thiên nhiên là nguy hiểm và không tưởng. Chúng ta có chắc là những muỗi chế tạo này có phân tán, sinh sản và sống bền được trong môi trường thiên nhiên không ? Bao lâu thì gien kháng ký sinh trùng sẽ truyền đến loài muỗi ? Tỷ lệ muỗi có gien mới là bao nhiêu trong tổng số thì mới có hiệu quả ? Và quan trọng hơn, có chắc là loại muỗi mới không biến thành một loại mang bệnh khác trong môi trường ? Đây là những câu hỏi quan trọng chưa có giải đáp thoả đáng. Họ phê bình các nhà sinh học phân tử chỉ biết ngồi trong phòng thí nghiệm mà không có kinh nghiệm thực tế. Công tác diệt sốt rét tùy thuộc vào sự hiểu biết về sinh thái (ecology) của các loài muỗi, chúng ta hiện nay chưa hiểu hết được các yếu tố quan trọng trong sự lan bệnh trong cộng đồng. Thí dụ như tuổi thọ khác nhau của các loại muỗi là yếu tố quan trọng về khả năng truyền bệnh của chúng và sự hiểu biết này có thể dẫn đến những biện pháp đơn giản và rất hữu hiệu ngăn chặn dịch sốt rét hay làm giảm khả năng lây bệnh ở một số vùng địa phương tùy thuộc vào môi trường và cách sinh hoạt của người dân trong vùng. Biện pháp cần hơn là tăng mức sống của người dân, sống trong nhà có cửa lưới, hoạch định vùng dân cư và nếu có thể được tránh sống tập trung ở những

vùng ẩm thấp có nhiều nước, giảm sự hiện diện của các hồ, vũng nước, hay dùng thuốc diệt muỗi một cách hữu hiệu hơn. Thí dụ như trong phạm vi không rộng lớn dọc sông Rio Grande, biên giới giữa Texas và Mexico, từ năm 1980 đến 1999 chỉ có 64 trường hợp sốt xuất huyết ở Texas trong khi ở Mexico bên kia bờ sông có đến 62 514 trường hợp, mặc dù muỗi *Ae. Aegypti* mang bệnh sốt xuất huyết có nhiều ở Texas hơn ở Mexico. Sự khác biệt là ở Mexico rất ít nhà có cửa sổ có lưới chắn và người dân ra đường nhiều hơn trong khi ở Texas đa số trong nhà hoặc trong xe hơi có máy lạnh (3).

Các nhà sinh thái học cũng phê bình cho rằng quỹ nghiên cứu chống sốt rét đã chi quá nhiều cho công cuộc nghiên cứu sinh học phân tử và bỏ rơi những nghiên cứu thực tiễn trước mắt (11)... Phản ứng lại, một số các nhà sinh học phân tử cho rằng đã từ lâu sau bao nhiêu nghiên cứu sinh thái, con người vẫn chưa trị được bệnh truyền nhiễm sốt rét, đã đến lúc phải có phương thức mới... Sự tranh cãi thật ra cũng đã có lợi ích là giúp các nhà sinh thái và sinh học phân tử trao đổi quan điểm và đưa đến những cộng tác chung với nhau. Cách đây vài tháng, các nhà sinh thái học đã đưa ra chương trình nghiên cứu về sự khả thi và vấn đề liên quan đến thả muỗi có gen mới ra môi trường. Một số cũng bắt đầu hợp tác với các nhà sinh học phân tử trong các đề án gửi các cơ quan chi ngân sách cho nghiên cứu bệnh sốt rét. Các cơ quan như WHO cũng bắt đầu quan tâm và sẵn sàng ủng hộ nghiên cứu và áp dụng vấn đề sinh thái trong sự truyền bệnh sốt rét.

Cũng vậy, tuy triển vọng tìm ra thuốc diệt ký sinh trùng dùng bộ gen là rất cao, nhưng tìm được thuốc chủng lại là chuyện khác. Hiện nay ngân sách dùng trong lãnh vực nghiên cứu này rất là ít, nên nhiều nhà nghiên cứu thuốc chủng đã phân hoá ra hai trường phái, có ý kiến khác nhau về chương trình giải bộ gen. Trường phái thứ nhất cho rằng ngân sách nên đầu tư vào tìm thuốc chủng, có lợi ích thực tế trước mắt hơn là vào chương trình giải mã và nghiên cứu bộ gen. Ngược lại quan điểm trên là quan điểm cho rằng các nhà nghiên cứu vaccin cần phải mạnh dạn loại bỏ một số các vaccin đang thử nghiệm ở giai đoạn đầu và tìm trong hệ gen các tiêu điểm antigien thích hợp nhất. Vì lúc đầu có rất nhiều thuốc có nhiều triển vọng nhưng đa số đều hỏng trước và sau các thử nghiệm lâm sàng. Tuy vậy nghiên cứu vaccin tìm tiêu điểm trong bộ gen ký sinh trùng chưa đủ, cần phải nghiên cứu thêm bộ gen con người, nơi phát sinh hệ miễn nhiễm chống ký sinh trùng. Nếu ngân sách nghiên cứu đầy đủ cho cả hai nhóm thì chắc chắn sẽ không có vấn đề phân hoá !

Một trong những vấn đề quan trọng trong nghiên cứu hệ gen là xử lý số lượng dữ kiện và kiến thức DNA khổng lồ đã có. Chứa và phân tích các dữ kiện DNA là một ngành mới phát triển được gọi là sinh tin học (bioinformatics). Với ngân sách dành cho kỹ nghệ sinh học nói chung và sốt rét nói riêng gia tăng gần đây, nhiều nhà nghiên cứu thuộc các ngành khác đã tập trung vào sinh học phân tử. Hiện nay nhiều nhà sinh học cũng cần có kiến thức liên ngành và sự hỗ trợ của kỹ thuật tin học. Kho dữ liệu (database) chứa thông tin về bộ gen *P. Falciparum* trên mạng hiện nay (<http://plasmaDB.org/>) gồm có các dữ kiện từ nhiều nguồn như toàn bộ gen đã được giải mã, những gen, protein đã được biết và tiên đoán qua máy

tính, các dữ kiện so sánh gen với các động vật khác. Phần mềm chứa dữ liệu được dùng là Oracle với kiến trúc dựa vào chuẩn GUS (Genomics Unified Schema) (10). Để dữ liệu có thể được dùng phổ quát, nhất là ở các nước đang phát triển có vấn đề tra cập trên mạng Internet, hệ gen của ký sinh trùng và các tư liệu liên hệ đã được đưa lên CD-ROM. Để có CD-ROM, liên hệ đến [malaria@atcc.org](mailto:malaria@atcc.org) với chủ đề điện thư là "Nature malaria CD-ROM" và để CD được gửi đến, phải có địa chỉ của người nhận trong điện thư.

Trong các năm gần đây đã có những tiến bộ vượt bậc trong ngành sinh học phân tử, di truyền, sinh tin học. Thời gian sẽ cho chúng ta biết kết quả trong sự ứng dụng các tiến bộ trên vào công cuộc trị bệnh sốt rét.

(\*) Hồ sơ chứa dữ kiện bộ gen của muỗi *Anopheles Gambiae* trên mạng theo địa chỉ

[http://www.ncbi.nlm.nih.gov/cgi-bin/Entrez/map\\_search?chr=agambiae.inf](http://www.ncbi.nlm.nih.gov/cgi-bin/Entrez/map_search?chr=agambiae.inf)

và kho dữ liệu chứa bộ gen của ký sinh trùng *P. Falciparum* ở <http://plasmodb.org/>.

Ngoài ra còn có các bản báo cáo khoa học nằm ở địa chỉ trên mạng

<http://www.nature.com/nature/malaria/>,

<http://www.nature.com/nsu/malaria/>,

<http://www.sciencemag.org/feature/data/mosquito/index.shtml>

**Nguyễn Đức Hiệp**

#### **Tham khảo**

- (1) Sachs, J., "A new global effort to control malaria", *Science*, Vol. 298, 4 Oct. 2002, trang 122 -124.
- (2) Gravenor, M. et al., "Estimating sequestered parasite population dynamics in cerebral malaria", *Proc. Natl. Acad. Sci., USA*, Vol. 95, pp. 7620 - 7624, June, 1998.
- (3) Budiansky, S., "Creatures of our own making", *Science*, Vol. 298, 4 Oct. 2002, pp. 80 -86.
- (4) Vogel, G., "An elegant but imperfect tool", *Science*, Vol. 298, 4 Oct. 2002, pp. 95 - 96.
- (5) Vu Thi Phan, "L'artimisinine et l'artesunate dans le traitement du paludisme au Vietnam (1984-1999)", *Bulletin de la Societe de la Pathologie exotique*, T. 95, no. 2, 2002,
- (6) Tinh Hien, Tran, et al., "A controlled trial of artemether or quinine in Vietnamese adults with severe falciparum malaria", *New England Journal of Medicine*, Vol. 335, Nọ 2, July 11, 1996, pp. 76-83.
- (7) Enserink, M., "What mosquitoes want : secret of host attraction", *Science*, Vol. 298, 4 Oct. 2002, pp. 90 - 92.
- (8) Enserink, M., "Lab v. Field : The case for studying real-life bugs", *Science*, Vol. 298, 4 Oct. 2002, pp. 92 - 93.
- (9) Bynum, F., "Mosquitoes bite more than once", *Science*, Vol. 295, , Jan. 4 2002, pp. 47 - 48.
- (10) Kissinger, J., et al., "The Plasmodium genome database", *Nature*, Vol. 419, 3 Oct. 2002, pp. 490 - 492.
- (11) Butler, D., "What difference does a genome make ?", *Nature*, Vol. 419, 3 Oct. 2002, pp. 426 - 428.
- (12) Florens, L., et al., "A proteomic view of the Plasmodium falciparum life cycle", *Nature*, Vol. 419, 3 Oct. 2002, pp.520 - 526.
- (13) Abbott, A., "Earliest DNA malaria found in Roman baby graveyard", *Nature*, Vol. 412, 30 Aug. 2001, pp. 847.

# Tết này nhớ tết

Lê Minh Hà

Gửi PHA

Còn có hơn một tuần nữa là lại tết. Tết này mới là tết thật, với tôi, nơi này, dù không rộn ràng như tết tây. Tết tây, đi kèm ngay sau những ngày nghỉ lễ giáng sinh, với nhiều người có khả năng hội nhập cao hình như mới là tết.

Thì tôi cũng giống mọi người, được dịp nghỉ dài ngày, dúi dụi giữa bao nhiêu bận bịu và cuống quýt vì bè bạn xa xôi được dịp đến thăm nhau, lúc đêm về vẫn không quên ngồi gõ những lời chúc an lành gửi đến bao người chưa quen mà đã thân ở khắp thế giới này. Vậy mà vẫn chổng chếnh một điều gì. Những lời chúc tết ấy chân tình lắm, vui vẻ lắm, mà vẫn như còn thiếu. Thiếu gì nữa nhỉ? Một mùi hương khói thơm trầm? Một làn mưa ẩm phủ đầy mắt mũi má môi khi bước chân ra cửa, tự mình làm một xuất hành cho hi vọng. Một nỗi gì chổng chếnh giống như là nhớ? Và một ao ước trở về, để lại được mê đi trong những tất bật chiều cuối năm những bánh chưng những giò thủ những đào những cúc, để lại được sự nhớ nhào vội ra chợ mua nắm lá mùi già và miếng chấp gói đầu... Ao ước, không hẳn là về quê cũ, mà là về ngày tháng cũ, với bạn bè thương mến giờ không biết may mắn chắt vật nơi đâu. 'Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh.' Thơ một thời đã học và vẫn nhớ, với bao nhiêu ngâm ngùi. Nhưng hạnh phúc, hạnh phúc luôn luôn có thật, từ những điều nhỏ nhặt vùi sâu trong tháng ngày. Giống tiếng trống chèo kia đầu đủ sử râu làn thảm vang từ màn ảnh nhỏ mỗi tối giao thừa, đã phát nhảm, mà vẫn náo nức một điều gì rất lạ.

Giống như tối nay, lục lợi tú đồ ăn châu á tích trữ, tôi bỗng phát hiện ra một gói măng khô còn nguyên địa chỉ người gửi ở Berlin, là một cô bạn học cũ mới tìm lại được. Măng khô đời mới, quà Việt Nam chính hiệu, bạn dặn không cần ngâm lâu, chỉ cần luộc qua đôi ba nước. Nhưng mà mình đang nhớ tết, sao không bỏ ra ngâm nhỉ, cho thật giống những ngày qua.

Kể thì cũng chẳng cần ngâm thật, vì măng khô bây giờ người ta sấy trắng, không gác trên gác bếp như xưa. Miếng măng thả vào trong nước nóng, tựa mình nở ra nhẹ nhẹ, bốc lên mùi đúng thật là măng. Tiện quá. Thế này thì cần quái gì chờ tết, mai đã có thể làm một nồi đả trước cho sướng cái thân khẩu, như ông Vũ Bằng xưa cứ chốc chốc lại ới ới với người thương nhớ ở chân trời.

Loay hoay với chậu măng vừa ngâm, tôi lại lạc vào tôi, lãng đãng bao mùa thơ đại. Tôi ấy, sao mà vất vả, luôn chạnh nỗi thiếu thừa vô cơ. Đầu nhĩ, cái màu đen kịt vì ám khói của nước ngâm măng. Đầu rồi, làng xưa sơ tán, dáng bà tôi cúi cúi bên chậu măng một trưa nào tháng chạp, rồi vừa chống tay vào gối lựa lựa đứng thẳng lên, vẩy vẩy mấy ngón gậy khớp luôn sừng đỏ, vừa hỉ hả về một nồi măng sẽ ninh thật như để đãi những đứa con xa sắp tụ về ngày tết nhất.

Măng của ngày xưa khác lắm. Tôi không chắc là ngon hơn măng bây giờ, song chỉ ít thì nấu được nồi măng như ý cũng rất nhiều linh kinh. Từ nửa tháng trước đã phải nhớ hạ mo cau ốp đậy măng vẫn gác trên gác bếp xuống để ngâm với nước vo gạo, và phải thay nước hàng ngày. Để làm sao khi chiều hai chín hay sáng ba mươi nghe từ nhà bên tiếng trẻ con reo à à và tiếng lợn học gà quéc lên thảm thiết thì nước ngâm măng phải trắng nhờ nhờ đúng như nước vo gạo không pha phách thêm tí muối bếp nào. Bà đã hện đục một góc lợn nhà bên đó. Cả bấy cháu lít nhít theo bà cấp rỏ đi vòng qua ngõ để sang hàng xóm nhận phần thịt. Bà nghiêng nghiêng phía trước. Bà dùng chân ở góc xoan đầu ngõ sửa lại cái khăn mở quạ, móc từ túi áo bông trần ra mảnh cau khô, dúm thêm tí thuốc Lào bỏ miệng cho thêm đậm. Bà đáp lại tiếng chao chất hỉ hả nào của người làng vừa rảo bước trên đê.

Con lợn đã ngã xong rồi. Nồi nước sôi sùng sục ở góc sân, bốc mùi dôi đủ hành răm và mỡ chài, đầy hứa hẹn. Này của bên bà phần thịt thủ. Cũng được cái giò to đấy. Bà về ướp thịt tối hẳng xào, ới tôi chạy qua bó cho, phải tay đàn ông giò mới chặt. Này cái bong bóng lợn, cu út đầu, của chúng mày này. Cái đuôi này bên bà chắc chẳng ăn, thôi để phần cánh đàn ông chúng tôi nhắm rượu. Này cái giò, *ăn chân sau cho nhau chân trước*, ai lại thế bà nhỉ. Nhoáng cái, ông hàng xóm đã buông dao, hỉ hả: 'Mấy anh bên bà hôm nay liệu đã về chưa? Chả biết người nhà nước được nghỉ ăn tết mấy ngày. Giá kịp thì bác bảo các anh ấy qua uống rượu tất niên với bố con em nhé.' Mấy cái rỏ đã đầy ụ những thịt xương, hồi hồi rờn rờn nóng ấm. Cái rá to lót lá dong tươi đựng phần lòng luộc vừa được chia, mảnh lá sẫm lại héo mềm, bóng nhẫy vì mỡ màng và hơi nóng, bà sai cháu gái đầu lễ bế về. Cẩn thận con nhé. Đánh đổ thì chỉ có nước cho vào nồi cám. Bố mày thích ăn lòng lắm. Biết đâu về kịp trưa nay. Bà hàng xóm đã cho mượn cái nồi ba, lại lỏng trong cái quang con con cho dễ xách. Nồi nước lòng ấy, hoặc bà sẽ làm nồi cháo, cho bố mẹ và các cô chú đi đường xa về có cái mà si sụp, hoặc bà thả vào đó nắm cải xanh, hay củ su hào mới nhỏ đem thái vát, hay mấy ngọn cần. Tôi thích nhất là mắt trước mắt sau cầm đũa khoắng bát canh, nhạt lấy mấy lá su hào bánh tẻ quện quện bao nhiêu béo bùi của những gan những đôi mới luộc.

Công việc quan trọng nhưng lại là nhàn của chiều ba mươi là nồi măng luộc lợn. Cái chân giò to ạch mới mang về, bà đem sấm soi nhạt không sót một sợi lông, chặt miếng to, ninh dạo qua vài phút cùng muối rồi vớt bọt, măng đã rửa và đã thái đổ tiếp vào, nước sấm sấp mặt, cứ thế ninh. Cũng khá khá thời gian để cho măng ngấm mặn ngấm béo. Nồi măng ấy bà để sôi âm ỉ trong bếp, tay năm tay mười ra góc sân chuẩn bị nồi lửa nồi bánh chưng chung tay gói vừa xong với nhà hàng xóm. Bữa cơm ngày mồng một, bà chỉ cần đổ thêm nửa nồi nước luộc những mấy con gà là bát canh măng đã rất ra gì. Vài sợi miến trong trong vắt qua bát măng, củ hành thì trắng, dọc hành thì xanh quăn rối lờ lững trên màu nước măng nâu trong và nổi sao lên. Lại muốn bắt chước họ Vũ mà ới ới cho người nhớ.

Đã náo nức từ mấy hôm trước tết vì những bánh trái bà sắp sửa làm. Bánh chưng. Bánh gai. Bánh tẻ. Rồi bánh mật. Bánh chưng thì đã hẳng rồi, không khí buổi chiều hay đêm luộc bánh nhà nào chẳng như nhau. Thì cũng lại củ khoai bắp ngô vùi trấu, thì cũng lại râm rạn kết tốt hội tam cúc quanh bếp lửa

hồng, hừng hực xua hết cái giá lạnh đã nấp đầu đó trong bóng tối ngoài vườn chuối chỉ trực trườn vào khi đêm xuống. Rồi vớt bánh, ép bánh và nếm bánh. Rồi buộc thêm lát mới nhuộm đỏ cho những cặp bánh chốc nữa sẽ lên ngự trên bàn thờ ông vải hay sẽ lên đường làm phân biểu họ hàng đầu làng cuối xóm.

Bánh tẻ quê nghèo tôi cũng đã tự nhem thềm mình kha khá bận rồi. Thôi, tết này nhớ tết tha nhau. Còn bánh gai và bánh mật...

Ở nơi này có lần tôi được người quen mới quy cố hương mang sang cho mấy cặp bánh gai bánh mật phố Nối. Cứ ngỡ sẽ chẳng lấy gì làm ngon miệng khi những thềm nhạt của ngọt đã bị bão hòa trong socola đường sữa bánh nướng bánh kem. Thế mà lúc ngồi tỉ mẩn bóc mảnh lá chuối gói bánh, tự dung thấy cằn cào cả dạ. Lá bánh đã có vẻ muốn đổ mồ hôi. Thì cứ ăn nhắm nhót vài ba miếng, chết ai cơ chứ. Sao ngon lạ. Cái ngon điềm đậm, hiền lành, không nên đem ra địch hay sánh với socola hảo hạng. Mà chẳng lẽ có thể sánh được sao, những mảnh lá chuối khô âm ẩm với vỏ hộp socola in ấn đẹp tới toàn hảo. Còn cái vị mật mía kia, chất phác vậy, cũng khó mà địch lại được vị ngọt sắc và béo của socola, nếu người ta ăn chỉ là đi tìm béo ngọt. Tôi cứ nghĩ nếu mời tây hoặc họ sẽ từ chối thẳng, hoặc sẽ cầm tấm bánh lên nhìn ngờ vực, và dẫu lịch sự thì cũng sẽ ngân ngại phẩm bình. Khi mà khẩu vị của mắt của lưỡi đã được tiêu chuẩn hóa, khi mà những người bản xứ tuổi tôi chỉ những lo ăn uống sao cho không bị lên cân, và chưa khi nào phải bận lòng vì tháng ngày gian nan, vì nổi chết và nghèo đói, làm cách nào họ cảm ra được cái khác biệt tinh tế kia trong mỗi thức mời nhau qua bàn tay của người nội trợ từng nhà.

Tôi mê bánh mật của bà. Thứ nhất vì nó đầy đặn mà không thô, cũng không ẻo lả như cái lưỡi mèo của bánh làm hàng. Thứ hai: bánh của bà đậm mà không ngọt quá, dẻo mà chắc, không dính và rất lâu đổ mồ hôi. Có lẽ bởi bà cẩn thận khi chọn lá, phải lá chuối thật khô, lau thật sạch. Những ngày hanh heo bà dạo ra vườn chuối, chọn lá đã khô, gió mưa làm rách ít, mặt lá nâu già lên phần trắng mờ mờ, tước về, phơi và cuộn chặt. Lá đem đẹp thì bà cho cháu chất bán cho mấy bà ngồi chợ, được hào nào thì đánh đáo tiếp vào hàng bông, kẹo bột, kẹo vừng, kẹo kéo, bánh gù ở đầu cầu. Lá đẹp thì bà giữ lại, dùng khăn lau thật sạch chờ ngày gói bánh. Bánh mật của bà đồ kĩ, có bánh mật chay và bánh mật nhân thịt đồ, để rất lâu mà bột nếp không bị lại, lớp lá ngoài lên mốc trắng mà chiếc bánh mở ra vẫn khô, vẫn thơm, vẫn rất quyến rũ. Buổi cháu chất trở lại thành phố cùng bố mẹ, bà còn ở lại lo nốt nhà cửa vườn tược, ngày tết một mình bà vẫn hì hụi gói ngần ấy thứ bánh, chờ cháu con về, lớp ăn lớp mang theo ra Hà Nội. Cầm chiếc bánh đã bóc trên tay, cắt đôi ra, bên trong lớp bột nâu rất lành kia là đậu xanh vàng êm ả. Ăn bao thức quà ngọt về sau, tôi vẫn nghĩ cái vị đậu xanh kia chỉ thực sự được tôn lên hoặc trong cái thơm ngậy ngậy của bánh chưng, hoặc trong cái ngọt gợi cả một mùa heo may của mật mía dọc triền sông quê cũ. Ăn bánh ấy, tục lắm mới ép uống lột phăng lá gói. Phải nhớ lời bà, chằm chằm tước lá bánh thành sợi nhỏ, cán tới đâu tước tới đó, và thỉnh thoảng nhắm chút chè thật đặc, chè mậu dịch một thời, ba hào bốn hào rưỡi một gói, đừng nói gì đến búp non búp già, toàn vụn bột, có chất mà không thơm, và lắm cặn. Thế mà là miếng ngon một thuở, nơi chả

còn gì để than là thiếu, để tìm đâu.

Tết nhất cơm nước cái gì cũng ề hề. Nhưng mà thật lòng tôi chỉ thích mỗi cái mùi mâm cơm ngày mông một lúc đã tàn cuộc, rượu hả lẩn trong khói hương đen. Ngồi bên mâm cơm như thế mà nghe đủ thứ chuyện nhà, chuyện đời, cứ tưởng nghe đầy rồi quên đầy, mà hóa nhớ.

Bữa ngon là bữa trưa tất niên, chưa thành cỗ bàn gì cả. Bát cơm chan canh rau nấu với nước lòng nóng bỏng, một đôi miếng dồi đủ vị hành răm, dăm miếng lòng non, và chiếc lá húng xanh mơn mớn cầm lên tay ngắm nghía rồi mới đưa vào miệng nhắm nhắm làm rau dẫn. Có ai biết hoa rau húng láng, quê tôi gọi lá húng dổi hay húng chó, quyến rũ bướm biết chừng nào. Nhớ hồi còn đi sơ tán với bà, tôi hay một mình thập thò nơi chái bếp có kê chum nước và tảng đá ong để đứng rửa chân. Ông hàng xóm hay ăn thịt vịt có trồng nơi đó một cây ớt chỉ thiên và một cây húng rất dỗi xum xuê, lá xanh, hoa tím tím. Sáng sáng bác ngan già ục ịch chẳng quản lấm láp ra vầy bùn, dụi mình gốc húng. Sáng sáng bướm ở đâu tất tả bay về. Những cánh tơ cánh lụa, vàng, đen, nâu, đốm, vẩy sáng cả những ngày xóm vắng âm u. Khóa khóa mấy nhánh rau húng đó trong chậu nước cùng vài ba thức rau thơm rau mùi khác mà nghĩ về bữa cơm đông đủ cả nhà trưa ba mươi tết, mà đột nhớ xóm cũ mùa xa, mà tưởng trước buổi chiều hẹn bạn chợ Hoa... ái chà chà, ối chao ơi nhớ.

Bé thì đi chơi tết toàn phải theo gót bố mẹ, lắm lúc phải ngồi ăn cỗ hết nhà này nhà khác, nhìn đã no cành. Lớn lên, bạn bè đã lấm, ngày tết bố mẹ nhường cho cái xe đạp vi vu, nhiều lúc mãi hẹn nhau, tết nhất mà cơm nước bữa không bữa có, rất lưỡi khô miệng chỉ vì chuyện vãi và hạt dưa hạt bí. Thì có sao đâu, tạt qua nhà đứa bạn đứng dưới phố gọi vóng lên, rồi xông vào bếp mà xin ăn, hoặc giả kéo cả lũ về nhà. Bánh chưng này, cần thêm gì nữa nhỉ? Nhặt cho tở mấy củ hành muối trong cái vại kia kìa. Ai thích giò thì bảo nhé. Một góc bánh chưng, củ hành chua chua vẫn còn thoảng vị cay, miếng giò chấm nước mắm rắc chút tiêu mới rang, mà ngon hơn, theo cái lưỡi của tôi, bánh ấy phải xơi với thịt đông nấu bằng gà trống thiến. Ngon cách lạ, nhưng chẳng thể nào có được ở Hà Nội, vị bánh chưng kia ăn với cá chép nướng, đem kho khô với riềng và mỡ nước. Áp tết, bà hay dặn mấy bố con ông hàng xóm, có nướng cá cho bà chưng với. Cá hợp tác xã tát mương tát ao, nhận phần về, đổ cả rổ sảo ra, tre tươi chẻ làm giàn, nẹp chặt mấy con chép cụ vào, cả mấy chú thiếu chú lãng, rồi gác hai cái giàn chéo nhau, giữa gậy một mẻ than hoa, ủ thêm lõi ngô và trấu, cứ thế mà hong, thơm cùng xóm nhỏ. Rồi riêng xếp dưới, cá ép chặt bên trên, kho khô đến sém sém nổi thì chan vài ba thìa mỡ nước mới rán. Cá đậm một màu nâu bên bì, vị cũng bên bì khác thường, ăn với bánh chưng hay bát cơm nguội giữa hai bữa cỗ bàn ngày tết... Còn canh măng nữa. Chẳng cần đun nóng, mỗi đứa xiên một góc. Canh măng ngày tết mẹ và chị nấu cũng cầu kỳ y như canh măng của bà, được năm tết trời đổ lạnh đông đặc lại. Miếng măng, thấm kĩ vị ngọt của cổ cánh gà, vị béo của chân giò hầm nhừ, mềm sừn sực, thịt cá còn thua.

Lại nói canh măng. Tôi mê canh măng của bà của mẹ, thế mà đã một lần kinh ngạc trước bát canh măng ăn ở nhà một cô bạn cũ, lúc đó đang học ở nước bạn. Cái bát sứ miệng rộng, không quá sâu lòng, bốn miếng móng giò trong vát úp ở bốn góc trên những miếng măng lưỡi lợn nục nạc rất rỗng châu hồ



phục, những sợi miến trong, củ hành chín tới, bốc hơi nghi ngút. Bát canh bở béo vậy và thanh nhã quá. Hết bữa, ngồi lại chơi với bà và em bạn, giúp bà xắt mấy nắm đỗ đã đồ và giã kĩ làm chè kho với mật mía, quế, thảo quả, đồ ho, tí tê hỏi bà về bát canh vừa nếm. Sau này, mỗi lúc làm một nồi canh măng khô tự phục vụ, chẳng chân giò làm gì cho mệt, cứ con gà để nấu súp, bỏ lòng, bỏ chân bỏ đầu rồi cũng còn hơn một kí, dân mình thích ăn và quen gọi gà già, nguyên con béo tốt như gà trống thiên tống thả vào ninh, rồi lại hì hục vớt cả con gà ra cùng tất cả mỡ măng nổi váng quăng vào thùng rác để đảm bảo sắc đẹp người ngự bữa, lại nhớ bát canh xưa. Nhớ bà cụ xưa nuốt cực nuôi con một mình từ thuở ngoài hai mươi tuổi. Con nhà gia giáo, lấy lẽ một ông kĩ sư đất mỏ, hai bà một ông đến tận lúc đó mới sinh hạ được một gái, là mẹ bạn tôi. Ông kĩ sư vào những năm đầu kháng chiến bị đưa đi đâu, không bao giờ về lại. Người thiếu phụ hai mươi ba tuổi một tay con dại, thu vén đất người vợ cả lần về lại đất Hà Thành. Và cứ thế, một gian nhà nhỏ, hai người đàn bà hằm hức nuôi con và nuôi nhau bằng chiếc máy khâu cộc cạch và đôi bàn tay khéo chuyện bếp núc. Yêu thương trong lòng bà lão lớn đến mực nào để cho bà có thể ở vậy, sống vậy, qua bao nhiêu nỗi truân chuyên ?

Canh măng khô, qua củi lửa yêu thương chăm bẵm ngon là thế, sẽ ngon hơn chẳng nếu biết cái đoạn từ bát canh ngược lại đời măng, nếu biết những chặng đường đi của sợi miến dong vắt qua những măng cùng nước. Xóm nhỏ quê tôi ven bờ sông Đáy, có những người đàn bà tảo tần và xốc vác, gần như bốn mùa đòn gánh trên vai. Cứ theo hướng núi mà đi, gặp may thì nhờ được anh xe tải dăm ba chặng. Còn không, chân trần dẫm đá rậm, ngày mấy chục cây. Tối đất ra đi, khuya mới đóng tiếng ngoài ngõ. Đi đòn gánh cong, về cong đòn gánh. Bông. Hạt cải... và hình như nhiều nhất là măng. Măng tươi mùa hạ. Măng khô mùa đông. Hôm thì hỉ hả vì mua mau bán chạy, lại gặp anh xe tải từ tâm. Hôm vừa cất lời đã ghen cả cổ vì bị phòng thuế bắt.

Bà cô tôi là người đi tiên phong trong phong trào buôn bán ấy. Ruộng phần trăm thuê người làm chui. Còn thì bốn mùa một mình tất tả. Thế mà đủ gây dựng cho bốn đứa con coi mát mặt ở làng. Măng tươi, luộc kĩ, ép hết nước mà gánh cho đôi, thường là măng nửa, quê tôi các bà đi buôn gọi là măng ép. Buổi tối được hôm về sớm, tắm ừ một cái ngoài sông, về mở mấy ép măng ra ới hàng xóm vạch rào sang vừa chuyện vãn vừa ăn măng chấm muối vùng đến tận lúc trăng tà. Măng đó, ra tới Hà Nội chả hiểu sao bị đổi tên thành măng lá, nghe đến là chung chung và đầy xúc phạm. Ngâm nước là măng tươi. Mà phơi khô gác trên gác bếp giáp tết mới bán thì thành măng khô. Có lần nhà tôi được biếu một mo măng như thế. Măng của gia đình người Mừng bạn hàng của cô tôi, dùng trong nhà, quý nhau thì mới đem cho. Măng đó, mang về ngâm không cần nhặt phần già. Hỏi tại sao. *Thì chẳng bé nó kể măng để bán chờ đến lúc nhú cao cả gang tay rồi mới đào. Còn măng để ăn thì nhìn đất nứt đã vác thuổng ra rồi mà lại.* Cứ tưởng tự nhiên nhi nhiên, có tiền ra chợ là có măng ăn. Mà hóa cũng trần ai lắm.

Đến ngay cái sợi miến trong trong vắt qua bát canh măng kia, cũng giăng mắc bao nhiêu là nông nổi. Nhà bà cháu tôi ngày sơ tán ba bề vây quanh bởi vườn củ bột, chiều mưa tạnh nhìn ra, hoa dong riềng chói lói. Quen vậy, mà chỉ đến lúc

xuống trọ học mấy tuần ở một làng cuối huyện nhân kì thi học sinh giỏi tôi mới biết làm thế nào để từ củ dong riềng tâm xoàng kia biến thành sợi miến ngon bạc nhất trong những món ăn lặn lội. Nhà thầy cô gửi tôi, ông lão bà lão cả ngày lúi lũi ngoài vườn, đứa cháu gái chừng bảy tuổi đi học về tha thẩn góc sân đầu ngõ, người con gái đau tim, người con dâu đi về như cái bóng, và tám ảnh người con trai đọc mồm nụ cười truyền thần dài dại dưới tám bằng Tổ quốc ghi công. Có những đêm nhớ hơi bà không ngủ được, tôi đã nằm trong màn ngó ra những bóng người im lìm ngoài hiên mài dong riềng thành bột. Bột ấy sẽ được ngâm nước lạnh trong những cái vại to dùng xếp dọc giọt gianh tới tận bếp. Tối sẩm người con dâu xong việc đồng áng và bếp núc lại lụi lụi vẩn từng cái vại ra chất nước và thay nước mới. Hỏi phải làm thế bao nhiêu lần trước khi vắt miến? - ít cũng bốn lần cháu ạ. Giọng nói ấy, cái bóng khô khô ấy, và đứa con gái bé quẩn bên chân ánh ảnh tôi không biết đến bao giờ, thức dậy những bụi ngùi xa xót, khi trong tiệm thực phẩm châu á, bên những gói miến trắng tinh trắng nõn của Tàu ít lâu nay thấy cả những gói miến trong trong và không thật trắng, nhiều khi còn cả cái lạt giang chẳng qua hàng chữ in cầu thả kẹp ở bên trong : *miến dong Việt Nam*. Những ai biết để mà mua ?

Tết đã chờ trước cửa. Mai thôi, các chợ khắp tỉnh cùng quê sẽ náo nức những vàng hương cá chép tàu vũ trụ cho ông Táo thăng thiên, những hỉ hả trông chờ vào bản tổng kết cuối năm ông Táo sắp trình trước Ngọc hoàng thượng đế. Thế rồi là...

Rồi làm sao nhỉ ? Cô bạn quý ở Sài Gòn vừa viết thư qua, kể chuyện mẹ, một bà giáo già bao lần lên bờ xuống ruộng dẫu con nhà, cứ ngồi chắc lưỡi vì nỗi *bây giờ quanh năm lúc nào muốn ăn thịt thà bánh chưng mà chả có, tết nhất dăm ra có ý nghĩa gì nữa đâu. Bánh chưng cũng chả cần gói nữa, bánh mít cũng không cần mua nữa. Mất hết cả không khí tết...* Mà cũng đúng vậy thật. Cả mười năm trước, ngay ở đất Hà Nội, nơi trình độ dịch vụ bao giờ cũng thua Sài Gòn vài ba bậc, tôi đã thấy người ta vác đĩa mua xôi hàng để cúng rằm mồng một tết sáu bộ tết nguyên tiêu. Còn ngoài chợ, trước các hàng khô nào cũng thấy bày một chậu nước đầy oạp những măng ngâm kĩ đến độ mua về là có thể bắc ngay nồi áp suất lên bếp ninh luôn được. Lúc nào cũng có thể nấu măng khô, cứ gì ngày có đám. Tiện quá, cho những bà nội trợ việc làm ăn bận tới ngày, mà Osin thì vụng chân vụng cẳng.

Nhưng măng khô nấu ào ào, ăn ào ào trong bữa cơm thường nhật ? Còn đâu nữa những xôn xao, iu ắp. Mất đi những bận bịu tưởng chừng vô nghĩa, phù phiếm, phí thời gian kia, hỏi đời sống còn lại những gì? Tiền bạc? Thành đạt? Năm đôi ba bận quỳên góp xả lạng cứu giúp nạn nhân hạn hán lũ lụt hay người già con trẻ cơ nhỡ không nhà. Tưởng cũng chỉ là để vỗ về con lương tâm thôi không cần. Không phải là vì có tội lỗi gì ở thế gian này mới nói chuyện lương tâm. Mà là để giữ lấy cho mình cho nhau một khoảng lặng, cần thiết lắm, để ưu tư và yêu thương.

Thế nên tôi đã vô cùng nể cái ý tưởng tự gói bánh chưng tết năm ngoái của cô bạn học xưa hay của bà chị gái. Nào có phải là nhà khó hay quá mẹ của nếp mà nhân thể tết nhất bày ra. Dăm ba cặp bánh chưng thuộc loại cực kì lúc nào mà chẳng có thể đặt ngoài hàng. Bánh mời ông bà ông vải là phải sạch. Bánh làm hàng làm sao được như bánh nhà tự gói. Ông anh rể phán. Thế là bận bịu chuốc từ nắm lạt gộc củi về, rửa lá, lau

## Hầu đồng ...

lá, dãi đồ, gói bánh và trông nồi bánh qua đêm. Cách rách thế vì hồn bóng, mà cũng là vì con trẻ. Cho chúng, giữa ngày tháng thiếu thừa này có được những xô xào khác lạ, mai sau còn hồi niệm để tìm về, để có đi xa còn được chùng mình lại, lắng lọc mình trong nỗi niềm xứ sở, trong êm đềm ấu thơ. Thư bạn vợ vài đồng báo tin đã vớt bánh, đã dọn xong củi lửa, đánh sạch xoong nồi, ‘thành công rực rỡ’ bởi trong những tấm bánh có bàn tay con trẻ lần đầu tập gói kia, dầu quy mô hình thức khác nhau, song chắc chắn đủ gạo, thịt và đồ. Tôi tin chắc những đứa trẻ của chúng tôi suốt đời sẽ nhớ và quý miếng bánh được bà được mẹ chỉ bảo đổ từng bát gạo, đặt từng miếng thịt và đồ làm nhân, nắn tay bẻ lá và xoắn lật, nhớ và quý suốt đời chút lọc đầu đời ấy. Cảm động. Như khi bắt gặp giữa những phận người của nhà văn Bùi Ngọc Tấn một chi tiết nhỏ, rất nhỏ thôi, nhưng đủ để cắt nghĩa sự cương cường bình thản, nhất mực là mình của con người trong một đời sống đã tới độ không thể nào chịu nổi. Nhà văn đã cho đứa con trai thành phố của mình được mình trần lợi xuống bùn ngày cuối năm giá rét, dịp nhà tát ao, để thằng bé được tự tay bắt lấy cho mình một con cá nhỏ. Để có được những ứng xử xa xỉ kia, phải nghệ sĩ đến chừng nào, phải nâng niu cuộc đời này đến mực nào!

Liệu có phải tôi lắm cảm, khi mà lại cứ nhắc nhở với mình bao món ngon ngày cũ, khi đang sống ở cái đất này, ra siêu thị là loạn thị, vì hàng hóa. Cá chép béo dần lừ đừ đông đưa trong tủ kính, chỉ tay một phát là ông Tây to vật vờ vớt ra, chặt đầu moi ruột bóc mang cắt khúc bỏ túi nilon cho mà xách. Tôm he tôm hùm gà già chim non tất tạt đều có cả. Có mời nhau ăn thì sang ra phải thịt cá loàng xoàng, chỉ rau cỏ mà thôi. Đi chợ nhiều lúc chẳng biết mua gì, nhặt đại cho đầy xe đẩy đủ ăn một tuần là xong chuyện.

Ấy thế. Chính vì cái chuyện đi chợ không biết mua gì ấy mà tôi nhớ. Nhớ những tết nhất xưa những ngày đánh phá, sương khổ bên bà. Nhớ những toan lo của bà. Nhớ những ngày rời bà ra Hà Nội với bố mẹ. Nhớ những năm ai ai cũng bảo yên hàn mà thiếu đói. Nhớ những chấp tối có bà tổ trưởng khu phố sang phát bìa gia đình, ngồi lại thắc mắc than thở bao nhiêu là chuyện. Nhớ mẹ phàn nàn *mậu dịch bán hàng tết theo bìa gia đình năm nay sao mà đắt, mứt vừa mua đã có vẻ dính tay, hạt tiêu toàn vỏ, bánh pháo tếp thì hình như ngắn hơn năm cũ, con gà công nghiệp bìa tết năm nay nghe bảo là thịt bở cũng cứ mua cho các con ăn thử xem sao. Măng khô bà gửi, con chạy qua hàng xóm hỏi mai có dậy sớm đi xếp hàng mua thịt thì đặt hộ nhà mình cục gạch, may ra mua được cái chân giò.* Và những năm cùng tháng tận không còn mẹ nữa. Mùa hạ bo bo mùa đông khoai tây bi ron ron bán thay tiêu chuẩn gạo, mà tết đến vẫn nôn nao những phân vân và ngậm ngùi. Nếu chưa ở tuổi này, và nếu vẫn còn lật đật cơm áo ở quê nhà, tôi có giấu hết những ngậm ngùi xo rụi và nhàu nát ấy?

*Tết này chưa chắc...* (\*) Tết này con cũng... Đêm hạ huyền ngoài kia cứng lạnh vì băng giá. Ngả nào cho ta rẽ nhớ quê nhà? Một miếng ăn ngon, bao triển kí ức. Con chữ nào như rá khô giữ lửa? Con chữ nào giấu hết những cực nhọc, những mong chờ căm lạng trên đất nước ngày giông bão? Con chữ nào vang vọng được nỗi niềm ta?

1.2003

Lê Minh Hà

(\*) *Tết này chưa chắc con về được* - Nguyễn Bính

Giới đồng cô còn một nguồn thu khá cao khác là buôn nhẫn ngọc bán cho các con nhang là những bà quý tộc hăm mộ họ. Nhiều đồng cô có cả một túi nhẫn mà theo hán nói là tiền tỉ để bán dần. Không ít các đồng cô cấu kết với các hiệu vàng, các đường dây buôn đá quý để làm ăn. Tất nhiên các con nhang là khách hàng thường rất nhiều tiền, thành kính và không bao giờ dám thử xem nhẫn ngọc thật hay giả, giá đắt hay rẻ. Có con nhang đã bỏ ra 20 triệu mua phải chiếc nhẫn ngọc bằng... nhựa Trung Quốc nhưng không dám báo công an, thậm chí không dám nói lại với gã đồng cô nọ. Tôi đã dự một vấn hầu nổi tiếng lớn bởi người hầu là một mệnh phụ phu nhân đức cao vọng trọng. Con nhang đồng kín điện và ai cũng giàu sang. Tôi không ngờ cung văn có giọng hát mượt mà, óng ả và réo rất khác thường đó là một nghệ sĩ hát chèo danh tiếng trên sân khấu, trên tivi và trong lòng người hăm mộ. Cũng áo chùng, bôi son, trát phấn và anh hát say mê không khác gì đang biểu diễn ngoài đời. Tiền lộc ném ra nhiều như nước, không có loại dưới 50.000 đồng và hình như có cả tiền Mỹ. Vinh nói: nghệ sĩ này năm năm trước nhiều lộc vô kể, nay đã kém thiêng nhưng một vấn hầu cũng phải đem về vài triệu. Các nghệ sĩ làm cung văn cho đồng đền bây giờ rất nhiều. Ví dụ T.N., B.H., T.C., Q.T., T.H... của các nhà hát chèo, tuồng trung ương thì “giờ hành chính” là ở điện, phủ chứ không phải ở sân khấu; bầu sô là các chủ điện, chủ nhang, hoa là lộc, danh tiếng trong con nhang chứ không phải dân chúng. Nghệ sĩ ở các đoàn nghệ thuật cấp tỉnh, huyện đi hát cho đồng đền nay cũng rất nhiều. Khi con nhang của xã hội đồng dân, người giàu ra phủ ngày một tăng thì nhu cầu kén cung văn nổi tiếng không chỉ trên chiếu điện mà phải cả trên sân khấu cũng trở nên “sốt”. Tiên phong trong giới nghệ sĩ đi hát hầu là X.H. bắt đầu từ cách đây hàng chục năm và anh cũng đổi đời, nhà cao cửa rộng, bỏ cả cơ quan nhà nước, bỏ cả những chương trình biểu diễn cho người đời để theo đám đồng cô. Giá một vấn hầu cao nhất của XH. nghe đồn đã từng lên đến 30 triệu đồng. Nay các nghệ sĩ khác theo chân anh rất nhiều. Giá một vấn hầu của họ không bao giờ dưới tiền triệu.

Theo Vinh, nghệ sĩ đi hát hầu là vì họ cũng như người khác đó là có cần thì phải đi hầu. Khi đi hầu họ có nghề thì họ hát. Thời thị trường các ông bà nhà giàu lên điện thường tìm cung văn sang trọng, hát hay nên họ không tiếc tiền bỏ ra mời gọi. Các nghệ sĩ nhạc cổ truyền thường thu nhập không cao, gặp phải những “số” diễn bằng nửa năm lặn họ càng bị hấp dẫn. Nhiều nghệ sĩ hát mãi thành có căn và cũng phải ra phủ, lên hầu như bao con nhang khác Họ bảo: làm nghệ sĩ cho đời mà bạc quá thì làm con hát cho cõi âm lại nhẹ mình.

Tôi không bàn đến việc hầu bóng, lên đồng này nguồn gốc từ đâu; có mê tín, phạm pháp hay không và liệu nó có vai trò gì trong đời sống văn hóa tâm linh, bởi việc ấy là của các nhà nghiên cứu và quản lý văn hóa. Tôi chỉ biết rằng khi cuộc trần thế quay quắt, người ta hốt hoảng đi tìm một nơi để cất giấu tâm linh. Nhưng thế giới nào cũng vậy, trần tục hay tâm linh đều phải có tôn chỉ, phép tắc, giới hạn... không thể âm dương loang lổ, pha trộn như thế.

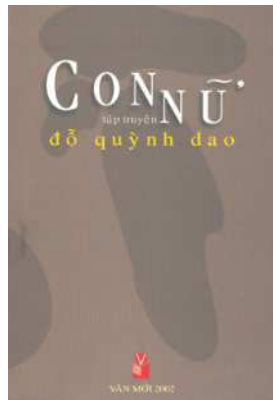
Trâm Anh

*Trích Tuổi trẻ chủ nhật, số 3-2003*

ĐỌC *Con Nữ*

tập truyện ngắn của  
**Đỗ Quỳnh Dao**

NXB Văn Mới - 2002



Cái tựa kêu gọi và đầy ẩn dụ khiến người ta có thể nghĩ rằng cả tập truyện đều nhuộm màu “con nữ”. Quả thật truyện ngắn “Con Nữ” của tác giả – mà nội dung là một câu chuyện đồng tính luyến ái – có thể được coi như một trong những truyện xuất sắc nhất, nếu không là truyện ngắn độc đáo nhất của tập truyện, ít ra về mặt hình thức diễn đạt.

Tuy nhiên, đề tài đồng tính luyến ái không phải là nội dung duy nhất của tập truyện. Nhiều đề tài nhạy cảm khác cũng đã được tác giả đề cập đến với một cái nhìn hiện thực, mới mẻ. Đó là truyện những cuộc đời, những thân phận, những nếp sống và ứng xử, nói chung, đó là những nỗi đau khổ, dằn vặt của những con người cụ thể, hiện đang sống giữa chúng ta, và ở ngay tại cái xứ sở văn minh này.

Từ nỗi bất hạnh của những con người bị hắt hủi (*Con Nữ*, *Xó Tối*), cho đến nỗi đau khổ của những người phụ nữ trong quan hệ vợ chồng (*Nói Một Mình*, *Riu Rít Tiếng Chim*, *Đổi Gương*), trong tình mẹ con (*Cuộn Khói Mong Manh*); và cuối cùng, nỗi bất hạnh của những người bệnh (*Sợi Tình*, *Lisa Thở Mười Sáu*), những đứa trẻ tật nguyền (*Phải Chi*), những người già cả cô đơn (*Sau Cò*, *Con Bão Sống*).

Truyện *Con Nữ* hấp dẫn, trước hết vì cái hình thức mới mẻ của nó. Có thể nói rằng, chính cái hình thức “phân thân” nhân vật ra làm hai, một nửa là thằng Nai, một nửa là con nữ, đã cho phép tác giả phân tích, mổ xẻ vấn đề đồng tính luyến ái một cách sinh động, đôi khi hài hước. Không biết trong thực tế thì ra sao, nhưng tình trạng “phân thân” của nhân vật thằng Nai-con nữ quả là có một cái gì vừa bi đát, vừa ngộ nghĩnh, đôi khi đạt đến mức siêu thực!

Không thể nào bảo rằng câu chuyện này lẽ ra chỉ là một câu chuyện đơn giản, mà cuối cùng đã trở nên phức tạp. Hiện tượng đồng tính luyến ái tự nó có bao giờ lại đơn giản? Nó càng không đơn giản khi người ta phải đối đầu với những hậu quả của nó, nhất là khi phải lựa chọn.

Truyện *Con Nữ* là truyện thằng Gấu và thằng Nai, hai đứa bạn trai quen thân nhau từ lúc còn học trường tiểu học, đi chơi, đá banh, bơi lội, lúc nào cũng có nhau. Dần dần lớn lên, thằng Nai có xu hướng đồng tính luyến ái, và vừa lúc “con nữ” trong con người nó chiến thắng, nó đã tỏ tình với thằng Gấu,

và bị cự tuyệt, phỉ nhổ. Nếu không có cái chết của thằng Gấu vì tai nạn xe cộ, thì có lẽ câu chuyện đã có thể sớm có một lối ra, vì dẫu sao Gấu và Nai trước kia vẫn là hai đứa bạn sống chết có nhau, Gấu luôn luôn bênh vực, và che chở cho Nai trong mọi tình huống. Nhưng Gấu đã chết, để lại Nai một mình bơ vơ với một sự lựa chọn không dễ dàng gì: một là chấp nhận cái xu hướng bản năng của mình, hai là phải loại nó đi. Có thể có người sẽ không đồng tình lắm với cái kết trong truyện. Liệu thằng Nai có quyền phỉ nhổ lên cái “con nữ” ở trong nó, như thằng Gấu đã làm không? Vì con nữ chính là cái con người bản năng, con người đích thực của nó? Đương nhiên, nó có quyền lựa chọn: hoặc trở thành một người đàn ông thực sự, hoặc trở thành một “con nữ” 100%. Dù thế nào thì nhân vật thằng Nai-con nữ cũng sẽ chỉ có thể sống trong mâu thuẫn và ám ảnh thường trực.

Suy cho cùng, đầu mối của mọi sự chung quy vẫn chỉ là Tình Yêu. Đối với người đồng tính luyến ái, cũng thế thôi. Khát vọng cao nhất của họ cũng chỉ là Tình Yêu: yêu và được yêu. Mọi chuyện khác chỉ là phụ.

Trong tập truyện còn nhiều truyện ngắn khác cũng rất hay, mà trọng tâm cũng xoay vào hai chữ Yêu-Thương – những truyện ngắn làm cho người đọc xúc động, đôi khi phẫn nộ, như trường hợp truyện *Nói Một Mình*, trong đó tác giả tả một nhân vật “machô”, tàn nhẫn hết mức đối với người vợ hiền lành chỉ biết chịu đựng.

Đó còn là truyện *Sợi Tình* nói về một người đàn bà bị ung thư vú cố bám lấy sự sống vì tình thương yêu của người chồng. *Riu Rít Tiếng Chim*, *Đổi Gương*, đều là những truyện ngắn xuất sắc về thân phận người phụ nữ trong xã hội hiện đại.

*Phải Chi* là truyện một đứa trẻ tật nguyền. *Lisa, Thở Mười Sáu* cũng là truyện một cô gái bị bệnh tâm thần. Cả hai đều hay và cảm động.

Đỗ Quỳnh Dao có một phong cách viết, thoạt nhìn tưởng như khá cổ điển. Ít nhà văn nào ngày nay mà còn có can đảm và kiên nhẫn để miêu tả hàng trang, hàng trang, cái khung cảnh vật chất trong đó một câu chuyện xảy ra. Nếu người đọc không kiên nhẫn thì sẽ thấy là nó dài dòng, và có thể là không cần thiết. Nhưng thực ra đây là một nét thuộc phong cách và thuộc quan niệm về hiện thực của nhà văn. Những đoạn tả ngoại cảnh rất chi li – như thể những chi tiết trong một kịch bản phim – thực ra có một tác dụng nhất định: nó là những nhịp nghỉ cần thiết, và bằng những hình ảnh cụ thể của đời sống, nó làm cho câu chuyện thêm thật, thêm đích thực.

Ngôn ngữ văn chương của Đỗ Quỳnh Dao là một ngôn ngữ dày đặc, giàu nhịp điệu và không thiếu chất trữ tình. Sự dày đặc đó là một trong những nét thẩm mỹ đặc trưng của văn học nghệ thuật hiện đại. Nó đi đôi với khái niệm về nhịp điệu. Đồng thời, cũng như trong nghệ thuật tạo hình, nó thể hiện sự dồi dào của vốn ngôn ngữ của nhà văn, sự dày đặc phong phú của những ý tưởng và hình ảnh. Về chi tiết, có thể cái ngôn ngữ đó không được gọt giũa tới mức toàn mỹ, song điều đó không phải là một trở ngại. Điều đáng kể là nó đã chuyên chở được những tình cảm, suy nghĩ, sâu xa nhất, nói lên những khát vọng thầm kín và mãnh liệt nhất của các nhân vật.

**Văn Ngọc**

## Âu Châu Tứ Bình (Pháp Lang Sa từng khú xứ)

VŨ HUY QUANG

Quen biết nhau qua chữ viết đã lâu, được một số bạn niềm nở đón tiếp tôi trong mùa đông tháng giá cuối năm ở Paris, khi vừa đặt chân về lại Mỹ, đã nhận được thông điệp chuyển theo, nói thẳng, “ Hạn cho 10 ngày, ông không cầm bút viết cho xong Ký sự chuyện Tây du vừa rồi, mắt thấy tai nghe những gì... thì chúng tôi tuyệt giao.”

Trên đời viết sự thật là khó nhất. đi chơi thì dễ. Tôi bảo, “ Tây Du Ký mà Ngô Thừa Ân viết ngày xưa, có thỉnh kinh, có thần tiên yêu quái, thời này làm gì còn ? Vua chúa triều đình thì đảng “ ta ” đẹp lâu rồi, chuyện lạ có đâu mà viết ? ”. Bạn gát, “ Gặp Từ Hi Thái Hậu Paris rồi chứ ? Ông ghé 5 nước, ngủ mười chỗ, com-gà-cá-gỏi, ban đêm lục lợi sách vở Trốtkit, ban ngày ăn quán cơm treo hình Bác Hồ, lò dò mua Canard Enchainé, xem ké “ Chung Một Bóng Cờ ”...bộ chúng tôi không biết sao ? Bên quý quốc làm quái gì có Michel Houellebecq, Catherine Millet, và “ Chiến đấu Trong Vòng Vây ” ? Vậy thì cảm tưởng thế nào, hãy viết cho trung thực ”. Tôi thật thà bảo, lần nào du lịch về nhà cũng bị các Mỹ kiều hỏi, “ Có bị Việt Cộng tuyên truyền ? ” cho nên khó viết. Bạn lại gát, “ Làm quái gì có Việt Cộng ? Nay ông đã qua lục thập hoa giáp, lúc nào cũng sợ, viết gì cũng run, mai một sức khỏe suy yếu, lúc ấy muốn nói gì cũng không viết ra được nữa ! ”

Những người tôi gặp là những tay du học – không phải đi tản – cho nên rất khó đối phó. Âu châu người ta cãi lý, ý kiến bất cứ chuyện gì, kể cả chuyện chủ nghĩa. Người Mỹ gốc Việt thì không cần để ý chủ thuyết (biết cộng sản từ bé, biết quá rồi) cho nên không mấy khi luận bàn, chỉ góp tiền và bắt bẻ nhau chuyện chống-cộng thôi. Ở Mỹ người Việt cùng đi tản hàng loạt, cùng chống-cộng như nhau và ngang nhau, ai đi chệch đường là bị tố cáo (*Bắt Gặp Quả Tang*), không ăn com tây, chỉ ăn com Việt (com Việt ở Calif. ngon nhất thế giới, rượu vang Mỹ ngon hơn rượu vang Tây, trắng nước Mỹ tròn hơn trắng Liên xô). Cũng là nơi chống Du lịch, ủng hộ Cấm vận, “ nhờ Mỹ bảo đảm Nhân quyền ” ; Cũng là nơi viết văn cho hay, làm văn nghệ (chống ca sĩ) không bàn chính trị ; Là nơi mà ra mắt sách phải chào cờ ; Nơi mà hể phỏng vấn anh nào trong nước (chuyện thật tội nghiệp) là anh ấy thành phần quốc, đi tù... Làm sao so với kinh đô ánh sáng, có ít nhất 2 (hai) Nhà phê bình ? Thâm nghĩ như thế, tôi đầu dụ, “ Có thấy cảnh yêu quái phá nhà người già, cũng đã nghe những lời đay nghiến...Nhưng kể chuyện du lịch thì cho tôi được viết về những kỷ niệm êm đềm ”. Bạn bảo, “ được ”.

Ở Tây người ta cũng nói O.K nhiều lắm, nhưng bực mình họ vẫn nói chữ *Merde*. Các tiệm Mc Donald (tây đọc là mắc-đô) nhan nhản, theo kế hoạch làm tiền toàn cầu. Tôi đi khu Đền Lồng Đò Cao Cao ở Amsterdam, xe đạp nhiều hơn ô-tô... như bên mình, nhưng móc túi nhanh hơn, nhiều hơn. Tệ đoan đâu cũng có, chả cứ chuyện chỉ ở Việt Nam như các báo chí Việt ngữ vẫn đăng nhan nhản bên Mỹ. Nhưng chuyện xấu Tây phương thì người mình không nói, báo chí chỗ tôi chỉ kể chuyện xấu ở nước mình thôi, (phê bình xây dựng ?). Dĩ nhiên

bia ôm người tây cũng có (khu Moulin Rouge) nhưng đắt hơn VN nhiều (bia ôm là tiêu chuẩn du khách so sánh sinh hoạt trên thế giới – tôi không có ý khen nước mình). Các nhà văn sinh hoạt ở tây phương, cũng hay hỏi thăm nhau (Truyền thống Văn bút Quốc tế ?). Nhà văn N. N. vừa rời Paris về hôm trước, cũng hỏi thăm tin tôi, người đến hôm sau : Dù gọi tôi là đại úy Ngụy – không biết có viết “ trong ngoặc kép ” ? — nhưng ông có khác với các nhà văn Mỹ gốc Việt viết tiếng Việt ở Mỹ, thường chỉ hỏi thăm phe Quốc-gia-mình với nhau.

Một tối cuối năm, đi bộ ra đường mua rượu, *trời buốt ra đi*, Chiến tranh Lạnh hẳn vẫn còn trong tâm khảm nhiều người Việt – tôi bùi ngùi nghĩ đến những hoàn cảnh éo le mình chứng kiến. Nhưng viết làm sao, kể những gì ? *đấu tranh giai cấp ?* – Rất là phạm huý, *Dận chủ từ Trên xuống hay từ Dưới lên ?* – Rất là hoang tưởng. Ở Pháp không khí lãng mạn, nghệ thuật âm thực, ngôn ngữ, trang phục... cao độ, làm con người dễ *Mourir d'aimer* (chết vì yêu). Nhưng cũng vẫn có những người tin là còn cách mạng. Cộng đồng xứ đi tản tôi, vô khối chuyên viên lạc đề, nên chuyện éo le người ta cười hô hố, nói chuyện vui họ tưởng kể chuyện buồn, chuyện đáng quý họ hững hờ, chuyện Bác Hồ họ ngoảnh mặt. Đề cập đường xá, so sánh tiện nghi công cộng bởi phong thổ khác nhau, họ lập tức tự hào về...Mỹ, *dân chủ giấu mặt*.

Đi xa về kể chuyện, một người bạn hỏi, sao thường đi Tây về thì dễ vương vấn, đi nước khác đâu có thế ? Theo tôi, không phải vì văn hoá Pháp, mà vì con người. Âu châu có 4 đặc điểm làm tôi giạt mình, Mai-Lan-Cúc-Trúc... của bộ Tứ Bình. Nay xin thuật ngọn ngành – những người mà tôi kỳ vọng tất sẽ là Angela Davis, Camille Paglia, hoặc Alice Walker... thời hiện đại ; hoặc như văn đàn Mỹ từng có những cây bút Radical, Progressive, Muckraker (\*) đầu thế kỷ 20 vậy.

Ai đọc “ Nền qua kẽ liếp ”, “ Hợp âm trong vùng sân khuất ” có thể tưởng tác giả Mai Ninh là người lướt mướt ; Ai đọc nhận định về Bá Dương, về “ ở xứ chuông re ” tưởng Phan Thị Trọng Tuyền là người khô khan ; đọc “ Trăng Goá ” sẽ tưởng Lê Minh Hà là người lạnh lẽo ở Đức ; và nhìn nhan đề “ Huyết đảng ” của Phạm Hải Anh, tưởng là truyện kinh dị... Amsterdam. Nhưng được tiếp xúc mới rõ, họ là bốn nhà văn nữ nhạy cảm với những nụ cười hóm hỉnh đôi khi phát thành tiếng, những phấn đấu cá nhân âm thầm thể hiện bằng giấy mực, những chứng nhân của một thời Nam Bắc, Trong Ngoài... Tuy họ sống cách xa nhau, từ những hoàn cảnh địa lý khác nhau... mà đặc biệt đã họp thành bộ Tứ Bình trong mắt tôi : Chúng ta vẫn có thể làm Cách Mạng nữa được, nào có phải cuộc CM (mùa thu) vừa rồi đã hoàn tất ? Có điều nói ra, nhiều người Việt “ Parisiens ” không tin, các trí thức khảnh tướng (intelligentsia)... cũng không tin.

Hẳn kỳ nhân dị sĩ (\*\*) còn nhiều, nhưng Tây du trong có 3 tuần, *tàu mã khản hoa* được có thế... Nếu sơ sót gì, xin được bỏ quá cho.

(Và lại báo chí bây giờ không thích đăng những bài... dài.)

(1/03)

(\*) Những cây bút triết để Hoa kỳ đầu thế kỷ 20, chỉ rõ những lâm than của đàn bà con nít lao động.

(\*\*) Tác giả “Thằng Người Có Đuôi”, Thế Giang, đang “ Từ Văn sĩ chuyển thành Cao nhân ”, mười năm nay không viết chữ nào, bí tí quán nhà, “ cao đàm luận sự ” với khách qua đường.

# MỘT VĂN THƯ VƯƠNG QUỐC LƯU CẦU GỬI SANG VIỆT NAM VÀO ĐẦU THẾ KỶ XVI

— Giới thiệu và chú giải —  
VĨNH SÍNH

*Lịch đại bảo án* (“ Những tư liệu quý báu qua các đời ”, tiếng Nhật đọc là *Rekidai hōan*) là sưu tập văn thư ngoại giao giữa vương quốc Lưu Cầu với Trung Quốc, Triều Tiên (Hàn Quốc) và các nước Đông Nam Á trong khoảng 443 năm – từ 1424 cho đến 1867. LDBA gồm tất cả 270 quyển, chia thành 3 tập, 1 biệt tập và mục lục ; tất cả những văn thư đều được viết bằng Hán văn dựa trên những nghi lễ của văn thư ngoại giao Trung Quốc ngày trước. LDBA thường được xem là một sử liệu ngoại giao có chất lượng cao, hiếm có trên thế giới.

Nếu chỉ tính riêng Đông Nam Á (tiếng Lưu Cầu gọi chung



*Lịch đại bảo án*

khu vực này là *Manaban*), Lưu Cầu đã gửi thuyền sang 8 nước và phố cảng trong vùng này vào thế kỷ XV và XVI, trong khoảng thời gian 146 năm (1425—1570). Căn cứ vào những chấp chiếu (hay “ chấp chiếu văn ”, tức chứng thư đi sang các nước Đông Nam Á do vương quốc Lưu Cầu cấp) thu tập trong LDBA, số thuyền gửi đi các địa điểm khác nhau ở vùng này có thể tóm lược như sau : Xiêm-la (nay là Thái), 58 chiếc ; Mãn-thích-gia (Malacca), 20 chiếc; Phật-thái-nê (Patani), 10 chiếc ; Trảo-oa (Java), 6 chiếc ; Bảo-lâm-bằng (còn gọi là Cự-cảng, Palembang), 4 chiếc ; Tô-môn-đáp-thích (Sumatra), 3 chiếc ; Tuân-đạt (Sunda-Karapa), 2 chiếc ; An Nam, 1 chiếc.

Như vậy, trong LDBA chỉ có một chấp chiếu duy nhất liên quan tới quan hệ giữa Lưu Cầu và An Nam. Chấp chiếu này đề ngày 9 tháng 10, năm thứ 4 đời Chính Đức nhà Minh, tức ngày 20 tháng 11, 1509. Trước khi đi vào chi tiết, ta hãy xem nội dung của chấp chiếu đó qua bản dịch từ Hán văn sau đây (âm tiếng Nhật và tiếng Lưu Cầu được ghi thêm trong ngoặc đơn).



## Chấp chiếu :

Trung Sơn Vương (Chuzan-ô) nước Lưu Cầu (Ryukyu), nhằm tạ lễ, nay đặc phái Chánh sứ Chánh nghị Đại phu Trịnh Cửu (Tei Kyu), Phó sứ Mã Sa Giai (Masakai), Thông sự Trịnh Hạo (Tei Kô) và những người khác cầm tư văn [văn thư chính thức] này cùng đi trên hải thuyền mang hiệu chữ *Tin* (Shin). Trên thuyền còn chở : 1 vạn cân lưu huỳnh, 1 bộ áo giáp sắt có bản mạ đồng đan kẽ bằng dây với những tấm da thuộc bản nhỏ màu xanh, 2 thanh kiếm đeo hông có vỏ sơn mài đen khác nổi rồng vàng, 6 thanh kiếm đeo hông có chuôi mạ vàng, 2 thanh trường kiếm có vỏ sơn mài đỏ khảm vàng và xà cừ, 2 cây thương có vỏ sơn mài đen khảm vàng và xà cừ, 4 cây cung làm bằng gỗ dâu nuôi tằm, 120 mũi tên đầu mạ vàng đuôi gắn lông chim ưng, 100 thước vải bông gồm các màu khác nhau để mặc mùa hè, và 2.000 cân sắt chưa tôi.

Những vật trên là để dâng tặng nhằm cảm tạ Vạn Thọ Đại Vương điện hạ của nước An Nam. Ngoài ra không có văn thư gì khác cho nhân viên phái đoàn này, vì thật tình chúng tôi sợ phái đoàn có thể bị quan viên khám xét và gây trở ngại bất tiện. Bởi thế, vương phủ chúng tôi đã cấp chấp chiếu này có đóng ấn nửa chữ “ Huyền ” và nửa số hiệu “ 176 ” cho Chánh sứ Chánh nghị Đại phu Trịnh Cửu cùng những người khác mang theo trước khi lên đường.

Trong trường hợp nếu quan viên ở cửa quan nơi thuyền cập bến hay quan quân ở vùng duyên hải dọc đường khám xét, xin chớ gây trở ngại gì, vui lòng để cho phái đoàn đi ngay không chậm trễ và xin trả lại chấp chiếu này cho phái đoàn.

Sau đây xin liệt khai [danh sách những người trong phái đoàn] :

Chánh sứ Chánh nghị Đại phu, một người : Trịnh Cửu (Tei Kyu)

Phó sứ, hai người : Mã Sa Giai (Masakai), Lương Qui (Ryô Ki)

Đô thông sự [Thông dịch chính], một người : Trịnh Hạo (Tei Kô)

Phó thông sự [Thông dịch phụ], một người : Lương Tuấn (Ryô Shun)

Trực kho [Quản kho] và Hỏa trưởng [Thuyền trưởng], hai người : Ô Thị (Ushi), Cao Nghĩa (Kô Gi).

Tổng số người trên tàu kể cả sao thủy [thủy thủ] : 130 người.

Ngày 9 tháng 10, năm Chính Đức thứ tư [ngày 20 tháng 11, 1509].

Chấp chiếu trên đã được cấp cho Chánh sứ Chánh nghị Đại phu Trịnh Cửu, thông sự Trịnh Hạo, cùng những người khác để mang theo.<sup>1</sup>

## ❖ Chú giải :

(1) Trước hết ta hãy xem ai là người gửi thư và người nhận thư. Trung Sơn Vương ở đây là tên gọi dòng vua nước Lưu Cầu từ khoảng năm 1314 cho đến năm 1879 (Nhật Bản sáp nhập Lưu Cầu thành huyện Okinawa vào năm này). Nguyên vào

c cuối thế kỷ XIV, nhà Minh phong vương cho cả 3 người nối ngôi ở 3 vùng của Tam Sơn (Bắc Sơn, Trung Sơn, và Nam Sơn). Vào đầu thế kỷ XV, vua Thượng Ba-Chí của Trung Sơn bình định Tam Sơn, thành lập vương quốc Lưu Cầu thống nhất và được hoàng đế nhà Minh phong là “ Lưu Cầu Quốc Trung Sơn Vương ”, khởi đầu dòng vua Trung Sơn Vương. Bức thư gửi sang An Nam được viết vào năm thứ 32 đời vua Thượng Chân (Shō Shin), nhà vua trị vì nước Lưu Cầu trong 50 năm (1477-1526). Trong suốt thời gian ở trên ngôi, vua Thượng Chân một mặt thi hành nhiều chính sách nhằm củng cố guồng máy trung ương của vương quốc Lưu Cầu, một mặt tăng cường quan hệ ngoại giao và mậu dịch với Trung Quốc, Nhật Bản cùng các nước Đông Nam Á. Nhờ vậy, dưới đời vua Thượng Chân vương quốc Lưu Cầu đã trải qua một thời kỳ cực thịnh.

Về phía người nhận thư, cho đến nay ta chưa biết đích xác người được gọi “ Vạn Thọ Đại vương điện hạ ” là ai. Thông thường theo nghi lễ ngoại giao giữa các nước trong thế giới Đông Á ngày trước, vì phái đoàn mang thư của vua nước Lưu Cầu, người nhận thư phải là quốc vương nước An Nam lúc đó. Tính theo dương lịch, bức thư trên được viết vào ngày 20 tháng 11 năm 1509, vào thời điểm đó ở Việt Nam vua Lê Uy Mục, người đương thời gọi là “ Quý vương ”, hãy còn trên ngôi. Trong các sách sử Việt Nam, không thấy nói vua Lê Uy Mục dùng danh hiệu “ Vạn Thọ Đại Vương ” hay “ Vạn Thọ Vương ”, hoặc có một nhân vật nào khác tự xưng hay lạm xưng như thế. Theo quan chế triều Lê, “ Thân vương thì hoàng tử được phong, lấy tên phủ làm hiệu (như phủ Kiến Hưng gọi là Kiến Hưng Vương). Tự thân vương thì con cả của thân vương được phong, lấy tên huyện làm hiệu (như huyện Hải Lăng thì gọi là Hải Lăng Vương) ”<sup>2</sup>. Tra cứu các sách địa dư, chúng tôi cũng không thấy có phủ hay huyện nào có tên là Vạn Thọ cả. Tên Vạn Thọ chỉ thấy xuất hiện là tên một điện ở cung thành Đông Quan vào đời nhà Lê mà thôi<sup>3</sup>. Mong độc giả nào biết xin vui lòng chỉ giáo.

Điều cần để ý là chỉ 10 ngày sau khi văn thư trên được chấp chiếu, tức vào ngày 1 tháng 12, 1509, một chính biến xảy ra trong triều đình nhà Lê : Giản Tu Công tên là Oanh (có sách gọi là Dinh) bức vua Uy Mục tự tử rồi lên ngôi, tức là vua Tương Dực. Thông thường, thuyền đi về giữa Lưu Cầu và các nước Đông Nam Á phải nương theo gió mùa và thường ghé Phúc Châu và Quảng Đông (chưa tính thời gian bốc xếp hàng hoá), rất có khả năng là thuyền của phái đoàn Lưu Cầu đến Việt Nam sau khi chính biến trong triều đình nhà Lê đã xảy ra. Như chúng ta đã biết, từ khi vua Uy Mục rồi sau đó là vua Tương Dực lên ngôi, cơ nghiệp nhà Lê ngày một suy yếu, đất nước loạn lạc, giặc giã nổi lên khắp nơi. Vì trong LDBA không có thư phúc đáp của “ Vạn Thọ Đại Vương ” hay của một ai đó về phía Việt Nam, ta không có thể biết rõ là chấp chiếu trên cùng những tặng phẩm của vua nước Lưu Cầu có được trao đến tận tay của “ Vạn Thọ Đại Vương ” hay người thay thế hay không. Điều ta có thể phỏng đoán là chuyến đi sang An Nam bình an, vì một số tùy viên trong chuyến đi này về sau cũng sẽ tham gia phái đoàn của Lưu Cầu sang Patani vào năm 1515 (Trịnh Hạo và Cao Nghĩa)<sup>4</sup>.

(2) Cần để ý là chuyến đi sang An Nam của phái đoàn Lưu Cầu được tổng hợp với chuyến đi sang Xiêm La vào năm đó,

có điều là phái đoàn khi sang Xiêm La mang một chấp chiếu khác. Mặc dầu cả hai chấp chiếu cùng được cấp vào ngày 20 tháng 11, 1509 và cùng đóng ấn nửa chữ “ Huyền ”, và mặc dầu tên những tùy viên tháp tùng hai phái đoàn đều giống nhau, nhưng chấp chiếu đi Xiêm La đóng ấn nửa số hiệu “ 175 ”, thay vì nửa số hiệu “ 176 ” (như ta đã thấy trong chấp chiếu sang An Nam).

Tục lệ dùng “ khám hợp phù ” (*kangō-fu*, kiểm tra hai nửa con dấu xem có phù hợp với nhau không ; còn gọi là “ cát phù ”, *wappu*, tức con dấu phân làm hai, tiếng Anh gọi là *split seal*) được bắt đầu vào năm 1383 dưới đời nhà Minh. Cách dùng con ấn nửa chữ làm dấu hiệu khi vương quốc Lưu Cầu cấp chấp chiếu cho những thuyền đi nước ngoài chắc hẳn cũng đã mô phỏng theo đó, mặc dầu trên thực tế khi sử dụng có chỗ khác biệt so với nhà Minh. Chẳng hạn, đối với Nhật Bản, nhà Minh cấp mỗi lần 100 giấy phép, mỗi giấy phép có đóng dấu nửa chữ “ Bản ” và nửa số hiệu. Như vậy, thuyền của Nhật khi sang Trung Quốc mỗi lần sẽ mang một giấy phép có đóng con ấn nửa chữ “ Bản ” và nửa số hiệu lấy theo thứ tự từ 1 đến 100 ; sang đến Trung Quốc, trước hết sẽ được quan viên tỉnh Triết Giang ở cảng Ninh Ba kiểm soát bằng cách xem nửa con dấu trong giấy phép đó có phù hợp với con dấu nửa phần kia lưu giữ trong sổ bạ của họ hay không. Ở Bắc Kinh, nhân viên của Bộ Lễ sẽ kiểm soát thêm một lần nữa. Trong trường hợp Lưu Cầu, đời vua Thượng Đức (Shō Toku; 1461-69) quy định là chữ Hán dùng trong giấy phép, bất luận đời vua, sẽ lấy theo thứ tự những chữ lấy từ sách học chữ Hán gọi là *Thiên tự văn* (sách này bắt đầu bằng câu “ Thiên địa huyền hoàng, vũ trụ hồng hoang ”). Thí dụ, sau chữ “ Thiên ” sẽ dùng chữ “ Địa ”, sau “ Địa ” là “ Huyền ”, v.v. Sang đời vua Thượng Chân, quy ước này được sửa lại là mỗi đời vua chỉ dùng một chữ, cụ thể là đời vua Thượng Chân sẽ dùng chữ “ Huyền ” cho tất cả những thuyền được cấp chấp chiếu đi sang Đông Nam Á. Chấp chiếu sang An Nam, như ta đã thấy, có đóng dấu nửa chữ “ Huyền ” chính là vì vậy.

(3) Nội dung của chấp chiếu trên đây cho phép chúng ta suy luận là đã có tiếp xúc giữa hai nước Lưu Cầu và An Nam trước thời điểm vương phủ Lưu Cầu cấp chấp chiếu nói trên. Những tặng phẩm chở trên thuyền có ghi rõ là nhằm “ tạ lễ ”, dựa vào đây ta có thể phỏng đoán là trước đó thuyền nước Lưu Cầu có lẽ đã bị trôi giạt vào bờ biển Việt Nam và đã được cứu giúp. Để kiểm chứng, chúng tôi đã dùng thời điểm ngày 20/11/1509 làm mốc rồi tìm trong LDBA thử xem Lưu Cầu có cấp chấp chiếu nào đi sang Đông Nam Á trước đó trong khoảng từ 1 đến 3 năm hay không. Kết quả là chúng tôi đã phát hiện trong khoảng thời gian ấy Lưu Cầu có cấp 2 chấp chiếu : 1 chấp chiếu để đi Xiêm La (đóng ấn nửa chữ “ Huyền ” và nửa số hiệu “ 172 ”, cấp ngày 2 tháng 9, 1509)<sup>5</sup>, và 1 chấp chiếu để đi Malacca (đóng ấn nửa chữ “ Huyền ” và nửa số hiệu “ 174 ”, cấp cùng ngày 2 tháng 9, 1509)<sup>6</sup>. Do đó, chúng tôi suy luận là có khả năng một trong hai chiếc thuyền này đã trôi giạt vào bờ biển Việt Nam sau khi gặp tai nạn trên biển và đã được nhà đương cuộc An Nam (Việt Nam) cứu giúp.

Hơn nữa, khi xem qua LDBA chúng tôi lại tình cờ phát hiện là trong văn thư “ người hùng của dân tộc Mã Lai ”



Lassamane (Laksamana, âm chữ Hán gọi là Lạc-ty-ma-na hoặc Lạc-tác-ma-na) gửi vua Lưu Cầu đề ngày 11 tháng 4, 1480 cũng có nhắc đến chuyện một chiếc thuyền Lưu Cầu cũng đã trôi giạt vào bờ biển Việt Nam. Trong thư có đoạn viết : “ Nhân nghe khi một trong những thuyền của quý quốc [Lưu Cầu] bị trôi giạt vào bờ biển nước Giao Chỉ [Việt Nam], thủy thủ vì thiếu nước uống mà đã phải đánh nhau với người Giao Chỉ, Lassamane đã gửi một chiếc thuyền nhỏ đến nơi trước đây là đất Chiêm Thành. Sau khi ra sức tìm kiếm, chúng tôi tìm thấy được 2 người, nhưng 1 người đã chết từ lâu vì mắc



Vua Thượng Chàn

bệnh” 7.

Thực hư về việc giao tranh giữa người Việt với thủy thủ người Lưu Cầu không thấy ghi trong sử sách nước ta. Chúng ta chỉ biết Lê Thánh Tông là vị vua trị vì ở Việt Nam (1460-1497) tương ứng với khoảng thời gian này đã có chính sách cứng rắn nhưng rất khôn khéo đối với Chiêm Thành trong nỗ lực mở mang bờ cõi của người Việt về phương Nam. Năm 1470, vua Thánh Tông “ dẹp được Chiêm Thành, bắt sống Trà Toàn” 8, vua Chiêm Thành lúc bấy giờ. Vua Thánh Tông cũng đã “ thân hành soạn ra *Bình Chiêm sách* [Sách lược bình định Chiêm Thành], ban cho các doanh” 9.

Điều thú vị và khá bất ngờ là tư liệu Trung Quốc lại có nhắc đến sự hiện diện của người Lưu Cầu trên bờ biển Việt Nam. Theo một sử liệu về đời nhà Minh là *Hoàng Minh thực lục*, vua Lê Thánh Tông có gửi tờ biểu sang nhà Minh vào năm 1478 và đã giải thích về việc chinh phục Chiêm Thành như sau : “ Người cầm đầu Chiêm Thành là Ba-Lung-A-Ma, trước đây có thái độ hoà hiếu với An Nam, bắt giữ những người Lưu Cầu bị trôi giạt và dẫn dắt họ cùng sang xâm lăng An Nam, nhưng quân Chiêm Thành đã bị đội phòng vệ bờ biển của chúng tôi đánh bại” 10. So sánh nội dung tờ biểu của vua Lê Thánh Tông với thư của Lassamane gửi vua nước Lưu Cầu, điều rõ ràng nhất là Lassamane đã đứng về phía Chiêm Thành trong cuộc giao tranh Việt - Chiêm (điều này cũng dễ hiểu vì văn hóa và ngôn ngữ người Mã Lai và người Chăm có liên hệ với nhau), và muốn tìm sự đồng tình của vua nước Lưu Cầu. Vấn đề này cần được nghiên cứu thêm, nhưng trong khuôn khổ của bài viết này, khi trích dẫn bức thư của Lassamane,

chúng tôi muốn chứng minh rằng : (a) việc thuyền nước Lưu Cầu trôi giạt vào bờ biển Việt Nam trên thực tế đã xảy ra vào khoảng năm 1478, và (b) trước khi Lưu Cầu chính thức gửi thuyền chở tặng phẩm sang cảm ơn vào tháng 11 năm 1509, chắc hẳn thuyền nước họ cũng đã trôi giạt vào bờ biển Việt Nam và đã được nhà đương cuộc Việt Nam lúc bấy giờ giúp đỡ.

(4) Trong những hoạt động ngoại giao và mậu dịch của vương quốc Lưu Cầu, người Hoa gốc Phúc Kiến, thường gọi là người Mân, cư ngụ ở phố Cửu-mễ-thôn (tiếng Lưu Cầu gọi là Kuninda) trong kinh thành Thủ Lý (Shuri, một phần của thành phố Naha ngày nay) đóng vai trò rất trọng yếu. Những chức “ thông sự ” (thông dịch) và “ hoả trưởng ” (thuyền trưởng) hầu như lúc nào cũng do người Cửu-mễ-thôn phụ trách. Trong chấp chiếu đi sang An Nam, hai người thông dịch chính và phụ (Trịnh Hạo và Lương Tuấn) cùng thuyền trưởng (Cao Nghĩa) đều là người Cửu-mễ-thôn 11. Vì người Mân cũng chiếm đa số trong cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á, người phố Cửu-mễ-thôn là nhịp cầu nối liền giữa Lưu Cầu không chỉ với Trung Quốc mà còn với các nước Đông Nam Á.

Ngoài việc thông dịch và đảm đương các trách nhiệm về ngoại giao, mậu dịch, người Mân còn giúp vương quốc Lưu Cầu trên nhiều lãnh vực khác như soạn thảo và dịch thuật văn thư bằng chữ Hán giữa Lưu Cầu với Trung Quốc và các nước Đông Nam Á (những văn thư thu tập trong LDBA trên thực tế đều do người Mân soạn thảo), sửa chữa thuyền đi biển, hướng dẫn về kỹ thuật hàng hải, v.v. 12

Từ khi nhà Minh thi hành chính sách cấm tư nhân trong nước giao thương với nước ngoài (“ *hạ hải thông phiên chi cấm*”, gọi tắt là “ *hải cấm*”), Lưu Cầu trở thành một cứ điểm mậu dịch trung chuyển quan trọng ở Đông Á giữa Trung Quốc với các nước Đông Nam Á và giữa Trung Quốc với Nhật Bản. Nền kinh tế của Lưu Cầu nhờ vậy có những nét khởi sắc rõ rệt.

Giống như Triều Tiên và Việt Nam, Lưu Cầu từ xưa đã có quan hệ triều cống với Trung Quốc. Theo “ thể chế triều cống ” (còn gọi là “ thể chế sách phong”), Lưu Cầu gửi thuyền tiến cống sang Trung Quốc theo định kỳ. Dựa theo *Minh sử*, nếu so sánh số lần triều cống của các nước Á Châu trong suốt đời nhà Minh, Lưu Cầu đứng hàng đầu (171 lần), thứ đến là An Nam (89 lần), sau đó là Java (37 lần), Triều Tiên (30 lần), Nhật Bản đứng hàng thứ 13 với 17 lần 13. Hai phẩm vật triều cống chủ yếu của Lưu Cầu đối với Trung Quốc là ngựa và lưu huỳnh. Ngựa dùng để chuyên chở vật tư và dùng làm quân mã, tối cần cho Trung Quốc trong việc đánh dẹp tàn quân Mông Cổ còn gây khó khăn cho nhà Minh trên mạn Bắc của Vạn Lý Trường Thành. Từ thế kỷ XIV cho đến đầu thế kỷ XV, Lưu Cầu là nguồn cung cấp ngựa cho nhà Minh, có năm số lượng lên đến 900 con 14. Lưu huỳnh lấy từ mỏ trên đảo Iō-torishima ở phía Bắc của quần đảo Lưu Cầu, lượng triều cống mỗi lần là từ 2 đến 3 vạn cân. Lưu huỳnh được tinh luyện ở Phúc Kiến trước khi chở lên Bắc Kinh. Lưu huỳnh được dùng làm nguyên liệu thuốc nổ, bởi vậy lưu huỳnh được xem là một vật tư quan trọng trong chính sách quốc phòng của nhà Minh. Quan hệ triều cống của Lưu Cầu đối với Trung Quốc có tính cách hỗ tương. Vì Lưu Cầu cung cấp cho nhà Minh hai nhu

yếu phẩm là ngựa và lưu huỳnh ; ngược lại, trong một thời gian dài nhà Minh đã cung cấp cho Lưu Cầu những thuyền đi biển lớn rất cần cho mậu dịch giữa Lưu Cầu và Đông Nam Á.

Những phẩm vật triều cống khác của Lưu Cầu vào đời Minh là xà cừ, đá mài dao, v.v. (thổ sản của Lưu Cầu), kiếm, quạt, v.v. (hàng Nhật Bản), ngà voi, mộc hương, đinh hương, hồ tiêu, v.v. (sản vật Đông Nam Á). Do đó, ta thấy rõ là một phần của những phẩm vật Lưu Cầu tiến cống sang Trung Quốc gồm các sản vật mà Lưu Cầu có được do mậu dịch trung chuyển với Nhật Bản và các nước Đông Nam Á. Cần nói thêm là ngoài những phẩm vật tiến cống, nước triều cống có thể đem thêm những hàng hoá sang Trung Quốc để bán và lối mậu dịch này gọi là “ mậu dịch triều cống ”.

Xem như vậy, ta có thể phỏng đoán là trong số những tặng phẩm vua nước Lưu Cầu gửi Vạn Thọ Đại Vương, 1 vạn cân lưu huỳnh và 100 thước vải bông thì đúng là đặc sản của nước Lưu Cầu, còn những loại vũ khí như thương kiếm, cung tên và áo giáp chắc hẳn là sản phẩm của Nhật Bản. Những tặng phẩm này, như chúng ta đã thấy, hầu hết là những dụng cụ chiến tranh (ngoại trừ vải bông), rất khác nội dung những tặng phẩm hay hàng hóa Lưu Cầu gửi sang các nước Đông Nam Á vào thời điểm này. Mặc dầu chúng ta không biết Vạn Thọ Đại Vương có phải là vua Lê Uy Mục hay không, nhưng theo những điều sử sách còn ghi lại, ta thấy rằng vị vua này cũng “ tính ưa vũ dũng ”<sup>15</sup>, đến nỗi “ có khi bắt quân sĩ lấy gậy đánh nhau để làm trò chơi ”<sup>16</sup>. Có khả năng vua Lê Uy Mục khi còn sống chính là người đã “ đặt hàng ” những tặng phẩm đó. Ngoài ra, cũng cần nói thêm là lưu huỳnh ở Việt Nam vào thời điểm này hình như cũng chủ yếu được dùng làm nguyên liệu chất nổ. Một bằng chứng đượm tính bi kịch là vua Lê Uy Mục sau khi bị bức tử, xác nhà vua đã bị Giản Tu Công Oanh “ sai người dùng súng lớn, để xác vua vào miệng súng, cho nổ tan hết hài cốt ” bởi Giản Tu Công hãy còn căm giận vì trước đây “ vua [Lê Uy Mục] giết hại cha mẹ, anh chị em mình rất thảm khốc ”<sup>7</sup>.

Vai trò của vương quốc Lưu Cầu là một cứ điểm mậu dịch trung chuyển quan trọng ở Đông Á biến dạng vào giữa thế kỷ XVI khi nhà Minh bắt đầu suy yếu và chính sách “ hải cấm ” không còn có hiệu lực như trước. Thương nhân Trung Quốc nay có thể ra nước ngoài buôn bán một cách công khai. Mặt khác, nước Nhật sau gần 150 năm chiến loạn cũng đã thống nhất vào năm 1600. Vai trò trung chuyển của Lưu Cầu do đó mất dần ý nghĩa. Chấp chiếu sang Đông Nam Á sưu tập trong LDBA chấm dứt vào năm 1570 cần được hiểu trong bối cảnh đó.

Ngày nay, không mấy ai hay rằng hơn một trăm năm trước khi người Nhật bắt đầu đến buôn bán ở Việt Nam cùng các nước Đông Nam Á khác vào cuối thế kỷ XVI, thuyền buôn của vương quốc Lưu Cầu một thời cũng đã từng vãng lai những nơi này và đã đóng vai trò quan yếu trong nền mậu dịch trung chuyển ở Á Châu.

VĨNH SÍNH

(1) Nguyên văn bản chấp chiếu này được in lại trong Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda, *Ryukyuan Relations with Korea and South*

*Sea Countries - An Annotated Translation of Documents in the Rekidai Hōan* (Liên hệ giữa Lưu Cầu với Triều Tiên (Hàn Quốc) và các nước Đông Nam Á - Dịch thuật và chú thích các tư liệu) (Tokyo : Atsushi Kobata, 1969), trang 106-107.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư* (Hà Nội : Nxb Khoa học xã hội, 1993), tập II, trang 454.

(3) Xem Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (Tổ Biên dịch Viện Sử học dịch và hiệu đính), *Đại Việt địa dư toàn biên* (Hà Nội : Nxb Viện Sử học và Nxb Văn hóa, 1997), trang 108.

(4) Xem nguyên văn chấp chiếu này trong Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda, *sách đã dẫn*, trang 114.

(5) Xem nguyên văn chấp chiếu này trong Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda, *sách đã dẫn*, trang 104.

(6) Xem nguyên văn chấp chiếu này trong Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda, *sách đã dẫn*, trang 105.

(7) Xem nguyên văn chấp chiếu này trong Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda, *sách đã dẫn*, trang 15.

(8) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, trang 451.

(9) Như trên, trang 448.

(10) *Huang-Ming shih-lu* (Hoàng Minh thực lục), tháng 3, năm Thành Hóa thứ 14 (1478). Trích lại từ Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda, *sách đã dẫn*, trang 119.

(11) Xem Takara Kurayoshi, *Ajia no naka no Ryukyu okoku* ([ý nghĩa của] Vương quốc Lưu Cầu ở Á Châu) (Tokyo : Yoshikawa Kōbunkan, 1999), trang 78-80 ; và Atsushi Kobata & Mitsugu Matsuda, *sách đã dẫn*, trang 199-202.

(12) Takara Kurayoshi, *sách đã dẫn*, trang 81-82.

(13) Takara Kurayoshi và Dana Masayuki biên tập, *Zusetsu Ryukyu okoku* (Vương quốc Lưu Cầu - Có kèm thêm hình nh) (Tokyo : Kawade Shobō Shinsha, 1997), trang 19.

(14) Như trên, trang 62-63 ; và Takara Kurayoshi và Dana Masayuki biên tập, *sách đã dẫn*, trang 29.

(15) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, trang 44.

(16) Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược* (Sàigòn : Trung tâm Học liệu, 1971), quyển I, trang 265.

(17) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, trang 50.

## Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ \* Imprimé par nos soins  
Dépôt légal: 178/91 \* Commission Paritaire: AS 73 324 \* Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@wanadoo.fr

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 51)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)